



SỐ 183

**TRẦN THỊ TUỆ MAI * THI VŨ * CHINH YÊN * SATA
INEKO - LÊ VĂN HOÀN * VŨ BẰNG * NGUYỄN THỊ
HOÀNG * VŨ HẠNH * TRẦN TUẤN KIẾT * BỬU Ý *
NGUYỄN XUÂN HOÀNG * DƯƠNG NGHIỆM MẬU *
HẠC THÀNH HOA * THƯ TRUNG**

**tập san VĂN
số 183**

Tuyển tập Thơ Văn



Paris * 01-2026

Bìa : THOÁNG HIỆN EM VỀ
Tranh của họa sĩ Duy Thanh
Nguồn : Thư Ấn quán

tập san VĂN
số 183

Tuyển tập Thơ Văn

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 183 ra ngày 15-08-1971

Tập san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ tám / số 183 /

Ngày 15-08-1971



Tuyển tập Thơ Văn

đọc trong số này:

1. Trần Thị Tuệ Mai 11

Thi Vũ; Chinh Yên; Nguyễn Văn
Ngọc * Thơ

2. Sata Ineko 22

Con búp bê đất, truyện ngắn; Lê
Văn Hoàn dịch

3. Vũ Bằng 81

Thương nhớ mười hai, bút ký *
Tháng bảy ngày rằm xá tội vong
nhân

- | | |
|--|------------|
| 4. Nguyễn Thị Hoàng
Nỗi chết, truyện ngắn | 129 |
| 5. Nguyễn Phan Thịnh,
Hạc Thành Hoa * Thơ | 180 |
| 6. Vũ Hạnh
Trong xóm, truyện ngắn | 188 |
| 7. Bửu Ý
Người con gái, bút ký | 215 |
| 8. Nguyễn Xuân Hoàng
Những cửa sổ của Huế, bút ký | 222 |
| 9. Dương Nghiễm Mậu
Kẻ sống đã chết, truyện dài (kỳ 4) | 244 |
| 10. Trần Tuấn Kiệt,
Hoàng Lộc; Hoài Tuyết Trang * Thơ | 264 |
| 11. Tòa soạn VĂN
Giải đáp thắc mắc | 273 |

12. Thư Trung 295

và các bạn – Tin văn văn

BÌA: THOÁNG HIỆN EM VỀ – Tra-
nh DUY THANH



Tòa soạn và Trị sự: 38,
Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định
số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn
Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ
bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông
Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp: ông Gia
Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo
VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

THƠ

Trần Thị Tuệ Mai * Thi Vũ

Chinh Yên * Nguyễn Văn Ngọc

Trong cơn di chuyển

*Đã thấy mình như khói vẫn vơ
từ nơi lửa bếp thoát xa nhà
ít nhiều choáng váng trong thân
lượn
bởi xót rừng xanh gốc củi xưa.*

Đã thấy mình như gió thiết tha
mang âm thanh đợi đến cung
chờ

(nhưng miền giao cảm nhiều
ngăn cách

có phải thành giông mới vượt
qua?)

Đã thấy mình như sông xa nguồn
bạn bè trăm bến vẫn cô đơn
đón bao dòng ngọt, sao nghe
mặn

cuộn sóng ngầm như thể đại
dương.

Đã thấy mình như kẻ suốt đời

so le hạnh phúc, trệch đường
vui

trong tà áo gió ươm hồn nắng
thảng thốt môi xanh ngậm ngải
cười.

Biết nghỉ ngơi đâu, biết hỏi đâu
những tôi mê mãi, những tôi
sầu

— trong cơn di chuyển mòn tim
óc

đã thấy mình như tới vực sâu...

Trần Thị Tuệ Mai

Thầm kín

*Quê hương gọi ngừng đầu trông
tuyệt xuống M*

*ặt trời xưa thầm lặng ngủ bên
truông*

*Mái nhà xưa nghiêng hỏi những
bầy trời*

*Hồn du mục gió mây nào ảo
tưởng.*

*Con sông dài thơm ngát tới đâu
xanh*

Mùa là chảy nhuộm hai tà lụa
bạch

Triền đời hồng ngọt xuống nón
quai thao

Trăng giấu giếm nhịp môi hồng
khép cánh.

Cồn cô liêu thuyền chở gió neo
bờ

Chùa nửa khuya đèn hóp tối
xem kinh

Từng tiếng bụi va thành hơi
chuông nhỏ

Đêm muôn đêm chờ giây phút
gieo linh.

Tôi thâm lặng ngó bầu ma thủ
thủ

Khuya khiêng hòm cho những
xác mai chôn

Thời loạn lạc thần linh đều đi
lính

Hàng mù u trái đắng rụng qua
ngày

Ngã ba Lào đường chiến dịch
chia hai

Rừng mở cánh như loài hoa ăn
nhặng

Tiếng gầm trời bầu hỏa lực hung
hăng

Em bé bỏng chưa một lần hái
trái

Hồn thế kỷ còn mây làm bia ký
Chút trời xanh giữ đôi mắt xưa
thu

Bờ giếng cũ nón còn em nhớ đây
Nguồn thơm này trong mạch
nước mai sau

Quê hương gọi tiếng hát thầm
cho mẹ

Nỗi em chờ áo lụa giặt bao phen
Vườn lá đỏ những ve sầu trông
hẹn

Nước trùng dương rót chưa cạn
đôi người

Quê hương gọi ngừng trông
từng cơn gió

Tiếng diều xa con rồng nhỏ cuối
dây

Tay ấn quyết kéo thu về vô tận

Hóa mình ra thành muôn dặm
pháp thân

Về phú chúc cho mùa Sen thầm
kín

Quê hương buồn ba mươi tuổi
đứng xin.

Thi Vũ

M ư a

Trời mưa — trời mưa mau

Hồn theo cơn nước lũ

Ta so vai lụ khụ

Tuổi mang theo tình sầu

Ngó đi rồi ngó lại

Đời như đã nặng nề

Ta khuân hoài khuân mãi

Một kiếp dài lê thê

*Hạnh phúc như vó câu
Ta, tên nài chậm chạp
Tình yêu như lộc cây
Ta rung bằng bão táp*

*Ngày xô ngày qua dần
Ta xô ta biên biệt
Trán thêm vài nếp nhăn
Tóc thêm vài sợi bạc
Tuổi theo người băng khuâng.*

Chinh Yên

Đêm mộng

*Em là bông cúc vàng
nở vườn anh một đóa
em là bóng nguyệt rằm
soi lòng anh mấy thuở*

*đêm nay mộng yêu em
nguyệt, hoa nhìn rất lạ.*

Nguyễn Văn Ngọc

Sata Ineko

Con búp bê đất



SATA INEKO sinh năm 1904.
Năm 13 tuổi, cô đã bắt đầu đi làm

cho một hãng Nấu đường làm kẹo, và sau lại thay đổi nhiều việc khác. Năm 17 tuổi làm chiêu đãi viên cho một tiệm ăn kiểu Nhật, và nhờ vậy được tiếp xúc với các văn gia như Kikuchi Ken và Akutagawa Ryunosuke. Năm sau, tác giả giúp việc cho một tiệm bán sách lớn ở Tokyo, tiệm Maruzen; và lấy chồng, con trai một gia đình triệu phú, nhưng cuộc nhân duyên lỡ dở, nên tác giả lại đi làm cho một tiệm cà phê. Trong thời gian này, bà cộng tác với một tạp chí văn chương, tờ Roba (Con lừa) rồi tái giá với một phê bình gia tên là Kubokawa Tsurujiro. Năm 1928, tạp chí Proretaria, Geijutsu (Nghệ thuật Vô sản) đăng một truyện ngắn của bà, “Kyarameru Kojo Kara” (Từ hãng nấu đường) được văn giới chú ý về lối hành văn

tự nhiên và sáng sủa. Tiếp theo là chuyện “Nani o Nasubeki ka” (Cái gì cần phải làm?) 1932 và những tác phẩm khác đã làm cho bà nổi danh như là một nữ tác giả vô sản đã nói lên những điều mới mẻ. Một trong những tác phẩm nổi tiếng đó là “Kurenai” (Đỏ thắm) miêu tả một cuộc hôn nhân khủng hoảng trong những ngày tàn của phong trào văn chương vô sản ở nước Nhật.

Những tác phẩm sau Thế chiến đáng kể của bà là “Kikai no Naka no Seishun” (Tuổi trẻ bị cơ khí bao vây) và “Karada no Naka o Kaze ga Fuku” (Gió thổi trong mình). Tác phẩm của bà có những nét đặc trưng về tác phong đạo đức, công bằng xã hội, và có một lối hành văn riêng biệt rất là khúc chiết.

Bản Việt ngữ dưới đây được dịch theo bản Anh dịch nhan đề “Clay Doll” của John Bester.

Toshiko qua là cái gánh nặng cho gia đình Yashima. Mặc dầu mẹ nó, bà Oseki có thương nó đến đâu chẳng nữa, nhưng tình thương của một người đàn bà đảm đang đối với một đứa con gái ngớ ngẩn, lâu dần cũng trở nên bức tức. Phải đợi mãi tới năm nó hai mươi tuổi mới kiếm được người vời đến nó. Bảo rằng một gia đình phải đi kiếm người để cưới con gái độc nhất của mình thì nghe

cũng lạ tai thật, nhưng trong gia đình Yashima, câu chuyện đã xảy ra đúng như thế. Chắc hẳn là chính bà Oseki đã câu được gã bán than trong xóm để gả con gái mình. Cả gia đình hồi đó chỉ trông cậy vào người con trai lớn, cậu Kaneyuki kiếm tiền về nuôi mọi người. Cậu ta làm việc trong một hãng đóng tàu lớn. Tài sản không có, hương hỏa cũng không, còn nói gì đến của hồi môn nữa. Cho nên Toshiko tro ra, chỉ có cái xác thịt đem về nhà chồng. Tân lang tên là Hara-da thường đi kiếm than ở khắp nơi rồi đem về bán cho các gia đình ở trong xóm. Cho nên bảo rằng hẳn là lái than thì không đúng, vì hẳn có đốt củi làm than đâu – hơn nữa hẳn cũng chẳng có ai là họ hàng thân thích, vì vậy trong việc gả bán

này, có vẻ như bà Oseki đã ban ơn cho hẳn.

Cậu Kaneyuki thì chả thêm để ý đến việc này, vị hôn phu của Toshiko muốn là cái quái gì chả được. Đối với bà Oseki và cả đối với cậu nữa, cứ tìm được một người chồng cho của nợ ấy là nhẹ mình rồi. Ngay cả đến cháu bé Hiroko, con gái của Kaneyuki, mới lên năm tuổi cũng hiểu như vậy.

Tới ngày cưới, cô dâu cũng được chải tóc theo lối cổ truyền và mặc cái ki-mô-nô khá đặc biệt. Rồi người ta tề chỉnh đặt cô cái phòng trang nhã nhất trong nhà để cho Harada đến dẫn đi. Kể ra thì hai mẹ con cô cũng lùn như nhau, nhưng chỉ khác vào một điều là bà

mẹ thì gọn gàng chải chuốt mà con gái thì lười sỗ sề. Mũi nó cũng cao và thẳng như bà Oseki, nhưng hai cái má thì bạnh ra và cặp môi cũng mọng lên như quả nhót. Tóc nó rồi xoắn lại thật khó mà chải cho ra kiểu. Nó ngồi ở trong phòng, hai vai u lên, mặc áo ki-mô-nô có đai đỏ thắt lại, trông giống hệt như con búp bê nặn bằng đất. Ở miền quê, họ thường dùng một thứ khuôn tròn để nặn sơ sài một loại búp bê bằng đất sét rồi quét qua lớp sơn đỏ – đó Toshiko giống hệt như thế. Nhưng trước mặt bé Hiroko thì cô nó thật là rực rỡ, rồi nó và em trai nó nhảy múa, hò hét ở trong phòng.

Nhà có hành lang rộng rãi;
ngoài hành lang có vườn trồng các

thứ cây ăn quả, như cây bưởi, cây hồng, cây thạch lựu đang có trái. Ngay dưới cây bưởi, có cái miếu nhỏ thờ thần Shinto và một bát sồi gấc nhỏ đặt ở trước để cúng thần nhân ngày cưới. Họ cốt thối sồi để thết khách nhân dịp gả con gái. Nhưng khách chả thấy một bóng ma nào ngoại trừ chàng rể Harada đến để dẫn cô dâu đi với nó, và thế là xong. Harada cao lớn, thô kệch, nhưng bản tính thì thật tốt.

Thế là Toshiko đã có một gia đình riêng, mặc dù phải ở thuê một căn phòng về phía đằng sau dãy phố miền chài lưới. Đúng kỳ hạn, nó sinh một đứa con trai. Thằng bé càng ngày càng láu lỉnh, nhanh nhẹn so với Toshiko chậm chạp, ngớ ngẩn, trông cảnh tượng

thật lạ lùng, không ai ngờ là hai mẹ con.

“Nào, nào, Ichiro, không được nghịch quá!” đôi khi người ta lại nghe thấy giọng nhà quê, thô kệch của Toshiko trầm lặng mắng con.

Thật là một sự tương phản kỳ lạ giữa hai mẹ con: mẹ thì nói năng đờ đẫn, con thì nhẩy múa quay cuồng, chân tay vung vẩy như quá thừa sức, không thể ngồi yên được. Nhưng cũng chả sao, Toshiko vẫn sống lầm lì theo nếp cũ cho tới khi thằng bé gần ba tuổi. Nhưng chồng ả, Harada đã bắt đầu tỏ ra bức bối. ả chênh mảng lơ là cả về vấn đề chi tiêu trong gia đình, làm cho đời sống hàng ngày càng khó khăn thêm. Tuy nhiên Harada

rất quý con, nên y không nỡ đuổi ả về nhà mẹ, nhưng hẳn trở nên gắt gỏng, cáu kỉnh với vợ, đến nỗi ngày nào y cũng giáng cho ả một trận đòn, trong khi cái thân hình núng nính của Toshiko vẫn đứng đĩnh đi đi lại lại, thỉnh thoảng lại thét lên một tiếng như con vật bị lâm nguy. ả cũng chả hiểu sao ả lại bị đánh đập như vậy. Lâu dần ả cũng trở ra, vẫn núng nính, lăm lì, dửng dưng như trước, ngoại trừ những vết tím bầm ở trên mặt và trên người ả.

Mẹ ả, bà Oseki thường kể cho cháu Hiroko nghe là khi Toshiko còn nhỏ, người u em ẵm ả lỡ tay đánh rơi ả xuống thềm nhà nên bây giờ ả đâm ra hơi ngớ ngẩn.

Bố Toshiko nguyên là một y sĩ nên lúc ông ta còn sống, gia đình rất sung túc và vì vậy bóng dáng một người u em trong nhà rất là cần thiết. Ở một địa vị sang trọng như vậy, nếu chẳng may có đứa con nào sinh đàn độn thì cũng đổ quấy là u em làm ngã để giữ sĩ diện. Họ còn giữ được bức ảnh chụp bà Oseki với ba con nhỏ ngay sau lúc chồng bà mất đi. Trông hình bà hãy còn trẻ, trang trọng uy nghi, cặp môi mím lại như để đối phó với cuộc đời. Lúc đó, cậu bé Keneyuki – mặc một cái ki-mô-nô mùa hạ và một cái xiêm kiểu Nhật thật đẹp – ngẩng đầu cao, minh mẫn. Ngay cả em trai Toshiko, bé Naoyuki đứng thẳng người, một tay đặt lên vạt áo mẹ, cũng

có cặp mắt thông minh, lanh lợi. Nhưng còn Toshiko, đứng ở cuối hàng trông thật là ngớ ngẩn, mặc dầu quần áo bảnh bao và chải tóc xoắn để xõa xuống trán. Trong bốn người, hình như chỉ có ả là bước đi sau thời gian, lạc lõng. Tuy nhiên, sự ngớ ngẩn của ả không có nghĩa là cử chỉ lơ lửng và ả cũng được mẹ dạy cho biết làm vài món ăn, và chỉ có thể thôi. Nhưng chính vì thế mà bà Osaki càng bức mình thêm, bà luôn luôn gắt gỏng, cáu kỉnh với ả. Cả Kaneyuki và Naoyuki đối với ả cũng không hơn gì, ả chỉ thấy khác một điều là đứa lớn là anh và đứa nhỏ là em của ả mà thôi.

Ít lâu nay, bà Oseki nhận thấy Harada đã đánh đập Toshiko đến nổi mặt sưng lên và nhiều chỗ tím

bầm lại, nên bà phàn nàn với người con trai lớn:

– Mặt nó sưng u cả lên, tội nghiệp! Chắc là thằng kia đã đánh nó tàn nhẫn. Sao con không can ngăn nó đi?

– Con có nói ra cũng chả ích gì, vì mọi sự là tại Toshiko có, nó đàn độn quá.

– Mẹ biết nó đàn độn, nhưng dù sao, Harada cũng không được làm quá như vậy, có phải không?

– Con đã bảo ngay từ lúc đầu mà, con không thích Toshiko lấy cái thằng đó; chỉ tại mẹ muốn như thế.

– Đã đành vậy, nhưng con thử nghĩ coi, còn có ai muốn vờ đến

nó nữa, chỉ có hạng người như Harada mới chịu lấy nó mà thôi. Nhưng hiện giờ cái thằng bán than ấy lại đi rêu rao khắp nơi là nó bị lừa. Nó lại lên mặt ta đây, thế mới bực mình.

– Việc gì mẹ phải bứt rứt về chuyện ấy? Sao mẹ không đến dẫn nó về? Can gì mẹ để hạng người như Harada dám chơi trêu như vậy? Mẹ cứ đến ngay nhà nó lôi Toshiko về là thượng sách.

Sở dĩ Kaneyuki thúc đẩy như vậy, một là do lòng oán hờn bà Oseki và một phần để trả nũa Harada. Vả lại hãn cũng rất ghét tính ngu dần của Toshiko nữa. Nói tóm lại, lời đề nghị của hãn chẳng qua chỉ do lòng ích kỷ mà ra. Bà Oseki

cũng muốn nghe hẳn thử đưa Toshiko về nhà ít lâu để xem cách đối xử của Harada ra sao. Rốt cuộc, họ đưa nó về nhà thật và để đưa con nhỏ, Ichiro ở lại. Nó buồn bã khóc ròng đến sưng húp cả hai mắt lên, nhưng vẫn chẳng có phản ứng nào, cứ để mặc cho người khác lôi cuốn. Cho nên khi mẹ nó đã dẫn nó về nhà, nó cũng không dám trở lại thăm con nó nữa.

Chừng mười ngày sau, vào buổi tối, Harada đến để xin lỗi, có quà dâng cả đứa con đằng sau lưng. Thằng nhỏ, Ichiro cứ ngoảnh mắt lên trên vai bố nó nhìn lơ lảo khắp nơi ở trong phòng khách. Bà Oseki lấy cớ là Kaneyuki đi vắng nên không tiếp và Harada đành phải trở về nhà. Trong khi đó, Toshiko

ngồi ở phía bên kia cửa, càng ủ rũ hơn mọi khi.

Thế là hết, ả không còn thấy chồng con ả nữa, vì sau đó ít lâu, cả gia đình di chuyển đi Tokyo và đã phái Naoyuki đến sira soạn trước. Mặc dầu khi xui mẹ đi bắt Toshiko về nhà, Kaneyuki chỉ vì nóng tính trong một lúc, nhưng sự quyết định dọn nhà đi Tokyo cũng hàm ý một phần không muốn để cô em gái ở gần chồng. Vì vậy Toshiko lai bị mẹ ả thúc giục ra đi để làm các công việc trông thật là vất vả mà người khác chỉ làm trong nháy mắt. Số phận nó phải như thế, phải quện chặt thêm vào cái số phận gia đình Yashima hiện đang ở trong tình trạng thiếu thốn.

Việc dọn nhà bất thành linh đi Tokyo do Kaneyuki khởi xướng ra, đèo bông cả hai đứa con, bà mẹ Oseki, cô em gái Toshiko, một phần vì lý do vợ chết nhưng một phần vì tự nhiên y sinh ra chán nản công việc đang làm. Nhưng khi đến một tỉnh lạ, đâu có dễ dàng tìm kiếm ngay được việc làm, nhất là đang lúc tình trạng đình đốn vào hồi cuối năm 1929. Kaneyuki tam xin một chân thư ký cho một gia đình làm đồ sắt, rồi lại xin làm nhân viên hãng bảo kê, rồi lại thử các công việc khác trong mục “tìm người” đăng trên các báo, nhưng tựu chung, chẳng làm đâu được lâu. Trước kia, sở dĩ y tức giận Harada đã hành bạ phũ phàng em gái y, nên mới xúi mẹ bắt Toshiko về nhà, nhưng bây giờ chính y lại trút lên đầu ả bao nhiêu

mỗi giận hờn của y, mỗi khi y say rượu. Toshiko lúc nào trông cũng có vẻ sợ sệt, và hề ả thấy bóng dáng người anh ở đâu là lăm lét nhìn trộm. Kaneyuki đâm ra bực mình về thái độ thấp hèn ấy nên sẵn đến bạt tai ả. Thế là ả lăn tròn xuống sàn nhà như quả bóng và thét lên như đứa trẻ.

– Tôi đã phạm tội gì? ả kêu khóc rên rỉ, hai mu mắt sùm sụp của ả rủ xuống buồn thảm, tuyệt vọng.

– Tại sao anh lại đánh tôi?

Nghe thấy thế, Kaneyuki lại càng nóng sôi lên, vừa chửi thề, vừa đánh. ả rên lên một tiếng, đưa hai bàn tay che mặt, rồi lết hai đầu gối đi tới góc phòng.

– Tôi xin lỗi, tôi xin lỗi. Ắ khóc lóc van nài.

– Mà xin lỗi cái gì?

Kaneyuki lại thét lên, hình như không chịu nổi cái thái độ xấu xa của ắ.

– Nếu mà biết có lỗi thì hãy đi kiếm việc mà làm đi, bất cứ ở đâu người ta cần đến. Tất cả nhà chỉ có mà là chả làm nổi cái gì để sinh sống. Trong lúc này, ai còn nuôi nổi mà nữa.

Bà Oseki vẫn khâu vá để kiếm thêm chút ít và trầm lặng mục kích tấn kịch tới mức không chịu nổi được nữa. Bà liều xếp đồ khâu lại rồi quay sang Kaneyuki:

– Tất cả những lời anh nói vừa rồi liệu có ích gì không. Anh vừa trút tất cả bức tức lên con Toshiko mỗi khi anh cúi kính chứ gì? Bây giờ chắc anh thấy trong người khoan khoái rồi, có phải không?

– Mẹ không hiểu.

– Sao, anh định nói gì – Không hiểu à? Toshiko nó làm việc theo lối riêng của nó, có phải không?

– Nó làm được việc gì hay cả ngày chỉ quanh quẩn dưới gấu váy của mẹ.

– Anh nói nhiều thế đã thấy chán mòn chưa?

– Con chữa chán! Tại sao mẹ...

Y lại muốn sỉ vả Toshiko một lần nữa, nhưng bà Oseki đã chặn lại và quát bảo con gái:

– Sao mày không biết chạy đi chỗ khác cho khuất mắt đi mà lại cứ ngồi ỳ ra đây? Chính là lỗi tại mày.

Tuy được bà mẹ nhắc cho như vậy, nhưng Toshiko chả biết lần đi chỗ nào cho khuất. Trước mặt mọi người, ả liền lết xuống bên cái chậu rửa bát ở dưới bếp và rên rỉ thê thảm.

Naoyuki, em trai của Kaneyuki đang theo bậc trung học thì lại ưa gia nhập một phong trào sinh viên nào đó và rất ít trở về nhà anh nó ở Takinokawa. Tuy nhiên Kaneyuki vẫn chiều em, nên sẵn sàng lắng tai

nghe em thì thầm về ý thức hệ nọ, lý thuyết kia. Còn chính Kaneyuki thường chẳng ngần ngại xén tiền ăn của gia đình để đi uống rượu, và đến khi say khướt thì đâm cẩu kình vô độ.

Đã ba lần Toshiko được phái đi giúp việc như kiểu tôi đòi trong mấy gia đình quen thuộc, nhưng khi thả nó ra một mình thì nó chẳng có một chút sáng kiến nào và chả còn biết làm gì nữa, nên lần nào cũng vậy, nó lại trở về nhà hay bị người ta đuổi về. Như thế mà bà Oseki lại thấy hài lòng, mặc dầu bà vẫn than phiền Toshiko là đồ vô dụng, nhưng nhờ có nó mà đỡ bao nhiêu việc lặt vặt ở trong nhà. Bà nhận khâu ki-mô-nô cho một tiệm y phục và được tặng lại những món

đồ quý giá. Vì vậy cho nên bà cố tránh những công việc lam lũ để giữ cho hai bàn tay khỏi sần sùi. Chính Toshoko đã vô hình chung góp một phần vào số lợi tức của bà Oseki, số lợi tức này lại lớn hơn tất cả của mọi người khác, nhưng nào ai có biết công cho nó, đến ngay cả bà Oreki cũng vậy.

Kaneyuki bị thất nghiệp luôn và trong thời gian y thường liều lĩnh lấy quần áo của Toshiko, có khi của cả y nữa đem bán hoặc cầm cố để tiêu xài và tự ý lấy tiền công đi ở của Toshiko để chi tiêu riêng cho mình.

Chính Toshiko lúc này cũng không còn hay than vãn nữa. Đã từ lâu cũng không xảy ra biến cố gì thật

sự đau khổ cho ả nên nét mặt ả cứ lì ra như cục đất. Tuy nhiên, người ta thấy ả có lúc phải tìm người để nói chuyện, Một hôm Kaneyuki bắt được ả đang đứng tán chuyện với người hàng xóm nên y lại đánh ả. Ngoài ra, ả cứ quanh quẩn cả ngày với bà Oseki để làm túi giấy bằng các tờ báo cũ.

Tự nó cũng chả bao giờ nó liên tưởng hay nhắc đến Harada và Ichiro, nghĩa là chồng con nó. Thảng hoặc một đôi khi, bà Oseki chợt nhắc nhở tới thì nét mặt nó bỗng tươi lên rồi lại bắt đầu kể chuyện về Ichiro. Sự thật thì nó cũng chả bao giờ thắc mắc thằng bé bây giờ ra sao; nhưng nó thấy hứng thú nhắc lại những chuyện cũ,

– Hồi đó, trong cái tỉnh chài lưới, có một gia đình gọi là Yoshikawa ở ngay góc đường, gần nhà con ở, Toshiko thủng thủng kể lại. Có một hôm, Ichiro lên ngay vào nhà đó chơi, chả nói với ai cả và con phải đi tìm nó khắp nơi mới thấy.

– Từ ngày đó, chắc nhiều phen Harada phải cực nhọc với nó, vì chỉ có một mình để trông coi nó thôi.

Nghe tới đây, bà Oseki phản ứng ngay:

– Thế mới đáng đời thằng khùng.

Toshiko lại tiếp:

– Tuy nhiên, y rất thương thằng nhỏ. Y đâu có phải là người xấu, có

phải không? Chỉ phải tội tính y hơi cục...

Ả vừa nói vừa nhìn vào không trung, hai tay thông xuống, hình như ả cứ đắm đuối vào câu chuyện.

– Thế nào! Tiếp tục đi chứ, mà ngưng làm việc rồi hử?

Bà Oseki khẽ mắng nó.

– Động một tí là mà lấy nê chả làm gì cả.

Tức khắc, Toshiko lại cúi đầu xuống làm việc. Nó không dám nói gì nữa và nó lại cần cù, yên lặng cắt những tờ báo cũ và gấp lại làm túi giấy. Nhưng nét mặt nó vẫn giữ nguyên vẻ sung sướng hoàn toàn.

Bất ngờ, Kaneyuki được gọi đi

làm cho một hãng đóng tàu ở Onomichi mà chính trước kia y đã từng là nhân viên cũ, do một người bạn cùng làm ở đấy giới thiệu. Ở nhà chỉ còn lại những đàn bà. Con gái của Kaneyuki là Hiroko tuy vẫn còn cấp sách đi học ở trung học, nhưng cũng đã giúp được khá nhiều vào công việc may vá của bà Oseki. Món tiền mà Kaneyuki hứa gửi về trợ cấp cho gia đình vẫn chưa thấy tăm hơi gì, thành thử bà Oseki luôn luôn bức dọc, cáu kỉnh và nhất là ở nhà lúc đó chả còn ai để bà phải e dè nữa, nên bà tha hồ mà mắng mỏ, gắt gỏng.

Sáng nào cũng vậy, Hiroko vừa thức dậy đã nghe thấy bà sỉ vả Toshiko. Nhưng em trai nó mới mười bốn tuổi, vẫn cứ trùm chần nằm

yên, tai nó làm như điếc đặc, chẳng lý gì đến sự tức bực của bà nội nó.

– Nếu mày cứ loanh quanh, dầm dờ như thế thì chẳng làm xong việc gì cả. Hôm qua tao đã bảo mày, mày không nhớ à? Việc này, mày phải làm trước, rồi đến việc này, tao đã chỉ bảo minh bạch rồi mà. Mày rửa cái thớt này bao giờ đây, sao hãy còn lấy nhày nguyên thế này? Tao muốn hỏi mày, làm bếp đã được bao nhiêu năm rồi, mày có nhớ không? Mày thử nghĩ xem, mày gần ấy tuổi đầu rồi mà việc gì người ta bảo mày, mày cũng không làm nổi. Bất cứ mày làm việc gì cũng chỉ làm cho tao bận thêm. Mày hãy mở mắt to ra, nhìn con Hiroko xem, nó kém mày bao nhiêu tuổi? Mày hãy thử so sánh

với nó một chút xem sao.

Mỗi buổi sáng, bà Oseki cứ phải gây gồ, sỉ vả như thế để cho bà trút nỗi bức dọc ở trong mình. Bà cứ nói, cứ cắn nhai, giọng bà có lúc thật buồn bã nhưng Toshiko vẫn lẳng lặng làm thính. Nói thế không phải là nó hoàn toàn để lọt ngoài tai những lời mắng mỏ đâu. Nếu gặp lúc nó đương quấy nước sốt – hoặc bất cứ đương làm một việc gì khác – với vẻ mặt lúng túng và trán nó cau lại, thì tay nó cứ quấy, quấy mãi, hình như là nó không thể dứt ra để làm một việc khác được. Bà Oseki thấy nó nín thính lại càng không kiêng nể gì nữa, lời chửi rủa của bà như lửa bốc lai đổ dầu thêm, dĩ chí đến sau cùng, bà thét lên và rít lên như còi vậy:

– Thế nào, mày định quấy đến ngày tận thế mới xong một chút nước sốt chẳng? Mày có làm mau tay lên không? Mày cứ rà rầm như thế thì hết cả ngày thôi. Quấy cho mau lên còn phải làm việc khác chứ, không thì làm sao cho xong việc được. Chắc là thằng Kaneyuki quên lửng cái gia đình này đi rồi, còn thằng Naoyuki thì bị cảnh sát giam cầm, tình cảnh nhà này rồi sẽ ra sao? Tất cả chúng bay đều ăn bám vào tao. Nếu không có tao thì mày sẽ ra sao, hử Toshiko? Mày cũng phải tập ăn tập làm như người khác chứ, chả nhẽ cả đời mày cũng vẫn ngớ ngẩn thế hay sao? Kia mày có nhìn vào bát sốt không? Mày quấy tràn cả nước ra rồi.

Hiroko là một con bé hóm hỉnh nên đã nhận thức ngay là sự la lối của bà Oseki chỉ là một thói quen mỗi buổi sáng để bà xả hơi những sự ảm ức mà bà cảm thấy trong khi bà đã thức giấc nhưng còn nằm ở trong giường. Khi bà trở dậy thì Toshiko là cái bia để bà bắn. Những cử chỉ chậm rề và nhất là cái mặt bì thịt của nó đã đập vào dây thần kinh của Kaneyuki và bà Oseki. Nhưng khốn nỗi, Toshiko không nhận thức được điều đó; nó không hiểu tại sao cứ luôn luôn bị mắng chửi và đánh đập. Nó chỉ biết rằng nó không giống như những người khác, thế thôi. Khi bà Oseki sỉ vả nó trước mặt mọi người, nó lại tủm tỉm cười, có vẻ phân trần rằng: “Mẹ tôi nói phải”.

Trái lại, con cháu gái Hiroko càng lớn lên, càng khôn ngoan nhanh nhẹn. Bà Oseki công khai tán dương nó và dè bủ Toshiko trước mặt mọi người. Có người thấy thế, tỏ ra thương hại Toshiko và lên tiếng bênh vực nó:

– Sở dĩ Toshiko không giống mọi người vì tất cả mọi người đều khôn ngoan quá. Tôi thấy ái ngại cho nó. Thật là tội cho nó quá, khi mọi người chung quanh đều tài ba lỗi lạc, thành thử tự nhiên nó hóa ra ngớ ngẩn. Này Toshiko, cháu làm cái gì cũng hay cả, phải không?

Trong lúc ấy, Toshiko trả lời như một người bình thường. Nó nói:

– Tôi ước muốn tôi có thể làm như Hiroko, nhưng tôi phải tội hơi vụng.

Nhưng vì bà Oseki cứ luôn luôn đem so sánh nó với người khác nên đã vô tình gọi cho nó một ý thức ganh đua. Một lần vào mùa thu, khi các khung cửa kéo đều đã đến lúc phải dán giấy lại thì Toshi-ko đã bóc hết giấy cũ và rửa sạch các khung cửa. Nhưng khi bảo nó về phần dán giấy phải để Hiroko làm thì thấy những gân máu xanh nổi hằn lên trên trán nó. Nó nói:

– Dù sao tôi cũng dán thử một vài cái khung cửa xem sao.

Rồi nó cứ đem giấy ra để dán, mặc dầu bà Oseki cấm đoán không

cho nó làm. Nhưng quả thật, nó không làm nổi.

– Ít lâu nay, Toshiko có vẻ khác tính, sau này bà Oseki tâm sự với cháu Hiroko, nhất định đòi dán cửa, kỳ thật!

Hiroko thì đã nhận thấy là Toshiko càng ngày càng muốn ganh đua với nó. Khi thấy nó lớn lên, Toshiko tự nhiên nảy ra cái ý ghen tị với nó. Nhưng sự ghen tị không bộc phát trong sự giao tiếp giữa hai người. Bé Hiroko lúc này đã tiến hơn Toshiko một bước quá xa, nên không còn thể nào so sánh được nữa. Nó cảm thấy tội nghiệp khi Toshiko mặt đỏ tía tai lúng ta lúng túng cố tỏ ra mình cũng có tài dán lại các khung cửa. Tuy nó có

cái cảm giác kiêu hãnh hơn người, nhưng nó cố tránh không làm mất mặt cô nó, nên nó cứ bình thản tiếp tục dán lại hết các cửa trong lúc Toshiko đứng bên chứng kiến, hai vai chốc chốc lại vòng lên như là hậm hực vì đã thua kém.

Một đôi khi, Hiroko sức thấy cô nó có mùi khó ngửi; nó bỗng cau mặt và nhớ lại việc đã xảy ra cách hai năm trước đây, vào một buổi chiều mùa đông. Nó đi học về muộn nên về tới nhà đã sẩm tối. Nó chợt nghe tiếng ở trong phòng vọng ra, tiếng của Toshiko cố cưỡng lại tiếng nhỏ hơn của người đàn ông cố nài ép. Nghe chướng tai quá, nó rút lui. Tiếng người đàn ông không còn phải nghi ngờ gì nữa, chắc chắn là của người chồng ở gia

đình bên cạnh và nó dự đoán trò gì sẽ xảy ra. Khi nó bước dạo trên hè phố chính, qua các quán đêm đã mở cửa tấp nập, nó nhớ lại nét mặt xanh nhợt buồn rầu của người đàn ông, một anh thợ trét hồ và một ý nghĩ đã ló dạng ra trong đầu nó mặc dầu cô nó bầm sinh có ngớ ngẩn đến mức nào chẳng nữa thì đối với người đàn ông cô ấy cũng vẫn thuộc về nữ phái. Và cố cưỡng lại sự nài ép của người đàn ông vẫn là quyền của Toshiko.

Buổi chiều hôm đó, khi bà Oseki đi ra phố sắm sửa trở về mà thấy cơm nước vẫn chưa xong nên bà vô cùng tức giận. Toshiko vẫn như thường lệ chả nói chả rằng, cứ đứng đỉnh sữa soạn nấu ăn loanh quanh ở trong bếp. Hiroko thì cố

tránh không nhìn vào mặt cô nó. Nó cũng nhận thấy là người thợ trét hồ ở bên cạnh nhà không hề tái diễn cái trò xảy ra hồi trước nữa, nhưng vẫn tiếp tục đi lại với nét mặt xanh nhợt và buồn rầu. Vợ anh ta thì chả biết gì cả. Nhưng Hiroko vẫn nhớ đến chuyện cũ, mỗi khi nó thấy hai vợ chồng người hàng xóm đi sánh đôi với thau. Có một lần, hai cô cháu nó đi tắm trở về, nó gặp anh chàng thợ trét hồ ở ngoài phố; nhưng Toshiko thì cứ đi cầm mặt xuống đất và anh chàng thợ trét hồ thì giả bộ như không nhìn thấy.

Khi nào nó nhận thấy cô nó sực mùi khó ngửi, nó vẫn liên tưởng đến chuyện cũ xảy ra giữa anh chàng thợ trét hồ và cô nó, tuy nhiên, nó

vẫn kín tiếng, không tỏ một dấu hiệu gì. Nhưng hiện giờ khi cô nó ăn xong rồi mút răng chùn chụt, nó mới hiểu ra tại sao trước kia ba nó, mỗi lần cô nó làm như vậy, đều cảm thấy khó chịu như thế nào nên phải nhìn thẳng vào Toshiko và nhằn mặt lại giữa bữa cơm.

Hiện giờ, nó để Toshiko giặt hết quần áo cho nó gồm cả quần áo lót mình và coi như là một sự dĩ nhiên. Ngay cả việc của nó cũng chả mấy khi nó ngó tới, từ khi nó bắt đầu đi làm cho một hãng buôn ở trung tâm thành phố Tokyo. Đúng nghĩa ra, Toshiko lúc này đã có cô chủ mới. Nhưng khác với bà Oseki, Hiroko không hề cần nhằn, trái lại, nó còn sắm cho Toshiko một đôi guốc và những thứ cần dùng. Vào

những ngày nghỉ nó còn dẫn cả bà Oseki và Toshiko đi xem chiếu bóng. Trong lúc này, Toshiko lẽo đẽo theo sau bà Oseki, chả khác gì một con ở.

Sáng nào, bà Oseki cũng quen thói cần nhần, mắng mỏ Toshiko cho tới một hôm, không rõ nguyên nhân nào thúc đẩy, nó nổi khùng lên. Nó hét lên như một con điên, vớ lấy con dao làm bếp hoa lên trước mặt bà Oseki, dĩ chí bà phải chạy trốn, khiếp sợ thấy nét mặt của Toshiko thay đổi kỳ lạ. Toshiko chạy đuổi theo, hình như là sự chạy trốn của bà Oseki càng làm cho nó nổi nóng thêm; bà Oseki bỏ cả quốc lại, chạy thực mạng ra khỏi nhà. Ở ngoài phố náo động cả lên và khi Hiroko còn mặc nguyên bộ

áo ngủ chạy ra tới ngoài thì Toshiko đã bị một ông già ở nhà đối diện giữ chặt lại; nó vùng vằng, thở hổn hển và nức nở:

Ngày nào cũng thế, tôi chả nói năng gì cả, nhưng mẹ tôi cứ mắng chửi tôi hoài. Trời ơi! Tôi phải làm thế nào bây giờ? Tôi phải làm thế nào bây giờ? Tôi đã cố hết sức của tôi. Trời ơi! Tôi chết đi cho rảnh!

Bà Oseki đứng cách xa đó một quãng, mặt tái mét, thân hình bé nhỏ của bà run lên như cây sậy, lén nhìn Toshiko đằng sau đám người đứng xem. Anh chàng thợ trét hồ đã dọn đi ở khu phố khác từ trước rồi.

Hành động này từ trước đến giờ chưa từng xảy ra bao giờ, cho

nên Hiroko phải kết luận là Toshiko bình thường ít khi tỏ ra hờn dỗi, tất nhiên tâm hồn phải bị dồn ép quá mức, nên mới hoa con dao làm bếp đuổi theo bà Oseki. Sự thật thì cả nó lẫn bà Oseki cũng không cho là nó đã vì ghen tị Hiroko mà làm như thế.

Mười năm đã trôi qua từ khi gia đình Yashima di chuyển đến Tokyo. Kaneyuki vẫn sinh sống ở Onomichi và đã tục huyền ngay tại nơi đây. Đã có lần, hai vợ chồng y đến chơi Tokyo và có dịp chứng kiến cuộc sinh hoạt của mấy mẹ con bà Oseki, Y lờ hẩn ngay việc thờ ơ của y đối với họ, gần như chẳng giúp đỡ tí gì. Y nói:

–Ồ thế mà mọi việc trôi chảy cả, chỉ có Toshiko cam chịu số phận hẩm hiu, ở nhà suốt đời.

Hiện giờ y có vẻ tự mãn, bộ điệu y cũng kiểu cách khác xưa.

Naoyuki thì vào khoảng năm năm trước đây đã bị bắt nhốt mất một năm để điều tra. Khi được thả ra, hắn kiếm được việc làm với một nhà xuất bản, rồi lấy vợ và có con. Còn Kenichi, em trai Hiroko, khi mãn chương trình trung học liền đi làm ngay với nhà bưu điện ở Oji. Hiện thời không khí chiến tranh đã đè nặng trĩu khắp nơi.

Lúc này Toshiko đã quá ba mươi lăm tuổi, nhưng hình như nó chẳng thay đổi mấy. Nó vẫn béo tròn như trước; chỉ có nước da nó

trước kia trắng bây giờ đã hơi sạm đi. Lúc nào nó cũng buộc miếng vải trắng choàng trước ngực và có vẻ như khi đi, bóng dáng đã hơi khom xuống.

Một việc không ngờ xảy ra là Kaneyuki ở Onomichi gửi tin về yêu cầu cho Toshiko đến giúp việc cho gia đình y trong một thời gian. Vì người vợ kế của y chữa con so, nên phải lo đề phòng mọi sự bất trắc có thể xảy ra; như thế nghĩa là Toshiko được triệu đến để giúp việc như một người ở. Hiroko đã quen có người giặt giũ hết cho nó và xử sự như một cô chủ, nên khi được tin Toshiko phải vắng nhà, nó rất lấy làm khó chịu. Tuy nhiên, nó không để lộ một xúc cảm nào ngoại trừ sự bất mãn đối với ba

nó, một con người chỉ nghĩ đến lợi riêng mình. Nó nói:

– Cháu cho thế là ích kỷ, khi ba cháu chả bao giờ giúp đỡ cho người nhà được tí chút gì. Ông ấy mời cô Toshiko đến chỉ cốt để giúp việc nhà cho ông ấy chứ gì. Chú Naoyuki thì cũng vậy – khi có con nhỏ cũng lại triệu cô đến để giúp đỡ, như một kẻ làm mướn trợ thời, rồi cũng lại mua cho một đôi guốc như đền trả công – Họ chỉ cốt làm sao trả thật rẻ. Ba cháu cũng chỉ muốn thế, chắc bà chả lạ gì.

– Dù rằng đó là sự thật thì cũng đành phải chịu vậy, vì dầu sao thì ba cháu cũng phải gánh vác gia đình khi nào cháu đi lấy chồng.

– Cháu cũng chả hiểu sao tới lúc này mà ba cháu hãy còn thích có con nhỏ. Hiroko lớn tiếng phê bình

Bà Oseki khịt mũi rồi cúi nhìn xuống dưới như là bối rối không biết trả lời thế nào cho phải. Bà ấy cũng phải nhận là sự phê bình của Hiroko có phần đúng và sở dĩ nó phải nói toạc ra như thế là vì nó cảm hờn bố nó đã bỏ lơ nó ngay từ lúc thơ ấu. Tuy nhiên bà ấy có một tâm trạng khá kỳ lạ là hể hai mẹ con – bà ấy và Kaneyuki – ở gần nhau thì cãi nhau luôn, nhưng khi xa nhau thì lại có ý bênh con. Kể ra thì nguyên do cũng vì trong việc nhà, Hiroko càng ngày càng lấn quyền bà ấy dĩ chí lắm lúc bà ấy cũng thấy bực tức.

Cuối cùng thì được quyết định là chính bà ấy dẫn Toshiko đi Onomichi; chỉ có bà ấy và Hiroko bàn riêng với nhau chứ cũng chẳng hỏi han gì đến nguyện vọng đương sự và chính đương sự cũng chẳng bày tỏ ý kiến gì.

– Này Hiroko, cô sẽ sớm trở về, hả!

Toshiko nói như để an ủi trước khi từ biệt.

Nhưng sáu tháng sau, nó mới trở về. Vợ Kaneyuki đẻ non và đứa bé cũng không sống được. Toshiko lại được gửi trả về không kèn không trống. Tuy nhiên, tình trạng gia đình ở Tokyo lúc đó đã biến chuyển theo đà của thời cuộc. Kenichi đã phải gọi ra tiền tuyền.

Hiroko thì cũng đã đính hôn. Như vậy, bà Oseki không thể nào sinh sống một mình được. Khi nghĩ đến đứa cháu yêu quý nhất là Keaichi đã phải tòng quân và phải gửi ra mặt trận sau một năm nữa cũng đủ làm cho bà ấy chán nản rồi. Vì vậy bà ấy có xu hướng quay về sống nhờ Kaneyuki.

–Ồ, dù ngay khi cháu đi ở riêng rồi, nếu chỉ có một mình cô Toshiko thì cháu cũng kéo cô đi ở chung với cháu.

Hiroko nói rõ ra như thế để bà Oseki sẽ phải đến ở với người trưởng nam của bà ấy, cốt để giữ “thể diện” cho gia đình mà trong thời ấy, thiên hạ coi là một vấn đề rất hệ trọng. Lần này thì bà Ose-

ki quyết định tự động đi đến Onomichi, không phải đợi ai mời mọc nữa. Bà ta có vẻ thích cái nhà của Kaneyuki ở đấy mà bà đã được chứng kiến khi đưa Toshiko đến lần trước.

Ngay sau khi lễ vu qui của Hiroko vừa cử hành xong mà chỉ có bà Oseki và hai vợ chồng Naoyuki tham dự, bà ấy cùng với Toshiko đi theo sau tức khắc khởi hành ngay đi Onomichi. Đến đây, Toshiko lại nhớ đến sự lờm nguýt của Kaneyuki ngày trước trong mỗi bữa ăn, rồi ả cũng trừng cặp mắt hùm hụp lờm lại, nhưng đến bây giờ thì ả thôi hẳn. ả đâu còn dám phản đối nữa vì ngay cả bà Oseki cũng còn phải ăn nhờ nữa là ả. Lại nói đến đêm từ biệt ở nhà ga Tokyo,

một luồng gió thổi đến thật là lạnh lẽo, chỗ nào cũng đông đặc những người tiễn đưa quân nhân phái ra tiền tuyến. Toshiko thì chẳng thấy xúc cảm gì vì biến cố này, nhưng trái lại Hiroko ra ga đề tiễn đưa hai người đi Onomichi, luôn luôn nhìn đám đông với nét mặt lo âu. Kuwaki, người chồng nó là dược sĩ mới tậu được một cửa hàng nho nhỏ ở ngoại châu thành Tokyo. Nó đi riêng vừa được ba năm thì chiến tranh bùng nổ ở Trân châu Cảng tấn công cả Mỹ lẫn Anh. Bây giờ đến lượt Hiroko có mang và nó cũng dự tính triệu mời cô Toshiko đến phụ giúp như những người khác đã từng thực hiện. Cuộc đời của bà Oseki và Toshiko ở gia đình Kaneyuki cũng không có biến cố gì đặc biệt xảy ra. Tuy nhiên, thỉnh

thoảng Hiroko cũng nhận được một vài hàng chữ ghi bằng bút chì phàn nàn về thái độ của người con trưởng. Nào là Kaneyuki luôn luôn cản nhằn Toshiko, khi đã nhậu say sa-kê vào buổi chiều. Trông bộ điệu thật là dễ sợ! Nào là y cất vấn ba người đàn bà ở nhà làm được những trò trong gì trong khi y đi làm việc, rồi y nhìn trừng trừng vào từng người, coi như là bọn ăn không ngồi rồi. Nào là y bắt lỗi Toshiko trong lúc đi đứng; y phàn nàn là mỗi khi Toshiko lau chùi nhà thì lại làm cho nhà dơ bẩn thêm. Bà Oseki hình như đã quên là trước kia chính bà ấy buổi sáng nào cũng cản nhằn Toshiko như thế.

Ngay đầu năm mới, sau Tết ít hôm, Toshiko một mình đạp xe lửa

đi Tokyo. Ở sân ga, Hiroko đã nhận ra ả qua cửa sổ toa tàu, nhưng ả vẫn chưa nhìn thấy Hiroko. Mặt ả mập và trì độn, cặp mắt lơ là, sợ sệt, nhưng khi ả nhìn thấy Hiroko thì vẻ mặt ả mới rung rinh một nụ cười thông thả. ả nói:

– Bà gửi lời thăm thân mến và bảo rằng cháu sắp ở cũ.

Giọng nói của ả nghe như già đi và cả cách nói cũng có vẻ già hơn tuổi. Mớ tóc quăn của ả cũng đã thưa đi ở giữa đường ngôi. Bây giờ ả đúng bốn mươi tuổi, nhưng thân hình mập ú của ả cũng chẳng thay đổi chút nào, hai vai vẫn u lên và mông vẫn xù ra.

Hiroko sinh con trai. Cũng may thay là nó đã quen chỉ huy cô Toshi-

ko và chồng nó cũng không có thói cần nhằn như bà Oseki và Kaneyuki. Toshiko ẵm em bé trông thật vụng về làm như tay nó ngắn quá. Khi đứa nhỏ tập tễnh biết đi thì nó bế em ra chơi ở trên bãi trống trước sân ga. Một đôi khi Hiroko cần sắm lặt vặt cho hiệu thuốc, đi ngang qua đấy, chợt thấy thằng bé bò lê xuống đất rồi lại chập chững tập đi, coi như ở ngay sàn nhà nơi phòng khách, trong khi Toshiko vẫn có vẻ thản nhiên, nó chuyện vãn với một người lão bộc cũng giữ trẻ. Cũng có sáng, khi đứa bé thức dậy sớm, Hiroko giao nó cho Toshiko giữ để ngủ thêm giấc nữa, Toshiko vừa giữ trẻ, vừa làm cơm, đề mặc thằng bé ngồi xuống sàn bếp lót ván chơi tha thẩn một mình. Nó vừa vớ được cái ly là nó

quăng xuống sàn hay bất cứ vật gì cũng vậy.

– Bé nghịch quá, má mắng cho mà xem.

Toshiko chỉ nói qua loa chứ không chịu cất dọn cái ly nào còn sót lại đi chỗ khác cho thằng bé không với được. Thế là ngay sau đó, một cái ly khác lại được quăng xuống sàn đánh xoảng một cái.

– Cái gì ở dưới ấy thế?

Hiroko nghe thấy tiếng động, hỏi vọng từ trên lầu xuống.

– Nó đập vỡ tất cả ly rồi.

Toshiko thản nhiên trả lời, coi như là lỗi của thằng bé.

Thực phẩm đã bắt đầu khan hiếm và Hiroko thấy cô nó ăn khỏe quá, lắm lúc cũng thấy buồn lòng. Chính nó cũng không thích buồn bực như vậy, nhưng nó cứ như người bị chọc tức; nó rất khó chịu là Toshiko có vẻ không thèm nhận định thấy tình trạng nghiêm trọng của sự khan hiếm. Không phải là Hiroko bất bình về món ăn kham khổ là khoai lang, nhưng chính là cái số lượng khoai mà cô ấy tiêu thụ.

– Thế nào! Hết sạch rồi à?

Hiroko cúi kính la lên khi nhìn vào giỏ khoai, thấy không còn một củ.

Bây giờ đến lượt Kuwaki nhận được giấy gọi nhập ngũ, và, nhờ

ơn Trời! Đã có cô Toshiko ở trong nhà giúp đỡ. Lần đầu tiên có phi cơ địch đến tấn công tại nơi đây và trước cả mọi người, Toshiko chui tọt vào trong tủ, thở hỗn hào hỗn hển. Cứ mỗi lần bom nổ là ả lại rên rỉ. Tiếng rên rỉ cứ xuất phát đều đều đến nỗi Hiroko cũng nấp chung một tủ thấy buồn cười quá mà phải cố nhịn chảy cả nước mắt.

Nhưng lâu dần ả cũng quen đi và tiếng rên rỉ cũng bớt rung động đi. Vì có xưởng phi cơ ở ngay gần nhà nên những vụ đột kích không phạm lại càng dữ dội. Tuy nhiên, chiến tranh đã tới màn kết liễu và may mắn thay, nhà cửa được an toàn. Kuwaki vì được đồn trú ngay tại trên đất nước nhà nên ít lâu sau đã sớm trở về bình an vô sự.

Thực phẩm càng ngày càng khan hiếm. Một hôm, Hiroko ở hiệu thuốc trở về, khi vào tận trong nhà thấy khẩu phần gạo lứt chứa ở trong chai bia vẫn để ở thềm nhà. Hiroko đoán chừng Toshiko đã bỏ đi quanh quần đầu đây, nên quên đãi gạo, mới thùng thảng đi tìm thì bất chợt nghe có tiếng rên ở trong phòng tắm. Khi vừa mở cửa liếc vào, nó phải thét lên gọi chồng nó:

– Cô Toshiko đang ngồi xẹp ở trong ấy rên rỉ. Chắc cô đã trúng phong và đã ngất đi.

Hai vợ chồng Hiroko liền dìu cô lên giường trong lúc cô ấy vẫn còn mặc cái quần bao bố mà tất cả đàn bà ở nước Nhật đều phải mặc trong thời chiến. Cô vẫn rên rỉ và cả ngày

hôm sau cũng cứ thế, không tỉnh lại. Lần lên, tiếng rên lớn hơn và rùng rợn hơn, dĩ chí những nhà bên cạnh cũng nghe thấy. Hiroko lộ vẻ kinh hoàng khi nhìn thẳng vào mặt Toshiko và một ý nghĩ rùng rợn đã thoáng qua trong đầu nó: nếu cô ấy tỉnh lại rồi vẫn cứ nằm liệt giường liệt chiếu như thế này mà vợ chồng nó vẫn cứ phải bao bọc thì biết làm sao? Giữa lúc đó, nó muốn đưa tay ra bóp nghẹt mũi, mồm đã thoát ra tiếng rên kia; nó cảm thấy nếu làm được như thế thì vừa giải thoát được cho nó và cho cả cô Toshiko nữa.. Nhưng ngay tức khắc, nó lại ghê tởm cho cái ý nghĩ kinh khủng đó.

Sang ngày thứ ba thì Toshiko đã tắt thở. Naoyuki tự đến lo liệu

việc ma chay. Khi đám tang chiếu lệ đã chung cuộc, Hiroko hai tay bê bình đựng tro di cốt đi từ lò hỏa táng trở về, mới cảm thấy lần đầu tiên là vợ chồng nó đã chịu ơn cô Toshiko rất sâu đậm. Kaneyuki tuyên bố là đáng lẽ y phải lưu cô ấy lại suốt đời, nhưng Hiroko cho đó chỉ là lời nói vuốt đuôi theo thói kiêu hãnh thông thường của người đời đối với kẻ yếu đuối. Tuy nhiên, cuối cùng nó sinh ra hoài nghi là thực sự không biết ai đã có ích cho ai. Tất cả mọi người đã lợi dụng cô ấy, và chính cô ấy – cứ lẳng lặng làm lụng như lời sai bảo, không hề làm phiền lụy ai bao giờ – mới thật là người giúp ích. Hai tay nó vẫn bê bình tro mỗi lúc một nặng thêm mà không chuyển cho ai được, nó từ từ nhắm mắt lại và lâm râm cầu

nguyện như để tạ tội với vong hồn cô Toshiko trong cuộc sống hàng ngày.

Sata Ineko

Lê Văn Hoàn dịch

VĂN XÃ đã phát hành tác phẩm thứ 16 của

DƯƠNG NGHIỄM MẬU:

CÁI CHẾT CỦA...

một tác phẩm mỏng manh nhất và buồn rầu nhất...

Vũ Bằng

Thương nhớ mười hai

**Tháng Bảy,
Ngày rằm xá tội
vong nhân**

Thì mình cứ nhận ngay là cái
trò ấy gọi cảm không chịu
được. Sáng tháng Bảy, ai chẳng
nhớ đến đại lễ Vu Lan Bồn, xá tội
vong nhân! Mà cứ nói đến xá tội

vong nhân, chắc chắn trong mười người Bắc Việt di cư phải có tám chín người nhớ đến bài thơ Chiêu hồn:

Tiết tháng Bảy mưa dầm sùi sụi,

Toát hơi may, lạnh buốt xương khô.

Não người thay, buổi chiều thu

Hoa lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng...

Tôi còn nhớ lúc bắt đầu vào đây, tìm cả tháng không ra bài văn ấy. Về sau, vào một ngày tháng Bảy nhớ đến Nguyễn Tuân xát xà bông vào người nổi bọt lên, gõ chậu thau, niệm bài văn đó, tôi thêm được nghe một cô đầu nào ở Phú Nhuận,

Đại Đồng niệm đúng theo lối Bắc cho nghe, nhưng chưa có dịp nào thì may làm sao, người phụ trách mục Tao Đàn cho nghe bài ấy qua giọng một danh ca xứ Bắc.

Thử tưởng tượng: chín mười giờ đêm, cả nhà đi ngủ rồi, mình lò mò trở dậy, ngồi vặn máy nghe một mình bài thơ thảm thiết ấy với một giọng quở khóc thần sầu thì đã rợn tóc gáy chưa? Thật tình, tôi không ngạc nhiên chút nào khi thấy có những cô hàng xóm người Nam thấy tôi nghe bài đó, sáng hôm sau, hỏi tại sao tôi lại có thể nghe một cách thích thú như thế và các cô lại không ngại nói trắng ra là các cô nghe “tởn” lạ lùng vì nó “ma

quái” quá! Muốn chê gì, mặc, tôi cứ nghe như thưởng.

Tôi có cái bệnh là không ưa đài phát thanh, xuân thu nhị kỳ mới mở máy nghe một chút; nhưng năm nào vào ngày mười bốn hay rằm tháng Bảy, tôi cũng nhớ vắn nghe bài chiêu hồn ma quái ấy và bất cứ năm nào, với bất cứ ca sĩ nào, tôi cũng thấy nguyên vẹn cái thích thú buổi ban đầu. Tuy nhiên, mỗi khi nghe xong, bao giờ tôi cũng tiếc một chút là tháng Bảy ở đây... nắng quá, oi quá, hấp hơi quá. Mà tôi thì quan niệm rằng bài Chiêu hồn của Nguyễn Du chỉ có thể hay hoàn toàn khi người ta niệm vào ngày mưa sầm gió thảm liên miên ở Bắc.

Bắc Việt từ đầu tháng Bảy, mưa
thối đất: mưa lai rai, mưa dầm dề,
mưa lê thê, và tự nhiên thấy mưa
ai cũng náo nề là vì không ai bảo
ai mà đều biết đó là mưa ngâu. Và
ai cũng nhớ lại câu hát mà ai cũng
thuộc lòng từ thuở nhỏ:

*Tục truyền tháng Bảy mưa ngâu,
Con trời lấy đĩa chặn trâu cũng
phiên.*

*Một rằng duyên, hai rằng là nợ,
Sợi xích thằng ai gỡ cho ra...*

*Vụng về cũng thể cung nga,
Trăm khôn nghìn khéo, chẳng qua
mục đồng...*

Ở trong Nam, vài chục năm về trước, những ai chưa từng đặt chân lên đất Bắc không thể biết thế nào là mưa ngâu.

Vào lúc đó, một năm chia rõ rệt hai mùa: mùa mưa và mùa nắng, quanh năm không biết cái lạnh là gì. Về sau này, thời tiết thay đổi hẳn. Có người đùa bảo rằng người Bắc mang theo thời tiết vào đây, năm tháng đổi thay, từ tháng Chín tháng Mười, vào lúc nửa đêm về sáng trời hơi lạnh, phải đắp chăn đơn. Cuối Chạp, có mưa, đôi khi tựa tựa như mưa phùn để cho cây cối đâm chồi nảy lộc. Từ tháng Năm, bắt đầu mùa mưa. Sang tháng Bảy có khi mưa sậm sục. Mưa không lớn, nhưng ào ào một tí rồi thôi, rồi lại mưa, mưa dai dẳng, có khi

kéo dài cả một buổi chiều đến hết đêm, nhưng mưa như thế không thể ví với mưa ngâu đất Bắc.

Ở đất Bắc, sang tháng Bảy trời chưa lạnh, nhưng đứng ở trên cao mà nhìn ra sông nước, người ta thấy trời đất cỏ cây ướt sũng một thứ hơi ùng đục, làm cho người ta linh cảm như sắp có một cái gì làm cho ta bứt rứt, làm cho ta tấm tức. Trời thấp tè tè. Thỉnh thoảng, lại có một làn gió ướt thoáng qua. Ai cũng đoán là sắp mưa. Quả nhiên mưa thực, nhưng cái mưa gì mà buồn không chịu được! Nó lai rai như muốn cửa vào thần kinh ta, nó tạnh một lát rồi lại mưa, mưa đều đều trên mái nhà, mưa đều đều trên bụi cây đồi cỏ, có lúc im phẳng phắc nhưng có lúc lại

trút xuống rào rào, rồi lại mưa đều đều, và cứ mưa như thế hết ngày ấy sang ngày khác, hết đêm nọ đến đêm kia, chán không để đâu cho hết, mà rầu rĩ trong lòng không biết bao nhiêu.

Chẳng còn ai muốn bước chân ra đường. Đứng ở sau bức châu liêm nhìn ra con đường lầy lội, người còn gái đẹp tưởng tượng như mình sống ở một thế giới cách biệt với đời và cảm thấy chưa bao giờ cô quạnh, lạnh lùng như thế. Bao nhiêu ước mơ đã quên đi trong những ngày hè oi bức có tiếng đàn ông cười giòn tan, có những bóng dáng phong lưu in vào tròng con mắt, có những câu nói hữu tình đẩy đưa những con mắt hữu tình, tự nhiên, không biết từ đâu trở lại

và làm cho con tim trời cho đa tình
đau như thể có một bàn tay nào
bóp khế.

Nhìn mưa ngâu, người con gái
đẹp cũng thấy mưa ở trong lòng
mình vì cho rằng mình là một thứ
Chức Nữ bị trời đày phải cách biệt.
Ngưu Lang và Chức Nữ còn có dịp
gặp nhau đêm thất tịch để cùng
than khóc với nhau, còn Ngưu
Lang của nàng thì biết đến bao giờ
mới gặp?

Ai không vui duyên hương lửa,
ai ôm trong lòng vạn lí tình, ai tiễn
người đi mãi mãi không về, ai nhìn
khói sóng mà nghĩ đến người bạt
ngàn mây nước, ai nhớ ai cùng xây
mộng ước mơ nhưng vì trời chẳng
chiều người mà phải gảy khúc đàn

cho kẻ khác nghe, vào những ngày mưa ngâu như thế, hỏi có đau không, hỏi có sầu không? Ai cũng như ai, không nói ra lời nhưng đều thấy lòng nặng trĩu một bầu trời thương cảm. Thương cho vợ chồng Ngâu một năm mới gặp mặt nhau một lần, thương cho mình, thương cho kiếp người sao lại dặt toàn bằng những sự nhỡ nhàng ngang trái! Giọt lệ của vợ chồng Ngâu, ai cũng cho là chính giọt lệ của mình. Ai cũng cho là mình còn khổ hơn cả vợ chồng Ngâu vì vợ chồng Ngâu còn có chim quạ bắc cầu ô thước, chớ đến mình thì có chim nào bắc cầu đâu? Câu chuyện truyền kì, tự nhiên, đượm một vẻ nên thơ kì lạ và rồi người ta thấy rằng mưa ngâu tỏa ra một thi vị bao la man mác.

Những đêm như thế, người nằm nghe mưa thấy trong cõi buồn vơ vẩn một thú vị nhẹ nhàng của những người được đau khổ để cảm thông cái đau khổ của bao nhiêu người khác cũng đau khổ như mình, đương sống hay đã chết. Đêm mưa sù sụ nghe thấy tiếng van xin của những người ăn mày ở hàng xa vọng tới, hay tiếng guốc lê sên sệt trên đường khuya, hoặc tiếng rao buồn muốn chết của những người đi bán hàng khuya chưa về với gia đình, mình tự nhiên thấy chán chường cho kiếp sống và tự hỏi có nhiều người khổ quá sức là khổ thế thì có thể gọi họ là người được không?

Nhưng nói cho cùng thì sống chết đều khổ cả. Ai bảo chết là

xong chuyện? Ờ thì cứ bảo là phản khoa học đi, bảo là dị đoan đi, nhưng thâm tâm tôi bao giờ cũng tin rằng chết không phải là hết, rất nhiều người chết mà vẫn khổ như thường.

Ấy là những người chết mà không siêu thoát, chết mà vẫn nuối tiếc cái gì, chết mà không nhắm mắt, vì còn ân hận. Ấy là những người trước đây lăm le thay đổi non sông nhưng gặp phải vận cùng thế khuất; ấy là những kẻ màn lan trướng huệ gặp phen thay đổi sơn hà chỉ còn mảnh lá che thân; ấy là những kẻ lâu đài phượng các không còn ai bát nước nén nhang; ấy là những kẻ vào sông ra bể, đem thân chôn rấp vào lòng kinh nghê; ấy là những kẻ mắc đoàn tù rạc,

gửi mình vào chiếu xác một manh;
ấy là những kẻ chìm sông lạc suối,
những người gieo giếng thắt dây;
ấy là những đứa trẻ lỏi giờ sinh
phải lìa mẹ cha từ tấm bé, không
có ai bông bế.

Thương thay thập loại chúng sinh,

*Hồn đơn phách chiếc lênh đênh
quê người.*

*Hương lửa đã không nơi nương
tựa,*

Hồn mờ côی lần lửa bấy niên...

Những hồn mờ côی ấy siêu thoát
làm sao cho được, đành là cứ phải
vất vưởng ở ngang bờ dọc bụi, lang
thang ở quán nọ cầu này, nay hiện
lên ở đầu chợ cuối sông, mai lại
lập lờ ở chân mây ngọn suối.

Trời thăm thăm mưa gào, gió thét,

Khí âm huyền mờ mịt trước sau.

Ngàn cây nội cỏ rầu rầu,

*Nào đâu điệu tể, nào đâu chưng
thường.*

Những cô hồn vô định, côی cút
ấy đành là chỉ còn biết trông vào
những người có đôi chút từ tâm,
ngày rằm mồng một thí bỏ cho bát
cháo nấu xôi, hay đốt con thoi
vàng manh áo để rồi:

Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,

Lặn mặt trời lẩn thân tìm ra.

Tháng Bảy mưa ngâu, thả
ngọn đèn con lên mà niệm một

mình bài “Văn tế thập loại chúng sinh”, quái thật, sao mình cố giữ cho lòng bình tĩnh mà như có sóng gió nổi lên ở trong tim?

Nửa đêm về sáng, trời bắt đầu lành lạnh. Gồm ghiếc cho cái mưa quái quỷ gì cứ kéo lê thê ra mãi không có một lúc nào ngọt hột. Ngoài kia, trời tối mù mù.

Có ai thức vào những lúc này có cảm thấy gì không, chớ tôi thú thực có nhiều lần đã ớn lạnh nơi xương sống vì tưởng như trông thấy những cô hồn rách rưới tang thương kéo từng đoàn đi lơ lửng trong không khí âm u sương khói.

Bao nhiêu truyện “Liêu trai chí dị”, “Truyền kỳ mạn lục” đọc từ ngày đi học, lần lượt xâm chiếm

đầu óc tôi, lộn xộn, lơ mờ, nhưng có lúc hiện ra rõ rệt như những tia sáng yếu ma lóe ra trong một thế giới hỗn mang có những hồ li hóa trang thành đàn bà xoắn tóc, những bộ xương trắng chui từ trong lòng núi ra đi lóc cọc, chạm vào nhau kêu cóc ca cóc cách, và những người không đầu từ những mảnh giẻ ở dưới đất bay ra thành hàng vạn đốm lửa rồi tụ lại thành ra không biết bao nhiêu ngọn tháp bay lơ lửng trên lưng chừng trời.

Tất cả những cái đó là người hay ma? Là u hồn không được siêu thoát hay chỉ là ảo tưởng do người phản khoa học tưởng tượng ra vì bị ám ảnh, vì hồng óc?

Thôi, chẳng tội gì mà nghĩ ngợi

vẫn vợ về vẫn đề có ma hay là không có ma, chết là hết hay linh hồn còn tồn tại, những cô hồn không được cúng kiến đi lang thang trong cõi hư vô là thật hay chỉ là chuyện đặt để không đâu để lấy làm điều răn người sống! Chỉ biết rằng mắt mình trông thấy thật như thế thì cứ nói toẹt ra, chẳng sợ ai cười là hủ hóa, là “rùng”, là “chạm tiến”.

Thế nhưng mà tại sao những cô hồn rách rưới tang thương kéo từng đoàn đi lơ lửng trong không khí sùi sụt mưa dầm, lạnh toát hơi may, cứ diễu đi diễn lại mãi không thôi thế này? Họ đi đâu mà kéo đi bất tận thế này? Họ có bao giờ được nghỉ ngơi không, hay là cứ phải đi như thế mãi, như thế mãi? Mà họ là ai vậy mà trông vừa gớm

ghê, vừa ai oán, nửa như thực mà nửa như hư thế này?

Quả là đến lúc viết tới đây tôi cũng không hiểu tại sao lại nhớ đến một chương trong thiên phóng sự “Về Bắc Việt” của Madeleine Rif-faud “viết dưới bom”: ờ, Mỹ bắt đầu oanh tạc Bắc Việt hồi 1966 chính là vào cỡ mưa rào tháng Bảy, vong nhân xá tội đây! “Chúng tôi đọc thấy rằng, từ một vài tháng nay, các phi vụ ở Bắc tăng gấp ba, số bom ném cao lên vòn vọt, còn nhiều gấp tư số bom ném trung bình hằng tháng ở Cao Ly. Người Việt Nam có bị tiêu diệt không? Mà họ làm thế nào chịu đựng được?”

Chẳng cần phải nghĩ vẩn vơ, ai mà lại không biết số người chết

hắn phải nhiều. Đem cộng con số này với bao nhiêu người Việt Nam đã chết vì bom của “đồng minh” đến “giải phóng” chúng ta khỏi ách của “phát xít” Nhật, bao nhiêu người chết đói năm 1945, bao nhiêu người chết vì bệnh tật, súng đạn của Pháp đến “cứu” ta ra khỏi “nanh vuốt” của cộng sản, rồi lại bao nhiêu người chết vì cộng sản và vì “chống cộng”, bao nhiêu người chết vì bom Mỹ, súng Mỹ ở ngay tại miền Nam, bao nhiêu người bị đột kích, pháo kích, truy kích, xung kích, oanh kích, công kích, xạ kích, phục kích... Ờ, nhiều quá sức là nhiều, thế thì những oan hồn cứ kéo nhau đi hăng hà sa số, trường kì bất tận cũng không có gì lạ hết.

Nhưng mà họ đi đâu? Họ cứ đi

mãi thế à? Nghe nói cả bên đạo, bên đời đều chủ trương là có một cõi ghê gớm lắm, tục gọi là địa ngục, rộng bằng cả một thế giới chúng ta đang ở, xét xử rất phân minh, ai làm tội ác thì bị cưa đầu, cắt lưỡi, leo cầu vòng, cho chó ngao moi ruột, còn người nào làm việc thiện thì được lên thiên đường.

Thiên đường và địa ngục, hắc bạch rất phân minh, thế thì tại sao lại có những cô hồn không lên thiên đường mà cũng không ở địa ngục, cứ đi phất phưởng lang thang như thế? Có phải là Nam Tào, Bắc Đẩu đã quên ghi họ vào sổ tử chăng? Hay là vì họ không có tiền chạy chọt nên còn phải ở ngoài chờ đợi? Hay là vì không phải ở “đảng ta” nên chưa được gọi vào xét xử, cứ

phải cơm nắm, muối vừng đứng
chầu rìa?

Nhưng dù sao đi nữa thì mình
cũng cứ chịu vị đại đức nào đã nghĩ
ra sự tích lễ Vu Lan, mỗi năm lại
lấy ngày rằm tháng Bảy làm ngày
xá tội vong nhân... ở nơi âm phủ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại thì mới
thấy tội nghiệp cho vợ mình: cứ
mỗi năm đến lễ ấy - còn kêu là lễ
Trung Nguyên hay là tết Vu Lan
- thì lại kể lại cho chồng nghe sự
tích lễ ấy theo đúng sách “Mục
Liên cứu mẫu kinh diễn âm”, theo
đó thì Mục Liên không phải là tên
thật mà chỉ là cái hiệu. Tên thật
Mục Liên là La Bộc.

“Theo đúng sách, La Bộc là con
ông Phổ Tướng và bà Thanh Đề. Vì

gia đình túng thiếu, La Bộc phải đi buôn bán ở tỉnh Kiên Liên. Ít lâu sau, giàu có, La Bộc cho người đem tiền về biếu mẹ. Bà mẹ ăn xài hết nhẵn rồi lại còn giết chó làm nhân bánh biếu sư. Đến lúc La Bộc về thì bà mẹ lái chối và nói rằng bao nhiêu tiền con gửi về cho đã đem cúng cả vào đền chùa miếu vũ rồi.

“Chẳng bao lâu, bà mẹ chết. Chịu tang mẹ ba năm, La Bộc đi qua nước Ki Đô là nơi Phật ở, xin phép ở lại tu luyện theo hầu. Phật thương tình, ưng thuận, sai thầy Kha Na cắt tóc ông và đặt tên là Đại Mục Khiên Liên và cho vào tu ở chùa Lã Bí trong rừng Quít Sơn. Cái tên Mục Liên phát sinh từ đó. Muốn đến rừng Quít Sơn, phải qua chùa Thiên Giai là nơi có những âm

hồn ở lẫn quất nghe kinh. Mục Liên chỉ nhận thấy có cha là Phổ Tướng, còn mẹ là Thanh Đề thì không. Mục Liên ôm mặt khóc, Phật hiện lên bảo cho biết là Thanh Đề vì khi sống điều ngoa gian ác nên bị đày xuống ngục A Tỳ rồi.

“Mục Liên lặn lội tìm cho tới ngục A Tỳ gặp mẹ. Nơi đây bà mẹ chịu trăm ngàn thứ cực hình, không sao chịu nổi. Thấy con, bà mẹ khóc lóc nhờ con tìm cách cho bà ra khỏi ngục. Mục Liên dắt mẹ đi nhưng quỷ sứ giữ lại. Chàng lại cầu xin đức Phật. Ngài thương tình bảo Mục Liên: ‘Nhà người cứ an tâm, trở về Vương Xí, ta sẽ hóa phép cho mẹ người thành con chó ở bên cạnh nhà người’.

“Quả nhiên về đến Vương Xí thì có một con chó quẩn quít ở bên chân Mục Liên. Chàng hiểu ngay đó là mẹ mình, bèn hóa phép cho con chó thành người. Từ đó, Mục Liên ngày đêm đem hết lời khuyên mẹ sám hối, rủ lòng theo chân lí đạo Phật. Bà mẹ nghe lời con, ăn chay niệm Phật, rồi một đêm rằm tháng Bảy, hóa thành tiên, bay lên trời. Mục Liên bay theo mẹ và cầu xin đức Phật xá tội cho bảy đời họ hàng nhà mình.

“Dựa vào sự tích ấy, cứ đến ngày rằm tháng Bảy, các đền chùa miếu mạo đều làm chay chay đàn, phá ngục cho các tội nhân. Tục gọi là tết Vu Lan. Mọi nhà cũng đều làm lễ cúng bái rất thành kính vì tin rằng ngày đó là ngày ở dưới

âm, vong nhân xá tội cho những người quá cố”.

Ấy, câu chuyện đại khái chỉ có thế thôi. Nghe một, hai lần cũng vui tai, nhưng vợ chồng ăn ở với nhau chốc là hai mươi mốt, hai mươi hai năm trời mà cứ nhắc đi nhắc lại sự tích ấy vào dịp vong nhân xá tội, thét rồi cũng ngấy. Nhưng đến bây giờ, cũng vào tháng Bảy ngày rằm, cũng ăn cái lễ xá tội vong nhân dưới một trời nắng cháy, mình có muốn gối đầu vào tay vợ, nghe chính vợ kể lại cho mình sự tích Mục Liên Thanh Đề một lần nữa trong khi ở ngoài trời mưa sùng sục, có gió may thổi vi vu thì cũng chẳng còn được nữa..., nuối tiếc đến mấy thì cũng chẳng còn được nữa...

Nhưng nuôi tiếc không phải chỉ có thể mà thôi. Người ly hương còn nuôi tiếc không biết bao nhiêu cái không khí chùa chiền ở Bắc vào dịp lễ Trung Nguyên, chiêm trống, chũm chọe vang rân cả những vùng chung quanh, các sư lũ lượt ở xa về họp ở mấy ngôi chùa chính, đội mào có múi như múi khế, thêu xanh, đỏ, trắng, vàng, cầm gậy chạy đàn, ra điệu phá cửa những nhà ngục ở dưới âm ty để giải thoát cho những u hồn tội lỗi rên xiết trước những hình phạt gớm ghê mà óc người không thể nào hình dung được trọn vẹn, như leo cầu vồng, rớt xuống sông mê, chó ngao moi ruột, quăng vào vạc dầu, cưa đầu, móc mắt, leo cột đồng nung đỏ, rút lưỡi hà răng...

Có trông thấy người vợ bé nhỏ thấp hết tuần nhang này đến tuần nhang kia, khấn hết bàn thờ này đến bàn thờ khác, xuýt xoa lễ bái hết gốc cây này đến ụ đất kia, mình mới thấy rõ ràng hơn hết cả bao giờ là vợ mình tin tưởng như điên, lễ Trời lễ Phật đã đành, nhưng nếu thấy rằng lễ yêu tinh quỷ sứ, cô hồn các đảng, bà cô ông mãnh mà các tà ma yêu quái đó đỡ ác đi thì cũng chẳng ngại gì mà không lễ.

Lễ như thế, chưa đủ: về nhà còn lễ nữa. Nhưng muốn lễ thế nào thì lễ, vào ngày tết Trung Nguyên nhà nào cũng phải nấu một nồi cháo trắng múc ra từng chén đặt ở trước nhà, và nhang đèn vàng mã, chè đường bỏng bột bày ra để cho các u hồn phảng phất ở chung quanh

đó tìm lại mà phối hưởng. Lễ xong, các phẩm vậy ấy người nhà thường không ăn, mà để cho các người nghèo khó đến giành giựt để ăn hoặc cho vào bị đem về nhà.

Sống ở trong này, thì tôi không thấy các thành phố ăn tết Trung Nguyên như thế. Có thể bảo rằng bà con miền Nam ăn tết to hơn: xí nghiệp, công ty, tư sở, công sở nào cũng cúng rồi quay ra uống la ve, nhậu với thịt quay bánh hỏi, không cứ vào đúng ngày rằm tháng Bảy nhưng có thể vào bất cứ ngày nào từ rằm đến ba mươi, vui lắm, nhộn nhịp lắm, nhưng không có mấy nhà nấu cháo bày ra đường và bày chè lam, bỏng bột để tiếp đón những oan hồn đi qua, như ở Bắc.

Tôi còn nhớ lúc nhỏ, vào những đêm cúng cháo chúng sinh như thế xong rồi, lên giường nằm ngủ, - tôi thích tưởng tượng ra những cảnh cô hồn ở các nơi kéo nhau về ăn cháo, tranh giành bóng bộp, chè lam và giành giựt nhau những cái áo cắt bằng giấy tàu xanh đỏ, những thoi vàng bẻ bằng nan nửa ngoài bọc giấy vàng hay những tờ giấy tiền làm bằng những tờ thiếc tráng tượng trưng cho bạc và những tờ thiếc quét “hòe” tượng trưng cho vàng.

Nhớ lại như thế tức là nhớ lại cả một thời bé dại, nhà chưa có gì, tôi còn đi học “Dương Tiết” ở nhà cụ Tú Tăng đầu Hàng Gai. Học xong, về nhà, bắc chõng ra giữa sân nhìn lên trời xem mây bay rồi

ngủ lúc nào không biết. Đến khi thức dậy thì mẹ tôi đã đếm xong những thiếc buộc lại từng bó ngàn tờ một. Nồi lá hòe cũng vừa nấu xong, thầy tôi lấy một cái chổi cọ đúng vào nồi lá hòe, phết lên tờ thiếc thành một màu vàng sẫm. Tôi phụ trách gấp đôi những tờ thiếc lại, phơi lên những cái “vè” nhỏ làm bằng tre, mặt ướt để ra ngoài. Khi nào hòe khô, một người em tôi lấy xuống, xếp lại, đếm từng trăm một, buộc lại thành bó một ngàn, thỉnh thoảng để một miếng giấy để đánh dấu từng trăm một.

Những tờ thiếc trắng và vàng đó bán vào cái chợ rằm tháng Bảy chạy không thể nào tả được. Về sau này, nhà tôi không “bồi thiếc” nữa, mà cũng không quét hòe nữa,

nhưng đến rằm tháng Bảy thì vẫn cúng cô hồn; tuy nhiên, cùng với tháng năm lì lợm, tôi không còn mấy khi nghĩ đến các cô hồn ở các nơi về cướp cháo lá đa như hồi tôi còn nhỏ; nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn yên trí rằng nếu ngày rằm tháng Bảy mà không lễ các cô hồn thì là một cái tội không thể tha thứ được đối với những người đã khuất, nhất là những u hồn lang thang khe suối gốc cây, vất vưởng nơi cầu sương điểm cỏ.

Ấy là bởi vì mặc dầu đã bị tiêm nhiễm văn minh Hi Lạp, La Tinh, mặc dầu khoa học thét vào tai tôi rằng tin tưởng như thế là hủ bại, tôi vẫn không thể nào tẩy não được mà vẫn cứ “ngoan cố” tin rằng ngoài cái thế giới chúng ta đang sống

hiện nay, còn một thế giới u huyền khác mà loài người chưa cứu xét được đến nơi đến chốn, nhưng bởi vì “muốn cho xong chuyện” nên kết luận toạc ngay là “dị đoan”.

Thôi thì muốn bảo tôi là chậm tiến, là dị đoan, là hủ hóa thế nào tôi cũng cứ chịu đi, nhưng những điều mà tôi thấy, những điều mà tôi biết không cho phép tôi nói khác những điều tôi vừa nói.

Thế là nghĩa làm sao?

Tôi không hiểu ra sao hết, nhưng có những sự việc mà tôi chứng kiến, mà người trong các chuyện ấy hãy còn sống sờ sờ để làm nhân chứng cho tôi, lắm lúc, đã làm cho tôi nghi ngờ khoa học. Có cô hồn không? Cô hồn có oan

ức không? Cúng kiến có giúp ích gì cho họ hay không? Câu chuyện nhỏ dưới đây chắc hẳn sẽ cho bạn đọc phải suy nghĩ nhiều, còn tin là có thật hay cho tôi bịa đặt, hoàn toàn tùy ở nơi các bạn.

Hồi 1947, một người bạn tôi tên là Q. (hiện nay làm ở Sở Thanh niên) ở ngoài kháng chiến hồi cư về Hà Nội. Thành phố lúc ấy tan nát, có đường không còn lấy một căn nhà. Vì thế Hội đồng An dân, phụ trách sự ăn ở cho những người có nhà bị tàn phá, buộc lòng phải lấy tạm nhà của những người chưa trở về để cho những người hồi cư ở tạm. Q. được Hội đồng An dân dành cho ngôi nhà số 47 đường Lê Lợi.

Đây là một căn nhà hai tầng, khá rộng, đằng trước có vườn. Chung quanh có một hai ngôi nhà khác đã có người về trước.

Vốn là một thanh niên mạnh khỏe, lì lợm, có võ mà lại bắn súng vào hạng khá, Q. một mình đến ở đó (vì lúc ấy gia đình anh chưa về). Ở được độ một tuần, hàng xóm có người sang chơi trò chuyện, đến lúc ra về hỏi Q. “Ở bên này, ông thức khuya nhỉ, mà sao bè bạn đến cứ rầm rập, chúng tôi không tài nào ngủ được”. Q. ngạc nhiên hết sức vì từ lúc hồi cư, không có người nào đến thăm anh lúc đêm hôm. Chính anh cũng nghe thấy tiếng chân người đi rầm rập cả đêm, nhưng anh lại cứ tưởng đó là tiếng người đi lại ở nhà bên cạnh.

Từ lúc nghe câu chuyện, anh bắt đầu để ý thì ngay tối hôm ấy mới nhận thấy rằng tiếng đi sầm sập ấy ở chính dưới nhà anh - anh ngủ một mình trên gác. Lẳng tai nghe kỹ thì dường như có hàng trăm người vừa đi giày, vừa đi guốc, vừa đi chân không, từ ngoài vườn đẩy cửa vào trong nhà, chạy thình thình ở thang gác. Q. bật đèn lên, giương to mắt ra nhìn thì không thấy gì. Tứ bề lại yên lặng. Nhưng Q. không phải là tay “vừa”: thấy thế, anh tức, nhất định phải “ăn thua đủ” với bọn ma quỷ đó. Anh rình.

Hình như biết “thóp” như vậy, bọn đó bắt đầu làm dữ: rung chuyển giường của anh, ném đá vào đèn, chạy sầm sầm lên gác

rồi hàng trăm hàng ngàn cái đầu đâm sầm vào tường tạo nên một tiếng vang dữ dội trong đêm tối. Q. đương nằm chồm trở dậy thì thấy có hàng trăm cái bóng cao lớn, đen trùi trùi, có cái mặc áo ngắn, có cái cởi trần, râu ria tua tủa mà đầu thì trọc chạy sầm sầm đến trước mặt anh rồi... biến mất...

Bao nhiêu tiếng tục tằn rác rưởi nhất, Q. giở ra dùng hết, nhưng vừa nằm xuống được một lát thì lũ quỷ sứ ở đâu lại dẫn đến, nện gót xuống sàn gác kêu thành thịch và có vẻ như muốn sẵn cả lại để lôi anh dậy. Vớ lấy cây súng giấu ở đầu giường, Q. bắn lia bắn lịa, vừa bắn vừa chửi. Đến lúc nhìn lại thì tường vách và đồ đạc đều có vết đạn nhưng tuyệt nhiên không thấy

có dấu máu nào. Cứ như thế chùng một tuần. Thét rồi, Q. không biết làm thế nào khác, đành phải chong đèn nằm ngủ, nhưng cứ chợp mắt một chút - mà có khi mắt còn mở hẳn hoi chưa ngủ - thì lũ quỷ sứ kia lại sầm sập chạy từ dưới nhà lên làm dữ. Cho đến một ngày kia, gia đình Q. ở hậu phương về, ông thân anh Q. thấy căn nhà con ở dữ quá, nhất định bắt anh phải dọn đi nơi khác.

“Cứ ở mãi thế này, trước sau gì cũng chết, làm sao mà sống nổi. Bởi vì ai lại còn không biết tự vệ ở Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Hòm đến ngày chót rút cả về khu Lê Lợi này, quân Pháp một mặt công kích, một mặt ném bom, nhà cửa tan nát, trăm người không

thoát một: oan hồn của họ không tiêu tan được cứ lửng lơ ở đây khuấy phá, không những ban đêm mà có khi cả ban ngày nữa. Có người thuật lại rằng có những ngày mưa dầm sùi sụt những cái bóng ma ấy kéo nhau thành hàng một, đi lơ lửng trên trời, sần sần các ngọn cây và lại cũng có hôm họ lại hiện ra trong các chợ vầy vọc vào các hàng miếng chín và chỉ từ sáng đến trưa bao nhiêu thịt thà, nem chả tự nhiên thiu thối hết, chỉ có mà đổ đi. Thôi, anh ạ, tôi xin anh là hết; anh bưng với ai chớ bưng với các ‘ông ấy’ chỉ có mà đại thôi”.

Anh Q. đành phải nghe lời ông cụ, nhưng vẫn tức bực không chịu được. Vào đêm trước khi định dọn

nhà đi nơi khác, anh ngồi chửi om lên, chửi văng mạng, chửi tuốt, nhưng không chỉ đích xác ai. Vào gần sáng, lũ người đen trùi trùi, trọc đầu lại đến, nhưng lần này có vẻ hòa nhã hơn. Một người - ánh chừng là đại diện cho cả bọn - đứng ở đầu giường lúc anh đang chập chờn sắp ngủ, bảo: “Chúng tôi phá anh như thế cũng đủ rồi. Thôi, bây giờ chúng ta nói chuyện thành thực với nhau, anh có bằng lòng không? Chúng tôi quả thực không muốn làm cho anh bức tức hay tác hại đến sinh mạng của anh. Bây giờ, chúng tôi muốn kết thúc, không đùa dai nữa. Anh lo công việc của anh, còn chúng tôi thì có công việc của chúng tôi. Chúng ta giã biệt. Nhưng trước khi chia tay, xin nói thật với anh, chúng tôi đối

rét lắm, anh cố xoay cho chúng tôi một ít quần áo, thuốc đánh răng và kiếm cái gì để anh em ‘mỡ’ cho đỡ lòng một tí”.

Thức dậy khi mờ sáng Q. nằm suy nghĩ, chửi thề một hồi lâu rồi ra phố mua bánh mì chả lụa về bày đầy một mâm, đặt trên một cái ghế giữa sân. Vì lúc ấy những người hàng mã chưa về, anh lục tủ lấy hết quần áo cũ, dây lưng, sơ mi, ca vát, thuốc đánh răng thật, chồng lên một đống trên cái chiếu trải dưới đất rồi châm nến, đốt nhang, lẩm nhẩm khấn các oan hồn phá phách anh từ nửa tháng nay “nếu có linh thiêng thì về thụ hưởng”. Đoạn, anh đổ một chai dầu lửa vào tất cả, bật một que diêm đốt hết, trong lòng bán tín bán nghi, không

biết làm như thế thì có ích lợi gì không, mà những oan hồn kia làm sao hưởng được những đồ vật cháy ra than đó.

Nhưng Q. ngạc nhiên không thể tả được, mà còn ngạc nhiên mãi đến tận bây giờ, vì kể từ đêm hôm đó trở đi, anh không thấy những cái bóng trọc đầu, đen trùi trũi đẩy cửa vào nhà anh, chạy thành thịch trên thang gác để rung chuyển giường anh, ném đá vào đèn, và đâm đầu vào tường vách để bắn tung ra như quả bóng, như trước nữa.

Đêm buồn không ngủ mà chong một ngọn đèn con lên, nhớ lại những chuyện “liêu trai” như thế, mình dù sống ở miền Nam người

đông như kiến cũng thấy ớn lạnh
nơi xương sống và muốn bắt chước
người xưa bán cả áo cừu đi để mua
rượu uống cho đỡ sợ và luôn thể
tiêu cái sầu thiên vạn cổ.

*Nước khe cơm vắt gian nan,
Dãi dầu nghìn dặm, lăm than một
đời*

*Buổi chiến trận mạng người như
rác,*

Phận đã đành, đạn lạc tên rơi.

*Lập lòe ngọn lửa ma trời,
Tiếng oan vắng vắng, tối trời càng
thương!*

Công danh, phú quý, sắc đẹp,
ngai vàng, bao nhiêu mồ hôi, nước
mắt, bao nhiêu trí tuệ, mưu cơ, rút

cục lại cũng chỉ còn là những oan hồn đi vất vưởng đó đây, chờ lúc lặn mặt trời thì kéo ra để xin ăn một nắm cơm, bát cháo, la cà các đền chùa miếu mạo nghe kinh và suy nghĩ về chữ “giai không vạn cảnh”.

Thôi rồi, lại nói chuyện “chiến bại” rồi. Thế thì còn đâu là tinh thần đấu tranh, tiến bộ? Nhưng giả thử ở đời ai cũng suy nghĩ một cách chiến bại như thế, chưa biết chừng thù hận sẽ ít đi, chiến tranh giảm bớt và do đó số oan hồn cơ khổ sẽ giảm rất nhiều cũng nên! Nhưng nói vậy mà chơi thôi chớ thế giới làm sao mà “thoái hóa” như thế được? Còn giống người thì còn ganh đua, còn ganh đua thì còn mâu thuẫn mà còn mâu thuẫn

thì còn đâm chém giết chóc nhau, lẽ đó khó mà tránh được.

Còn nhớ ngày xưa có một anh chàng tên là Candide¹, trong một cuộc lãng du cuối cùng, nhìn thấy ở giữa đại dương có một hòn đảo trên có người ở đông đúc như kiến cỏ. Candide quay lại hỏi ông cố vấn theo sau:

– Người ta làm việc gì mà tấp nập như vậy?

Vị cố vấn trả lời:

– Thưa, họ chém giết nhau. Đất nước chia làm hai bọn: một bọn mang tiếng là bảo thủ, một bọn tự nhận là tân tiến. Bọn tân tiến lật bọn bảo thủ, hai bên giết nhau hơn cả người khác giống.

¹ Le dernier voyage de Candide: Georges Duhamel.

Đi một lát nữa, đến một eo đất kia thấy người ta làm việc quên cả ngày đêm, Candide vỗ tay khen:

– Họ chăm chỉ quá. Chắc là họ kiến thiết quốc gia.

Vị cố vấn chậm rãi nói:

– Họ đang xây cất nhà tù đấy, là vì cứ mỗi khi có cách mạng thì lại có một số người chống cách mạng. Phe thắng sẽ bắt hết những người của phe bại, hoặc giết chết, hoặc cho vào nhà giam. Thét rồi, không còn chỗ để mà giam người nữa, họ phải hối hả xây thêm nhà giam mới để nhốt những đồng bào của họ.

Candide hơi buồn nhưng chỉ một lát sau, chàng vui lại vì thấy ở

trên một đảo khác có đèn giăng lá kết và từ trên chiếc tàu chạy giữa biển khơi chàng nghe thấy tiếng đàn hát từ đằng xa vọng lại.

Candide vỗ tay, bảo viên cố vấn:

– Thôi, chắc chắn ở đây là thiên đường rồi. Nếu không, sao lại có nhã nhạc và sinh ca như thế?

Viên cố vấn lắc đầu:

– Bẩm, cũng lại không đúng nữa. Đây chính là địa ngục: những người đàn hát múa may đó có phải vui sướng gì đâu; họ phải theo lệnh chủ, múa hát đàn ca như thế để che lấp tiếng khóc than của muôn dân đói khổ rên xiết dưới gông cùm nô lệ. Có thể, chủ họ mới có lí do để

tỏ cho thế giới biết là dân chúng không đồ thần mà trái lại, lại vui vẻ tôn thờ cả tứ lẩn thầy...

Lần này, Candide không còn bám được vào cái gì để mà tin tưởng và yêu đời nữa. Chàng ngửa mặt lên trời mà than: “Đời đến thế này thì ta còn biết phân biệt ai là người, ai là quỷ. Chẳng thà toàn là quỷ cả lại còn dễ sống hơn!”

Nói như thế là nói phẩn. Có nước nào chịu đựng chiến tranh và chết chóc nhiều đến như nước Việt Nam không? Oan hồn, ma quỷ hằng hà sa số, nhưng chính mắt người thì có mấy ai thấy chúng đâu, hay chỉ thấy toàn người - mà những người đẹp như tiên, thơm như mít, mỗi ngày nghĩ ra được thêm thú vui kì

quái đẽ tiêu khiển trong tiếng nhạc
“sốt gơn” huyền ảo.

“Anh ơi, đừng bỏ em ở nghĩa
trang một mình...”

Không. Có ai bỏ em đâu. Trăng
chiếu lên nắm mộ em, hãy đứng
dậy đi, chúng ta cùng hát một bản
“sun”. Thế giới sẽ chụp hình ta và
đó là một cách tuyên truyền hùng
hồn nhất để tỏ cho cả trần hoàn này
biết là ở Việt Nam, cả người sống
lẫn người chết đều sung sướng.

Nguyễn Thị Hoàng

Nỗi chết

Không phải quảng cáo cho hãng K.A.L., nhưng phái đoàn đã có lý khi chọn hãng này để đi quanh một vòng Sài Gòn, Taipei, Osaka, Seoul, Hongkong. Bởi lẽ những tiện nghi của máy bay, cách tiếp đãi, và nhất là, đối với thứ mắt đàn ông lang bang như tôi thì, khuôn mặt và dáng điệu của cô tiếp viên hàng không là điều tối quan trọng. Đó là niềm hứng khởi

đầu tiên cho cuộc du lịch, và cũng là kỷ niệm dịu dàng thăm thẳm của lúc trở về, hồi tưởng bằng ký ức mênh mang. Đối với tôi thì những dáng dấp và khuôn mặt kia, kèm theo những đối đãi, những tiếng nói, là một thứ khung cảnh cần thiết làm đẹp con đường di chuyển. Nhưng mà nếu chỉ uống nước suối hay nước cam, vài ba cái kẹo rẻ tiền trên mâm như kiểu đường bay của Hàng không Việt Nam thì nhãn quang cũng không còn đủ sáng để thấu nhận bất cứ là hình ảnh điểm kiêu nào. Cho nên K.A.L. đã chu đáo cung cấp đầy đủ, cho thị giác, dạ dày, và những năng khiếu thưởng thức đặc biệt của con người trên chuyến đi. Nói có vẻ quá đáng, nhưng quả là tôi đã hài lòng hình ảnh các cô tiếp viên, cách tiếp đãi,

đáng đắp, cử chỉ ăn nói, và những bữa ăn trưng bày gọn gàng, xinh đẹp, đầy đủ. Bữa cơm tối gồm một cốc rượu chất đỏ, một tách cà phê, một tách trà, một món thịt gà quay mềm, một đĩa đủ các thứ rau trái nấu nhuyển, miếng xăng-uyt, hai thứ bánh ngọt, và một đĩa nhỏ xà lách chua, trứng, táo đen. Khay thức ăn có thể chụp hình để làm bìa cho một cuốn sách gia chánh. Rồi trời tối ngoài kia khung kính nhỏ, và máy bay thấp dần xuống trong cõi đèn màu ngập trời như rừng thủy tinh màu vớ vụn nhấp nháy dưới mây cao.

Nỗi gì êm dịu, nhẹ nhàng, mát rượi thênh thang bay bổng khi đi vào khoảng đèn sáng trắng của sân bay sạch bóng. Chuyến bay cuối đờ

xuống một số ít hành khách, có thể nhìn và nhận rõ ra từng khuôn mặt nhau, qua những cổng kiểm soát và những quầy làm thủ tục giấy tờ.

Sự hài lòng, pha lẫn một thoáng buồn bã tiếc thương, một thứ gì vừa đánh mất, không bao giờ tìm lại được nữa, gợn trong lòng tôi nỗi bùi ngùi mông lung, làm mê đắm thần trí và thânh thang ảo tưởng. Hình như mọi vật, có thực hiện hình trước mắt tôi lúc đó, cũng như tâm trí tôi, không còn những mốcg ngăn chia để phân biệt cái gì đã qua, cái gì đang có, những ảo mộng chập chờn hay sự hồi tưởng về một thời gian mất hút nào đó.

Từ đấy, con mắt tôi bị hướng dẫn từ ảo tưởng mênh mạn diệu

hoặc kia, và những gì tôi trông thấy hay cảm thấy, không hiểu nó có thật như thế hay chỉ là làm tưởng. Cho nên bàn tay ngón nhỏ xinh xắn đó, bàn tay có những móng hồng sơn màu, láng lẩy và sạch sẽ, đặt úp trên cuốn sổ thông thông hành trên mặt quầy, bên cạnh cuốn sổ thông hành của tôi, là có thực hay không có thực, tôi không thể nào xác định được. Tuy nhiên, cảm tưởng bị nhìn đăm đăm thì không thể làm lẫn. Tôi cố tình thản nhiên, không đếm xỉa gì tới người đứng bên cạnh với bàn tay nhỏ nhắn đang chặn cuốn sổ thông hành, chờ đợi đóng dấu kia. Nhưng lòng tôi hoang mang hồi hộp đến nỗi cổ họng khô đi, và tôi muốn thở bung ra thật mạnh để đánh bật thứ không khí nặng nề nào đang bịt chặt trên ngực.

– Ông đi xem hội chợ à.

Giọng nói, có thật, thanh và nhỏ, ấm áp, thân mật. Tôi không thể lơ là cảm nín với thứ giọng ấy, từ cõi xa lạ vọng lên.

– Vâng, và một vài việc khác.

– Ông còn ở đây lâu không,

– Tôi không định trước thời gian ở lại.

– Trong visa có ghi mà.

– Thì khoảng ba bốn hôm gì đó.

– Ít quá nhỉ.

– Nhiều khi lại là quá nhiều, nếu không có gì hay xảy ra.

– Có hay không do nơi mình cả. Ông tới Nhật lần đầu.

– Vâng, lần đầu.

– Mong ông vui. À, tôi trông ông quá quen, hình như đã gặp ông ở đâu. Có một dạo ông về nghỉ hè ở Nha Trang.

Tôi quay qua phía tiếng nói. Một vóc dáng nhỏ nhắn, gọn khẽ trong chiếc áo xanh, cắt sát và ngắn. Thân thể tròn đầy, nước da nâu tẻng vẻ long lanh của đôi mắt tròn và sáng, với một nét chỉ đen cong vút ở đuôi, Cặp mắt linh động, trong sáng, thông minh, ánh lên những tia nhìn vừa dịu dàng vừa thu hút. Thử mắt vẫn tỏ cho người khác một cái nhìn cảm phục, vâng chiu, trù mến. Đôi môi mỏng, gọn, đầy, bên ngoài hàng răng thẳng nhỏ và đều, son màu san hô nhạt.

Mớ tốc ngăn giản dị ôm khuôn mặt trái xoan, căng đầy như búp bê.

– Tôi chưa gặp cô bao giờ.

– Ông quên, tôi đã gặp ông rồi, một lần ngoài bãi biển, Ông khoác trên vai cái khăn tắm sọc xanh đỏ trắng như cờ Pháp, một lần ông vào bệnh viện, và một lần ngoài phố.

Quả là tôi đã khoác cái khăn màu đỏ ra bãi biển, đã vào bệnh viện thăm một người bà con bị ốm, và đi phố thì thường ở Nha Trang một mùa hè nào đó.

Nàng nói tiếp, thản nhiên, đẩy cuốn sổ thông hành lại gần tầm tay người kiểm soát.

– Tôi ở Nha Trang lâu, tôi nói giọng ngoài đó, ông thấy không, tôi

là người trong nhóm thanh niên
chí nguyện, làm việc ở bệnh viện.

– À, vậy sao cô qua đây.

– Tôi có công tác ở hội chợ Osa-
ka.

– Bao lâu.

– Một tuần.

– Vậy là cô về sau tôi.

– Biết sao là sau, sao là trước,
đôi khi thời gian không bằng sự
tình cờ.

– Như vậy là sao.

– Không chừng tôi cùng đi cùng
về với ông.

Lời nàng không có một vẻ gì
bóng bẩy gạ gẫm. Nét mặt trang

ng nghiêm, đằm thắm, dịu dàng, chứng tỏ một tâm hồn trung chính, đơn giản, và thuần hậu. Tôi muốn nói một câu gì tỏ cảm tình với nàng, với một ý nghĩ thoáng qua nhanh trong trí, mình bắt cô ta làm bạn đồng hành những ngày ở đây. Nếu không những ngày qua Nhật vô nghĩa chừng nào, và không có gì thay thế được bóng dáng đã khuất chìm ở Đài Loan.

Nhưng bàn tay nhỏ nhắn đã biến mất cùng với cuốn sổ thông hành trên mặt quầy. Bên cạnh tôi chỉ còn là một khoảng không. Tôi bỏ cuốn sổ thông hành trên quầy, quay lại, đi quanh quất tìm kiếm. Không biết người con gái biến đi đâu trong sân ga người qua lại không đông, không một ngõ ngách tối

tầm nào khắp những gian phòng
thên thang sáng ngập đèn. Nhưng
tôi không thấy bóng dáng nàng ở
đâu chỉ trong vòng chớp mắt.

Tôi quay lại chỗ kiểm giấy thông
hành. Thử hỏi người vừa ghi
số của nàng, này, ông có nhớ tên
người vừa rồi trong thông hành
không. Người nào, hần nhướng
gọng kính ngơ ngác hỏi lại tôi bằng
tiếng Anh. Tôi nói, cô gái vừa rồi
đó, tên gì. Hần trố mắt, há miệng,
nãy giờ, tôi chưa thấy số thông
hành nào của đàn bà cả. Ông làm
ở một ga nào khác chẳng tôi nhìn
hần, hần nhìn tôi, kinh ngạc đối
diện với kinh ngạc, yên lặng.

*

Bụng đói cồn cào sau giấc ngủ chiều mê mệt, tôi buộc kỹ dải đai chiếc áo kimônô mới tập mặc lần đầu tiên trong đời rồi chậm rãi từng bước nhỏ với đôi dép quai ngang quá rộng cúi đầu đi qua những khung cửa bằng giấy kéo, lần mò ra bếp, hỏi thăm xem trong quán trọ có cái gì ăn.

Trời ngoài hình như không mưa không nắng. Không thấy gì hơn, qua khung cửa sổ nhỏ là bóng một cây tùng thấp tỏa tàn xanh kín xuống khoảng sân gạch loáng thoáng rêu, một vài tảng đà tím ngồn ngang quanh gốc cây, mấy đôi dép bằng cao su màu hồng trên lối ra vào còn ướt sũng nước mưa ngày nào khác. Không gian thanh tĩnh vắng lặng như trong một thế

giới điếc. Và mãi mãi không bao giờ nằng lên hay một thứ âm thanh nào vọng về khung trời dịu hiu nhỏ hẹp này.

Vừa nhô đầu ra khỏi khung cửa ngoài, tôi nhận ra có tiếng sột soạt bên kia vách giấy. Rồi thì một người đàn bà nhỏ nhắn mặc ki-mônô màu tím in hoa trắng thoăn thoắt bước nhanh qua dãy hành lang hẹp tiến lại phía tôi, cúi đầu chờ đợi. Cô ta nói tiếng Nhật, dịu dàng trong lúc còn che giấu khuôn mặt mình với cánh quạt trắng trên tay.

– Xin mời ông đi tắm, xong em sẽ pha trà buổi chiều cho ông.

– Tắm à, tôi đang đói.

– Phải tắm đã, rồi uống trà, xong mới đến việc ăn chứ.

– À, phòng tắm chỗ nào, trời lạnh, tôi sợ nước.

– Nước nóng mà, phòng tắm trên lầu, mời ông đi lên cầu thang gỗ, rẽ tay trái, sẽ trông thấy phòng tắm.

Nàng nói thêm trước khi quay đi.

– Có tất cả khăn áo và xà phòng trên ấy rồi, không phải mang theo gì.

Rồi nàng biến mất sau cánh cửa đi ra lúc nãy, tôi không kịp trông thấy mặt mũi. Nhưng nàng đi khuất rồi, tôi mới cảm có điều gì lạ lạ. Hình như giọng nói và dáng

dấp này thật quen. Nhưng từ sân bay về, tôi chưa nhìn thấy riêng một cô gái Nhật nào cả. Tôi bỗng nhớ lại cô gái nhìn thấy khi ghi giấy thông hành. Hình như không phải, nhưng có cái gì liên hệ giữa hai người. Càng lúc, tôi càng cảm thấy hình như hai người là một. Nhưng rồi tôi cười tôi, không tin. Hình như những thứ đình vút trong óc tôi đã long ra rơi xuống từ khi lạc vào vòm

(thiếu 2 trang)

Nhật, nếu không có cặp môi gọn đầy và cặp mắt trong sáng không ai nhận ra cô ta chính là người ở sân bay.

Tôi hỏi vì sao cô ta lại ở đây, vì sao lại có thể gặp nhau lại lạ lùng như vậy. Cô ta tươi cười.

– Tôi ở đây, vì tôi ở đây. Thật ra thì tôi ở khắp cùng cả.

– Nhưng cô liên hệ thế nào với chủ quán chứ.

– Tôi là con gái ông bà chủ quán.

– Hôm trước, trông cô không phải là người Nhật, hình như cô người Mỹ mà.

– Thì hôm ấy tôi là người khác.

– Tôi không hiểu gì cả.

– Hiểu thì có để làm gì đâu. Bây giờ tôi có bên cạnh là được rồi, tôi nghĩ điều đó cũng cần thiết và làm vui cho ông chứ.

Rồi nàng không nói gì thêm nữa về điều tôi đang thắc mắc, thông thả bẻ từng miếng bánh, ân cần đút cho tôi ăn.

Những tấm nệm đã được thay khác màu khi tôi nằm ngủ.

– Chắc là ông không thích mùi ẩm và lạnh như buổi trưa. Tôi lấy tấm nệm của tôi đắp cho ông đó.

– Sao cô lại bận tâm về tôi như vậy.

– Chỉ là một trao đổi, đáp lễ, vì là chính ông bận tâm về tôi. Dù bận tâm không hẳn là một bày tỏ hay triệu chứng của cảm tình.

– Tối cô sẽ dùng tấm nệm khác trong phòng cô?

Cô gái thản nhiên chỉ tay vào chỗ nằm của tôi.

– Thì tấm này.

– Cô lấy lại.

– Không, để đấy.

– Nghĩa là... cô sẽ giành chỗ của tôi.

– Giành làm gì, cả một tấm nệm lớn thế kia, hai người không nằm đủ sao.

Nỗi kinh ngạc làm câm tôi một lúc.

Tôi ăn hết những cái bánh trên đĩa từ bao giờ không biết. Cô ta nâng chén trà lên môi tôi.

– Ông uống đi, rồi ta đi dạo một vòng quanh vùng, và ăn cơm.

– Tôi không muốn đi ra ngoài nữa.

– Ông đói mà.

– Tôi muốn ăn ở đây, với cô.

– Cũng được, để tôi ra dặn bà bếp làm phần cơm cho ông.

Nàng ra ngoài, một lúc lâu trở lại, kéo tay tôi đứng lên và bảo cơm đã dọn xong, nhưng không được

phép ăn trong phòng riêng, phải qua bên phòng ăn.

Phòng ăn nhỏ hẹp, với một chiếc bàn dài và mỗi bên một hàng ghế. Trước mỗi chỗ ngồi là chiếc khay nhỏ bên trên một sắp chén, đĩa, các đĩa dưa nhỏ màu đỏ và xanh, một tô xanh đầy nắp, một bát sâu đầy cơm trắng, với các món ăn gì lạ lùng trong những đĩa khác hình vuông chồng chất lên nhau.

Mấy người đàn ông đã ngồi sẵn đây, đang giở phần cơm của mình, yên lặng ăn, không nhìn ngó đến người xung quanh.

Cô gái ra dẫu cho tôi ăn, rồi yên lặng cúi xuống phần cơm của mình, cho đến khi bữa ăn chấm dứt. Cô ta ăn nhanh cũng như đi và

đến. Thoăn thoắt. Chỉ một nhoáng là không còn thấy một mẫu thức ăn nào trong khay. Những người khác cũng vậy. Tôi chưa xong chén cơm, những người khác đã làm sạch chén bát, úp ngược xuống mặt khay, đứng lên ra khỏi phòng.

Trời bỗng lạnh hắt khi chiều xuống. Ngọn đèn sáng lên giữa phòng, màu trắng lênh đênh nhợt nhạt ma quái phủ xuống im lặng kỳ dị làm rợn chân tóc và làn da.

Tôi nói cô gái làm thế nào kiếm cho một bình sa-kê nóng. Cô ta bảo còn sớm, cứ về phòng, chốc nữa sẽ có rượu.

Rồi tôi về phòng một mình sau bữa ăn, còn nàng biến về phía nhà bếp.

Từ đó cho đến tối, tôi vừa muốn đi ra ngoài tìm nàng, hay đi chơi một nơi nào đó, vừa sợ nàng không trở lại nữa nếu tôi không có ý chờ đợi. Những ý nghĩ trái ngược và phức tạp hỗn độn làm người tôi bỗng choáng váng như lên cơn sốt. Tôi nhìn qua chỗ nệm và cảm thấy một nỗi bứt rứt không cùng. Nàng nói như vậy nghĩa là gì, sẽ tới đó, đắp cái mền đã cho tôi mượn. Không đủ chỗ cho hai người sao. Nàng nói nghiêm chỉnh, chân thực, không có vẻ gì tỏ ra bừa bãi, lảng lơ, như bạn trai bạn sẽ tới với nhau, hai chị em, hay người mẹ sẽ đến nằm ngủ với con mình.

Cho đến tám giờ tối cánh cửa phòng mới xịch kéo sang một bên. Người bước vào không phải nàng,

mà một bà già. Bà ta yên lặng để bình rượu sa-kê bằng thủy tinh xuống mặt bàn với cái chén nhỏ, rồi lặng lẽ quay ra như người câm, như bóng ma.

Rượu sa-kê không khác gì rượu nếp bách nhật ở nhà bà cụ tôi vẫn cất để dành cho khách quý uống, nhưng phảng phất màu tím nhạt của hoa bèo, và vị dịu ngọt hơn. Nhấp ngụm đầu tiên, rượu có một vị gì vô duyên, nhạt nhẽo, và không gợi một cảm giác gì khác lạ. Nhưng đến hớp thứ hai thứ ba rồi những hớp sau đó cho tới khi cạn chén, càng lúc hơi men dịu nồng càng đượm khắp thần trí và thân thể cảm giác bàng hoàng, chơi vơi, mơn man đầm ấm vỗ về ấp ủ lạ lùng. Như hương vị của một nụ hôn tình

đầu. Nhẹ nhàng, nhạt nhẽo, ngỗ ngàng, nhưng rồi quẩn quít, đắm thắm mê say những phút giây tiếp nối sau đó cho đến khi ngây ngất mê chìm quên lãng chính mình và xung quanh.

Hết hơn nửa bình thì tôi cảm thấy choáng váng và nôn nao trong người. Hàng chai whisky chưa thấm, hàng loạt thứ bia không say, chưa một thứ rượu nào vật ngã được tôi ngay cả những lúc uống nhiều thứ, và mỗi thứ thật nhiều một lúc. Vậy mà cây rượu lại choáng váng vì nửa bình sa-kê thì thật tôi không được sa-kê là cái quái gì.

Còn lại nửa bình, tôi nốc cạn một hơi theo cơn ghiền tâm vị

nòng nào đầu môi, rồi lao đao nằm xuống nệm, người chìm dần xuống dưới một loạt sóng nhấp nhô, hai mắt không thấy gì, hai tai không còn nghe gì. Và tôi tan loãng dần theo cơn mê lênh đênh.

*

Hình như lúc đó vào khoảng quá nửa đêm, tôi bỗng thức dậy, tỉnh táo sáng suốt đến nỗi nhận ra tiếng mưa nhỏ giọt trên những tàn lá ngoài vườn, và tiếng sột soạt của một con chuột nào gặm quanh những bức vách giấy. Cơn lạnh ngấm dần vào thân thể cùng lúc với những cảm giác vằng vắt nặng nề của hơi rượu tan đi, như nước lút rút khỏi bờ. Tôi đưa tay kéo tấm

mền lên che ngực. Tấm mền nặng như vương chặt xuống nệm, tôi cố giật mạnh tay. Vẫn không nhếch nổi tấm mền qua phía mình. Cái gì đang chặn lấy một góc mền, nặng trĩu.

Cùng lúc, trong bóng tối lơ mờ của ngọn đèn chong nhọt nhạt xanh xao từ góc nhà chiếu xuống, tôi thấy rõ bên cạnh mình tấm mền gò cao, bất động. Rồi thì một thứ hơi ẩm hâm hấp dịu dàng phả vào sườn tôi. Tôi ngồi nhếch người lên, giở bung tấm mền ra. Hai chéo áo kimono màu phỉ thúy chẻ sang hai bên, để lộ làn da nõn nà của cặp đùi thon dài gác chéo lên trên tấm gối mỏng, mớ tóc dài — mái tóc này hôm qua ngắn, buổi chiều ngắn, gần sát đầu, mà bây giờ lại

dài, thật dài, xõa mênh mông như vàng rêu đen trên chiếc gối cao, khuôn mặt ngửa lơ mờ trắng như búp hoa trong vườn tối, cô gái nằm ngủ, không biết từ bao giờ, với một bàn tay trên ngực phập phồng như e dè gìn giữ, ngay bên cạnh tôi.

Kinh ngạc và sợ hãi làm tê liệt hết những nao nức hồn nhiên của đàn ông trong trường hợp kỳ dị như thế, tôi ngồi yên nhìn nàng ngủ một lúc lâu. Cho đến khi nàng ú ớ, cựa mình và mỉm cười với mộng, tôi rà tay lên vai, khẽ lay gọi. Nàng lại mỉm cười và quay đầu sang phía khác. Một lúc lâu nữa, rồi nàng trở mình, cánh tay nhếch ra khỏi mảnh áo rộng, quấn lên người tôi. Tôi liếc xuống phía nàng. Dải đai áo lỏng lẻo quanh lưng. Màu xanh của

áo làm rợn ngợp làn da trắng. Hơi thở nhẹ nhàng rung động má môi. Như trong cơn mê, tôi nhẹ nhàng nằm xuống. Không có một thoáng sa-kê nào nữa cả, nhưng bây giờ tôi đang cảm thấy đúng những hương vị lạ lùng của lần đầu nhấp thứ rượu kia.

Phản ứng của một người khác, có lẽ hoặc liều lĩnh, bừa bãi, theo cơn điên, hoặc hoảng hốt, trốn tránh. Tôi không cả hai cách đó. Tôi vẫn muốn có một đối đãi sòng phẳng, một thỏa thuận tự nhiên. Cho nên gỡ tay nàng ra, kéo lại hai chéo áo, tôi gọi đánh thức nàng dậy.

Như con búp bê máy, nàng mở mắt, như chưa hề ngủ từ tối, nói cười thản nhiên:

– Đêm mưa, nằm hai người; ngủ ngon quá.

– Cô đã ngủ ngon thực à.

– Sao lại không.

– Tôi tưởng cô chỉ vờ ngủ.

– Sao lại vờ ngủ, ngủ thật mà.

– Thế những hôm khác thì sao.

– Những hôm khác à, chỉ ngủ một mình, từ lâu lắm rồi chỉ ngủ một mình. Tôi ghét ngủ một mình lắm.

– Tại sao lại từ lâu, vậy ra trước kia có không ngủ một mình, với ai.

– Sao ông tò mò thế.

– À, trước kia... còn bây giờ chồng cô đã chết, hay đi đâu xa.

– Ông nói gì vậy, chồng nào, tôi ấy à, tôi có chồng à. Không đâu. Chồng là cái gì gì tôi chưa biết đến đâu.

– Vậy chớ cô nói ngủ với...

– Người anh em.

– Người anh em là sao.

– Chúng tôi được đẻ sinh đôi, không ai chịu hơn ai cả, và vì vậy tôi làm chị cũng được, em cũng được, người kia là anh cũng được mà em cũng được.

Tôi ngăn người, và chỉ muốn thỏa tò mò.

– Vậy ra là cô...

Không đoán được những ý nghĩ

tối tăm của tôi, cô ta nói thật hồn nhiên:

– Vì sinh đôi, nên chúng tôi mỗi đứa như chỉ là phân nửa. Không thể xa cách hay thiếu nhau được bất cứ lúc nào, người này làm gì người kia làm đó, người này ở đâu người kia ở đó, vì tất nhiên là từ nhỏ cho đến lớn, mặc dù mẹ cấm, chúng tôi vẫn nằm ngủ bên cạnh nhau, ông hiểu chứ, nằm ngủ bên cạnh nhau, như tôi vừa nằm bên cạnh ông đó... ông hiểu rồi chứ.

– Rồi sau đó, sao nữa.

– Đến khi tôi lớn lên thì mẹ không cho chơi với nhau, ăn ngủ với nhau chung chung như thế nữa. Chúng tôi không chịu, làm đủ cách để chống lại ý muốn của mẹ.

Cuối cùng thì mẹ tôi bắt người anh em đi xa, gả cho một cô gái khác, thật đẹp. Cô ta thương người anh em của tôi vô cùng, hai người thật đẹp đôi, nhưng mà... anh em tôi buồn rầu, gầy mòn, rồi đau nặng, và chết. Vì... như tôi đã nói, chúng tôi là một, tách rời nhau ra, người chỉ là phân nửa thôi, sống làm thế nào được.

– Thế cô, sao cô lại sống được cho đến bây giờ.

– Người anh em chết, cô vợ đi tìm tôi. Cô ta nói sẽ ở với tôi thế chỗ của người anh em đã mất, cô ta nghĩ là vì cô ta mà người anh em tôi chết, nên muốn tìm cách đền bù cho tôi. Và chúng tôi thử sống với nhau. Nhưng không được, cô ta là

một người chứ không phải phân nửa người mà tôi thiếu. Với cô ta, tôi khỗ sở, ray rứt, và mọi thứ từ cô ta chỉ gợi nhớ thêm người anh em của tôi. Nhưng mà cô ta thì không chịu tách rời tôi, ông biết vì sao, vì cô ta tìm thấy nơi tôi phân nửa của người anh em tôi, hay tôi chính là người anh em tôi đã chung sống với cô ấy một thời mà bây giờ không còn nữa. Tôi xua đuổi, cô ta đau khổ, và làm mọi cách để bám víu lấy tôi. Tôi bực mình, và trở nên tàn nhẫn, hành hạ cô ta đủ thứ. Cô ta chịu hết, để được ở bên cạnh tôi, nhìn thấy tôi... Cô ta nói, tôi chính là người anh em tôi đã chết, vậy không lý gì người ấy lại xua đuổi cô ta vì hai người đã cưới nhau và sống với nhau rồi, dù rằng với tôi bây giờ, cô ta không được

hưởng những điều đã được hưởng từ người anh em tôi.

Cô gái ngồi dậy, cười khúc khích, đòi uống nước. Tôi bung bình trà nguội kê lên môi cho cô ta uống, rồi thì quệt miệng với cánh tay áo, cô ta nằm xuống lại như cũ, gối đầu lên cánh tay, nhìn trần nhà, hai mắt như nhìn lại từng dáng nét xa vời đã mất.

Tôi nhắc lại câu hỏi:

- Thế tại sao cô lại còn sống được, khi người anh em đã chết đi.
- Tôi ấy à, tôi có sống đâu.
- Cô nói vậy là thế nào.
- Nghĩa là tôi...
- Cô chết rồi à.

– Không chết, không sống.

– Vậy cô là thế nào với cô gái tôi gặp ở phi trường lúc mới đến, hai người là một giống hệt nhau, nhưng tôi lại thấy không liên hệ gì với nhau. Khó hiểu quá.

– Thì cũng là tôi đấy mà.

– Cô ở Mỹ, ở Nhật, ở Nha Trang, đâu cũng có cô trong cùng một thời gian, như vậy là sao.

– Thì vì tôi có khắp và ở khắp cả.

– Nhưng cô không phải là người Nhật, sao lại là con của ông bà chủ quán đây được.

– Điều ấy không quan hệ gì cả. Máy giờ rồi, hình như gần sáng,

tiếc quá, trời mau sáng,

– Tại sao lại tiếc.

– Tôi phải đi công việc tôi.

– Ở đâu.

– Trong hội chợ, ông có vào hội chợ không.

– Nếu cô ở đó thì tôi tới.

Nàng nằm xuống chỗ cũ, kéo tôi nằm xuống theo.

– Nằm thêm một chốc nữa, đã lâu lắm tôi không được cảm thấy dễ chịu như thế này.

Dễ chịu. Tôi thì bắt đầu khó chịu. Nàng nằm xuống, một chân duỗi một chân cong, hai cánh áo kimono lại tách về hai phía. Hai

mắt nhắm, làn mi lay động nhẹ, đôi môi cười mím mím, mơ màng một kỷ niệm nào. Bàn tay nàng chạm nhẹ lòng bàn tay tôi. Tôi giữ bàn tay nóng ấm đó trong tay mình và kéo hẳn cánh tay nàng, rồi bờ vai thon về phía tôi.

Nhưng bằng xoay người, nhích xa tôi, và nói nhỏ nhẹ.

– Đừng làm như thế.

– Tôi có phải là người anh em của cô đâu, tôi là người lạ, người đàn ông, đàn ông ở mức độ bình thường và tầm thường của nó thôi.

Nàng ngóc đầu lên, vén những sợi tóc lòa xòa trên mặt, khép kín hai cánh áo, co hai chân lại, rồi, nằm cong như con tôm có hình thật

nhỏ và chặt lại trong mắt tôi, nàng nhìn tới đăm đăm một lúc lâu, rồi thì hai hàng nước mắt ứa ra, chảy ràn rụa xuống má.

Tôi lau nước mắt nàng, im lặng.

– Ông không phải là người anh em tôi, không phải. Không còn người anh em tôi, không còn phân nửa của tôi đâu, vậy mà lúc nhìn thấy ông ở phi trường, tôi đã tưởng sẽ gặp và có lại người anh em tôi. Không bao giờ nữa.

Tôi tìm cách giải khuây cho nàng bằng những câu văn vơ.

– Vậy rồi, người vợ của người anh em cô đâu.

– Cô ta ấy à, bỏ đi, đi đâu tôi không biết, không nghe tin tức.

Thỉnh thoảng tôi cũng chột nhớ nó, nó thật mềm mại, dịu dàng, ấm áp khi nằm bên cạnh tôi.

Giọng nói nàng dịu dàng bình thản, nhưng lòng tôi lại vang dội những ám ảnh đục mờ khác.

– Cô cũng nằm bên cạnh người vợ kia à.

– Thỉnh thoảng.

– Sao không để cô ta ở với.

– Mẹ tôi nói không thể được, và đến một lúc nào đó tôi phải lấy chồng...

– Phải rồi, cô lấy chồng thì hết những ám ảnh buồn rầu kia đi.

– Có điều với ai tôi cũng tưởng nhớ người anh em tôi, và như thế

thì chắc chắn tôi sẽ không bao giờ có hạnh phúc với một người nào cả. Phải chi người anh em tôi sống lại, tôi chỉ cần nhìn thấy nửa kia của tôi thôi, ngoài ra, những vấn đề khác tôi không cần gì đâu.

(thiếu 2 trang 56, 57)

đến lấy về, yêu cầu chúng tôi
đừng mở lấy mền trong đó, nhất là
cái mền tím.

Tôi níu lấy cườm tay của bà ta.

– Bà với tôi ra xem.

– Khóa mà.

– Thì cứ xem thử.

Quanh co hết trại mộc, ra khỏi
vườn cây nhỏ một lúc mới thấy nhà
kho nhỏ bé ở góc vườn. Cái khóa
như mục rỉ lâu ngày, rơi xuống đất.
Cánh cửa khép hờ, bà ta kéo tôi vào
trong, mở cánh cửa tủ lớn. Mùi ẩm
mốc nồng nặc xông lên, cùng lúc
với những đóng chặn mền rơi đổ
tứ tung. Bà chủ quán lần tay vào

đồng vải, kêu lên hoảng hốt:

– Không có cái mền tím đây thật mà.

Tôi nổi da gà khắp mình.

– Cái mền tím còn trong phòng tôi. Bà vào lấy cất lại cho người ta.

*

Máy bay hạ cánh xuống phi trường quen thuộc cũ, chấm dứt một cơn mơ dài hoang mang suốt chuyến đi với nhiều chuyện bất ngờ dồn dập.

Xe hăng ra đón tận phi trường. Người đi đón là cô gái làm việc tại trụ sở hăng. Tôi lạnh người khi cô ta nguẩy mái tóc trông lên tươi

cười chào khách. Đúng là cô ta. Con mắt, đôi môi, sống mũi, má lúm đồng tiền, tất cả đúng là cô ta, trừ mái tóc lần đầu trông thấy ngắn, đêm nào dài, và bây giờ lại ngắn ngang vai, lúng lẫm.

– Cô, cô, là...

– Xin lỗi, ông sao vậy.

– Cô về từ lúc nào.

– Tôi không hiểu ông hỏi gì.

– Hôm qua cô ở trong nhà quán, bây giờ lại ở hãng máy bay.

Cô ta cười, thản nhiên, lạnh lẽo, như hắt hủi những lời vấn vơ vô nghĩa của tôi. Nhưng đúng là cô ta, không thể lầm lẫn. Tôi tiếp tục cơn mơ của tôi.

– Cái mền tím, tôi đã giao cho bà chủ trọ, bà ta cất lại trong kho của người nhà cô.

Cô gái nhú mày, cặp mắt trong liếc xéo băng khuâng.

– Cái mền tím à, làm sao ông lại biết tôi có cái mền tím, nhưng ông nói gì thế, đêm qua tôi cũng đang còn đắp cái mền tím của tôi, có cất vào đâu đâu.

Tôi hỏi ngang:

– Cô mua cái mền ở đâu.

– Một dạo qua Nhật, tôi mua, cái mền thật đẹp nhưng sao ông lại biết.

Tôi nói như điên.

– Tôi thấy cô đắp cái mền màu tím đêm kia.

Cô ta đưa tay che môi, để giấu cái miệng há hốc.

– Phải rồi, chính là đêm kia trời mưa lớn và Sài Gòn bỗng nhiên lạnh ngắt lúc gần sáng, tôi đã phải lôi mền ra đắp. Trời ơi, vậy mà ông thấy tôi à, tôi... hôm kia... tôi lại mặc kimônô...

Tôi nói luôn:

– Cái kimônô màu phỉ thúy.

– Trời ơi!

Cô ta kêu lên trong lúc người tài xế mở máy và xe chạy từ từ ra khỏi phi trường.

– Bây giờ là đến giờ nghỉ của tôi, ngang ngã tư Công Lý, ông xuống với tôi, tôi phải đưa ông về chỗ tôi, và ông phải nói rõ cho tôi biết, vì sao đêm kia ông có thể trông thấy tôi...

Đến ngã tư, bảo xe chậm lại, rồi cô ta ra dấu cho tôi xuống. Chúng tôi đón một chiếc taxi. Xe chạy. Tôi ngồi bên cạnh cô ta, nghĩ ngợi mông lung mãi cho đến khi xe dừng trước một cửa tiệm lớn, bán tơ lụa lộng lẫy, hình như ở đường Tự Do hay Lê Lợi, hay gì gì tôi không chú ý. Cửa hàng chia làm hai, một bên hàng vải tơ lụa, một bên là tiệm may y phục phụ nữ.

Cô ta ra dấu cho tôi theo vào. Không gặp một ai ngoài những con búp bê nhựa làm người mẫu để mặc

áo. Chúng tôi lên lầu. Tầng trên là những tủ kính lớn trưng bày đủ các thứ hàng vải lông lấy, đắt tiền, quần quanh mình yêu điệu xinh đẹp của các con người mẫu bằng nhựa và sáp.

– Tôi chưa thấy cửa hàng này bao giờ.

Cô ta đứng dừng lại giữa đám người mẫu bằng nhựa.

– Bây giờ thì ông kể đi, vì sao ông vào được trong phòng tôi đêm kia, để thấy tôi mặc kimono màu phỉ thúy và đắp cái mền Nhật Bản màu tím.

Tôi nhìn chăm chú đôi mắt cô gái. Một vẻ rạng rỡ trong suốt, một cách thiên thần và ngây thơ lẫn với giọng nói dịu dàng trong vắt.

Đôi môi và cặp má lúm đồng tiền như nhếch lên phía tôi. Bỗng dưng tôi cảm thấy thèm nhớ nụ hôn dịu dàng của cô gái lúc gần sáng, với vàng tóc dài quấn quanh ngấn cổ nõn nà. Cặp môi này đây. Đôi mắt này đây. Và hai con người trong suốt dịu dàng hư ảo này đây. Đúng là cô ta, không sai một mảy may, không thể lầm lẫn.

Tôi nhếch lại gần cô gái thêm một bước, hai tay vòng xuống lưng, ghé môi lên đôi môi, thoa son màu hồng non hé mở ân cần. Cô gái im lìm không phản ứng. Tôi siết chặt mãi thân thể ấm áp và nhỏ nhắn kia trong vòng tay cho đến khi cảm thấy như cô ta sững sờ, bất động và cứng người lại. Vòng tay lỏng ra. Cùng lúc với hai mắt mở lớn,

trái tim ngừng đập, chân bủn rủn, tôi nhìn lại người con gái đang ôm trong tay. Không phải là người con gái. Không phải là cô ta. Không có ai quanh tôi hết, không có ai trong tay tôi hết. Chỉ là người mẫu bằng nhựa, vô tri giác giữa những người mẫu bằng nhựa khác. Duy chỉ có, trong đôi mắt màu xanh nhạt mơ mòng của người mẫu bằng nhựa tôi vừa ôm trong tay, hai con người linh động, trong suốt nhìn tôi đắm đắm, nhìn và hiểu thấu những u uẩn trong tâm can tôi từ giây phút đầu tiên gặp nàng ở sân bay Osaka cho đến bây giờ thì mọi điều đã tan rã rụng rời.

Nguyễn Thị Hoàng

Thơ

Nguyễn Phan Thịnh *
Hạc Thành Hoa

Về cõi mây xa

*Khóc đi em nỗi sầu đã chín
đời xanh xao thiếu máu làm
người
mơ ước ta trôi như dòng sông
dẫu quanh co cũng về biển ngậm
ngùi*

Khóc đi em tình hong nắng lửa
hương yêu đương thoảng giữa
chiêm bao
lệ dẫu đầm vai anh chai đá
cũng khó quên kiếp lạ phương
nào

Khóc đi em, khóc đi em bé nhỏ
dưới trăng sao run rẩy đáng
yêu hoa
ôm siết lấy kéo đời bay mất hút
giết nhau đi cho sống đủ sau
xưa

*Khóc đi em ngày đã muộn màng
rồi*

*trên bãi hoang cửa huyết đã mời
chôn tình ta một thời huy hoắc
và một thời tan nát thương đau*

*Khóc đi em người phụ tình ơi
trong trái xanh mầm sâu đã nhú
khóc đi em yêu của anh ơi
trong thơ ngây hương trinh đã
úa*

*Khóc hỡi em cho tim thay máu
cho đời dài thu lại thoáng qua*

*cho bội bạc phũ phàng mặt nạ
cho cuộc tình về cõi mây xa...*

Dục Mỹ 4-71

Nguyễn Phan Thịnh

Trong khoảng trời tháng sáu

Riêng tặng một người tên Ngọc

Đôi mắt nào như men rượu nồng

Ta say trời đất cũng say chung

Ví bằng có được lưng hồ rượu

Cũng uống cho say chết một lần

Bàn tay nào vẫy buổi sớm mai

*Sương tan trong điệu múa hoa
lài*

*Trông con chim nhỏ hồn rét
mướt*

Năm ngón nhìn nhau khẽ mỉm
cười

Nụ cười nào như bông hồng
trắng

Lung linh trong nắng mới trao
duyên

Mưa tự trời cao mưa rơi xuống

Lòng khẽ run, hồn lả cánh đen

Tiếng hát nào như nước suối
trong

Nghe như gió thoảng tiếng
dương cầm...

Khoanh tay trước ngực trông
trời rét

*Ngập ngừng khói thuốc tỏa
mênh mông*

*Đôi gót chân nào xinh rất xinh
Vui như chim hót buổi bình minh
Em đi từng bước trong hồn nhỏ
Mười ngón sương hồng ôi mong
manh*

*Tháng sáu bầu trời như yếu lắm
Mây xám bay ngang mấy nóc
nhà*

*Trời bệnh nên thường mưa gió
mãi*

Tôi cảm nặng từ mấy bữa qua...

Áo tím từ đâu theo gió đến

*Cho mưa nghiêng từng hạt
mùng toi*

*Thu đi bước nhỏ trên đường
vắng*

Xin đừng nhuộm tím cả hồn tôi.

17-6-1971

Hạc Thành Hoa

Vũ Hạnh

Trong xóm

ọc theo đường sắt, chạy xuyên qua hẻm đất đỏ, lố nhố những người ngồi từng cụm nhỏ rải rác, điểm vết đen trắng mờ nhòa trên cái phong tối đậm màu. Đó là những cặp nhân tình đang ngồi tâm sự tỉ tê và mỗi si mê khiến họ không còn nghe thấy các mùi phân bã hôi hám do những lán giềng tình cờ tháo bỏ. Đường tàu vừa là công viên, vừa là cầu

tiêu công cộng cho nhiều gia đình sống chen chúc trong ngõ hẻm. Hai thanh sắt dọc làm thành một thứ ghế ngồi vững chãi, và tình yêu cùng phóng uế ở đây dựa cây vào nhau để tránh bớt sự tò mò, khi có bóng đêm đồng lõa. Ở ngay vệ đường những đồng rác lớn chất ùn và mùi hôi thối, bùn mục tỏa nồng. Thành phố, sau khi ném đồ dơ dáy ra các mặt đường, có thể đóng cửa phòng lại để thấy mình vẫn sạch sẽ, hoặc thêm son phấn, nước hoa khi cần ra ngoài để thấy mình vẫn thơm tho. Nhưng vi trùng và dòi bọ chắc rằng sẽ được phân phối cùng khắp, trong đó những người nghèo khổ chia giữ lấy phần lớn nhất mà không sợ ai phàn nàn.

Bước qua cái cổng nhỏ hẹp, anh Năm nghe tiếng chuột kêu, tiếng giấy, lá khô sột soạt, tiếng vật gì ném rơi xuống nặng nề ở một khe rãnh dưới xa. Nhiều ngôi nhà nhỏ làm bằng ván thông đủ cỡ đã được dựng lên theo kiểu nhà sàn dọc theo lòng cống. Suốt năm một mùi tanh tươi xông lên bọc lấy mấy ngôi nhà ấy như lớp sơn lam chường khí ôm ấp những túp lều tranh của những đồng bào thiếu số sống rải rác trong các miền thung lũng hoang vu. Dầu sao họ vẫn có một ngôi nhà để mà chui rúc, sửa dọn, không phải tốn tiền hàng tháng như vợ chồng anh. Mỗi tháng, chủ nhà, chủ đất lại đem vẻ mặt khó chịu đến nhắc nhở anh đưa tiền, những sự khất bẹn bao giờ cũng rất nặng nề, cũng đòi hỏi phải cố gắng, nhượng bộ.

Bây giờ anh Năm đi vào một cái ngõ hẹp. Điện đường leo lét và xa xôi quá không rọi vào thấu bên trong. Trước mắt chỉ là vùng tối đặc dày anh phải quờ quạng hai tay mà đi như một người mù.

Ngôi nhà bé nhỏ của anh nằm đây, cúi gục mái đầu xuống hai trụ chống như hai cánh tay xương xẩu khẳng khiu, in vệt đen sì lên một mảng trời xám ngoét thỉnh thoảng lóe lên từ xa ánh sáng vàng ngầu của ngọn hỏa châu. Không có ánh đèn. Vợ anh, con anh chắc đã đi tới ăn chực một bữa cơm tối ở nhà người chị.

Anh Năm sờ soạng đưa tay đẩy vào cánh cửa. Tiếng két khô khan, và cửa mở tung, bày ra một vùng

tối tắm dày đặc và sâu thẳm hơn. Anh dọ dẫm bước từng bước, tự nhiên thành kẻ xa lạ với mình. Khi anh chạm phải mặt bàn, anh dừng bước lại, và sức nhớ mình không có hộp quẹt trong người. Anh biết chỗ đặt cây đèn nhưng không chắc rằng còn dầu. Bước thêm vài bước, anh chạm chiếc giường và ngồi phịch xuống gõ cái mũ lát vẫn còn đội sụp trên đầu nhắm vào khoảng tối ném nó lên bàn rồi nằm ngã vật người ra, nghe cái thân thể mỗi một như dần rời thành nhiều mảnh. Đáng lẽ thì anh nên đi tìm vợ tìm con, anh nên thắp đèn, nên nghĩ đến sự ăn uống. Nhưng tìm làm gì trong khi không đủ sức chịu những sự bức dọc, cần nhẩn. Ánh sáng trong tình trạng này cũng không cần thiết. Đồ ăn, thức uống

thì hẩn là sạch nhẩn rồi, ngoại trừ một ít nước lạnh trong cái lu nhỏ cạnh bếp. Anh nằm thiếp đi trong một giấc ngủ mệt mề. Không biết bao lâu thì anh choàng tỉnh dậy, nghe ngứa rât cả mặt mũi, chân tay. Muỗi đã kéo đến cắn dày trên phần thịt da phơi trần của anh khiến anh cào gãi loạn xạ như trút tất cả hờn giận vào mình. Sau đó, thấy tỉnh táo hẩn, anh lại chống tay ngồi lên.

Chung quanh vẫn là khoảng tối đen dày. Có những tiếng khóc rì rỉ ở bên vách nhà bên trái. Tiếng khóc quen thuộc đã mấy năm rồi của người đàn bà hàng xóm hiền lành – chị Xuân. Chồng chị đổ đồng mỗi tuần lại đánh đập chị một lần về những duyên có mà không ai rõ.

Hàng xóm thấy chị là người thùy mị, nết na. Sáng sớm, khi chồng tới sở, thì chị cũng gửi thẳng bé cho bà tư Lân bên cạnh ra đón xe lam đi làm, giữ chân chiêu đãi cho một tiệm nước. Chiều tối vừa về đến nhà chị lại quần quật lo lắng bữa cơm, săn sóc chồng con, không bao giờ nghe gây gổ hoặc nói nặng lời với bất cứ ai. Vậy mà gần như là một thông lệ, hằng tuần chị lại chịu sự đánh đập chửi mắng của chồng, và đối phó lại chị chỉ có lời năn nỉ van xin. Nhiều người cũng đã tò mò theo dõi một cuộc trừng phạt dai dẳng như thế nhưng không biết thật đích xác là lý do gì. Có lần hình như người chồng đánh vợ vì vợ dám hỏi số lương mà anh ta chẳng mang về đồng nào. Gã nói:

– Mày ngu dại lắm! Tao làm một nhọc thì tao lại không có quyền giải trí hay sao? Vợ chi mà có thứ vợ dám hạch hỏi chồng?

Và tiếp theo đó là tiếng “đốp, chát” cùng tiếng kêu khóc.

Lần khác, anh Toàn là người đàn ông lớn tuổi - ba mươi bốn tuổi - duy nhất chưa vợ ở cái xóm này, vừa là người từng theo dõi siêng năng các chuyện vợ chồng xung đột, có cho nhiều người hay rằng “thằng đó đánh vợ vì ghen” – Coi bộ con vợ nó hiền lắm mà! – Nó ghen chuyện xưa. Trước khi đụng gã, con đó đã có tình duyên lỡ dở với một thằng khác.

Bà Tư Hải hỏi:

– Vậy thì cắc có làm sao mà lại đánh con người ta?

Anh Toàn giải thích:

– Tại thằng chả tức. Cười mù này về thằng chả thấy mù không còn là con gái nữa mới nổi đóa lên hỏi phăng cho ra đầu dây múi nhợ! Mù này ban đầu có giấu, nhưng sau thú thiệt.

Bà Tư không nén được sự tức giận:

– Thiệt cái bà liệt xiệt! Cái bộ thằng chả cũng thuộc về loại điểm đàn chó ngon lành gì... Mà sao chú biết?

– Chèn ơi! Nghe rách cả cái lỗ nhĩ mà không biết sao được. Lão mắng: “Mày là đàn bà hư!” Mù ta

khóc nói: “Là tại người ta bỏ em chớ em đâu có lòng nào...” Lão chửi: “Đù má, sao hồi gặp tao mà không khai thiệt?” Mụ đáp: “Là tại em sợ.” “Sợ cái ông nội cha mà! Đồ dĩ rạc! Mà định lừa ông nội mà chớ sợ cái đếch chó ấy. Mà coi bộ tao ngu lắm hay sao, hờ cái con dĩ thập thành?” Mụ ta nói theo năn nỉ: “Thôi em lạy anh, anh đừng nói lớn cho hàng xóm nghe”.

Nhưng hàng xóm đã nghe hết và mỗi lần đánh, lại có một thứ duyên cớ, đến nỗi không ai biết rõ cái duyên cớ chính là gì nữa. Độ nửa năm nay từ khi người chồng mất việc thì sự gã đánh đập vợ có vẻ hăng hái hơn trước. Vợ gã phải làm để nuôi chồng con, còn gã lê la ra ngoài quán cóc nhâm nhi

cà phê, đôi khi mang về một bản tân nhạc nằm hát vang theo một vài cái ra-đi-ô hàng xóm. Một lần anh Toàn thò đầu qua cái hàng rào kẽm gai nhà gã, hỏi mượn một bản nhạc về đọc chơi thì thấy gã đưa bản nhạc “Anh cho em mùa xuân”. Ở đầu trang nhất, gã viết để tặng vợ gã như sau: “Em ôi! đây là mùa xuân anh gửi cho em với tâm sự nồng nàn của đôi lứa yêu nhau tha thiết”. Dưới còn chưa thêm: “Sài-gòn, một ngày đông lạnh” và một chữ ký gồm nhiều nét ép sát rất kéo dài ngoẵng ra giống như chữ ký ở trên tờ bạc Đông Dương độ nào. Anh Toàn nhận xét:

– Sài Gòn nóng thấy mồ to chớ đông với lạnh gì đâu. Thằng chả viết nghe ngon lành vậy đó, mà khi

đánh vợ thì cũng nòng nân bỏ mẹ.
Mấy lúc rày Mỹ rút về nên sa thải
nhiều, thẳng chả thất nghiệp, năm
nhà phê phẩn đánh con mẹ coi mọi
kỹ càng hơn lúc trước nhiều.

Anh Toàn nhận xét có đúng
vài phần. Sự tàn nhẫn của người
chồng xem ra có bề kiêu cách hơn
trước. Mỗi lần như thế gã vẫn bắt
vợ vòng tay, bắt vợ thừa gởi, và khi
kết thúc vẫn bắt hứa hẹn từ đây sẽ
không dám gây một mối bất mãn
nào nữa cho gã. Nhưng có điểm
khác là gã nói dài dòng hơn, và
lớn giọng hơn, tuồng như để cho
hàng xóm biết gã còn đủ uy quyền
trong sự sa sút. Những anh chồng
ăn hiếp vợ ít nhiều cũng có những
mối mặc cảm tự ti gặm nhấm trong
lòng và anh chàng ấy đã tìm thấy

một cái thú của kẻ được làm độc tài, cứ phải nâng cao liều lượng để mà tận hưởng uy quyền thống trị của mình. Hàng xóm không ai ưa nổi một kiểu anh chồng như vậy, các bà dùng đủ thứ tiếng tục tĩu, thô bỉ để thay cho cái tên Xuân đẹp đẽ, mỗi lần phải bàn bạc tới vợ chồng nhà nọ. Cuối cùng thấy thực trạng không thay đổi, họ trút hết sự oán giận lên đầu người vợ quá nhẫn nhục kia. Tiếng khóc của chị bây giờ không ai thương nữa. Bây giờ, theo họ, chị khóc là vì chị đại chứ không phải vì thằng chồng tàn ác. Ghét luôn cả hai vợ chồng, thật là tiện lợi, và ai cũng thích những điều tiện lợi.

Trong cái đêm tối ẩm ướt bốc tỏa đủ mùi tanh tươi từ cái vùng

sình ngâm đọng cả trăm ngàn chất
 phế thải hàng ngày, tiếng khóc ri
 rỉ của người lảng giềng biến thành
 một loại tiếng đế đêm thâu không
 gọi được niềm đau nhức nào khác.
 Trước kia anh Năm lấy làm xúc
 động khi nghe tiếng khóc của người
 đàn bà mà anh nhận thấy hiền lành
 hơn vợ của anh cả trăm ngàn lần.
 Anh cũng có nghĩ, giá chị ta là vợ
 anh thì anh đối xử ngọt ngào biết
 chừng nào. Nhưng bây giờ đây
 tiếng khóc vẳng lên ảm ức, rời rạc,
 chỉ làm cho anh giận dữ âm thầm.
 Anh đang đói khổ nà chúng đang
 còn no đủ. Rõ ràng cái trò chửi
 mắng hàng tuần, cái điệu khóc lóc
 tỉ tê như vậy là của những kẻ no
 com. Người đói còn hơi sức đâu
 mà khóc? Anh bỗng thấy ghét cay
 ghét đắng cái giọng nghêu ngao tân

nhạc của thằng chồng nó. Nó cũng thất nghiệp mà nó hát hò ngẫu xì. Tiếng hát không phải là của người đói, nhất là cái giọng uốn éo rền rĩ như thế phải là của một bọn đã no đủ chán chường. Hơn nữa, những điệu hát ấy nhều ra giữa cái xóm này thật là vô duyên quá sức. Ở đây chỉ có chửi rửa, la mắng hoặc là kêu khóc mà thôi.

Bao nhiêu năm đã qua rồi, cuộc sống ở đây vẫn cứ kéo dài như thế, chưa có thật sự một sự đổi thay nào làm cho sáng sửa những kiếp trầm trệ, u tối như các mái là đêm dày. Tiếng nói nào không có sự ngọt ngào giả dối thì cũng gay gắt, mỉa mai, cũng pha chất đờm giận dữ hoặc thấm nước mắt u buồn yên lành bậc nhất như người hàng xóm

ở bên tay mặt anh đây là ông Ninh Ròm mà sự giao thiệp ở trong gia đình cũng phải nói bằng một thứ ngôn ngữ yêu ma. Ông Ninh chạy xích lô máy, nuôi vợ và gã con trai khá lớn hiện đang học nghề thợ may ngoài chợ Hòa Hưng. Gầy tóp, nhăn nheo, nên có cái biệt hiệu Ròm, ông Ninh là người đàn ông sợ vợ vào loại đặc biệt nhưng gần như không bao giờ vợ ông biết rõ là ông sợ mình. Mỗi ngày, mỗi lúc, muốn sai bảo vợ điều gì mà ông chắc rằng không được vợ mình nghe theo, ông thường lên đồng, giả làm người cha phụ vào thể xác của ông để mà sai bảo cho được chắc chắn. Vừa dừng cái xích lô máy trước hiên, ông đã nhảy vọt vào nhà, hét lên một tiếng rất lớn khiến cho bà vợ đang bận nấu ăn

dưới bếp phải chạy hoảng lên. Ông đảo cái đầu lia lia, trợn trừng đôi mắt trắng dã rồi đầu càng đảo nhẹ hơn thì người của ông cũng sụm lùn xuống nền gạch. Ông liên hồi bắt đầu ợ ngáp liên hồi như một bọm NGHIỆN đến cỡ mà chưa có thuốc. Rồi ông đổi giọng, éo éo nói dài từng tiếng:

– Ninh ơi! Con... ta... nó... đi... đâu... rồi?

Bà vợ hiểu liền là người cha đã hiện về để gọi chồng mình. Bà sụp xuống lạy rồi vòng hai tay thưa liền:

– Dạ... thưa cha, chồng con nó đi xích lô chưa kịp về ạ.

«Người cha» lại eo éo nói:

– Vậy thì nghe ta dạy bảo... Này con!

– Dạ.

– Con kê cái bàn ở ngoài cửa sổ như vậy là lỗi đạo với ta rồi. Kê bàn như vậy là động chạm tới thánh thần phù hộ nhà ta. Phải kê sửa lại, nghe chưa, hả con?

– Dạ, cha để con kê dọn lại lập tức.

– Con cứ kê mẹ nó vào trong góc bên trái, dưới cái bàn thờ của cha cho cha yên lòng. Làm trái ý tao, tao vắn cô hết. Đã nghe ra chưa?

– Dạ, nghe rồi ạ.

– Thôi, nhớ dặn bảo lại thằng chồng của mày cho nó nhớ lấy lời tao. Bớ con! Cha đi...

Thế là cha lại đảo đảo cái đầu ít vòng, ngã lăn ra trên nền gạch và thẳng, Chừng vài phút sau, ông Ninh mở mắt, nhìn ngắm chung quanh với cái dáng điệu tỉnh dậy sau cơn mê sáng, hỏi vợ:

– Cha về rồi à?

– Về rồi.

– Ông có truyền dạy gì không?

– Có. Ông đòi vắn cổ cả nhà.

– Chết cha! Chớ chuyện gì vậy?

Chuyện cái bàn nhỏ hôm trước tôi đem kê gần cửa sổ mà ông không chịu. Thôi, giúp tôi khiêng lại qua bên góc trái cho rồi.

Vậy là cái bàn được kê đúng chỗ mà ông Ninh Ròm mong muốn.

Trong cái căn nhà nhỏ hẹp, mọi sự xô dịch, trang điểm. đều phải có ý kiến cha, dù cha đã chết mấy mươi năm rồi. Mọi sự mua sắm có vẻ rộng rãi một chút về phần ông Ninh, lập tức sẽ có người cha can thiệp. Còn về bà Ninh thì bà có đủ quyền hành trong tay để tự định đoạt mà không cần hỏi ý kiến của bất cứ ai.

Tuy vậy có những quyết định của bà thỉnh thoảng cũng được «cha» ngăn chặn bớt để khỏi có sự vung tay qua trán. Cái lần bà Ninh muốn về sửa lại mộ phần cha mẹ của mình, vừa mới bàn bạc công chuyện với bà láng giềng thì «cha» hiện về lập tức. Ông hỏi con dâu:

– Tao biết ý định mày rồi. Mày

muốn làm tròn đạo hiếu là điều chí phải.

Bà Ninh sụp xuống lạy thưa:

– Thưa cha, mồ mả của ba má con hư nát nhiều rồi, con muốn tu bổ.

Ông Ninh hét lên:

– Bao nhiêu? Mà muốn bao nhiêu?

Rồi ông chìa bàn tay ra đủ cả năm ngón, hỏi liền:

– Bấy nhiêu được không?

Bà Ninh xòe đủ hai tay, trả lời:

– Dạ xin cha chịu mười ngàn.

Cha hét:

– Nhiều quá. Tao biết ý của ảnh chỉ lắm mà. Làm cho sum sê ảnh chỉ không bằng lòng đâu.

– Dạ thôi xin cha bảy ngàn.

Cha nhăn rúm lại:

– Sáu ngàn mà thôi. Nghe lời tao dạy không thì tao đốt nhà liền.

Bà Ninh lại lạy:

– Dạ thì sáu ngàn cũng được.

Cha tỏ ra ý hài lòng:

– Để tao phán bảo cho thằng chồng mày cố gắng kiếm đủ số tiền.

Cứ thế, vợ chồng của họ nếu không nói chuyện với nhau theo lối chửi rửa thô tục như những bà con chòm xóm thì phải mượn cái giọng

điều quái quỷ của những hồn ma đội mồ mà lên.

Sự im lặng của gia đình ấy vào giờ này cũng làm anh Năm phiền bức. Một sự yên ổn no đủ ở ngay sát vách khiến cho tình trạng của anh thêm nổi thảm thương. Tự nhiên anh tưởng như chỉ có mình là đang trơ trọi, đói xót ruột gan, trong khi chung quanh ai cũng no ấm, no lành. Nhưng ông Sáu Mạnh, nhưng chị Tư Khuê, vợ chồng anh Châu, rồi còn bà Bảy và bao nhiêu người khác nữa đang đói hoặc đang chờ đói ở đây. Không, anh Năm không cô độc trong sự nghèo khổ của cái xóm này. Với giá sinh hoạt cao vọt hằng ngày, việc làm trở nên khó kiếm, đồng tiền càng thấy vắng vẻ,

anh Năm không thiếu những người đồng cảnh, đồng tình.

Bóng tối thừa thãi ở đây trở nên u uất, nặng nề, mỗi phút trôi qua anh Năm tưởng như mình chìm lút sâu thêm vào trong bãi sinh của đêm dày. Anh nhướn mắt nhìn qua một khung cửa sổ nhỏ và thấy vùng trời ngoài xa sáng ửng hần lên. Đó là phố phường tấp nập của đô thành này, phố phường cách anh chỉ mấy con đường mà như là một thế giới khác biệt. Ở đó sức điện có thừa phung phí để soi suốt đêm vào các cầu tiêu và thừa sức nước để tưới đầm dề xuống các bồn cỏ vô tri. Ở đây, điện vẫn là một mơ ước, một thứ trang sức mà không phải ai cũng sắm dễ dàng. Mọi đêm, ngồi đây ngó qua chạc cây

khế ở trước sân bà Bảy, anh vẫn thấy được màu sáng của điện nhà ông Cai Thử chuyển sang từ cái nhà ga hàng hóa Hòa Hưng bé nhỏ như một cầu tiêu công cộng ở các phố chợ đông đúc. Trước kia, khi còn làm việc tại hãng thuốc lá anh đã có lần thương lượng bắc điện ở một nhà sát cạnh sông chuyển dây sang từ khu chợ Vườn Xoài bên Trương Minh Giảng. Những người giàu có sống dọc đại lộ hoặc trong các khu vực chính đô thành thắp điện với giá hai đồng một ký-lô-hoạch thì anh phải thắp với giá trung bình là mười bảy đồng mặc dầu giá cả thương lượng từ đầu là mười hai, bởi vì còn phải tính thêm số điện hao hụt so với đồng hồ nhà chủ. Đó là chưa kể cái khoản chi phí trồng trụ, giăng dây,

mua sắm đồng hồ và xuyệt-vôn-tơ. Anh phải hốt một bát hụi để mang về cho gia đình một cái ánh sáng mát dịu mua bằng giá cả đầu cơ qua nhiều trạm chuyen. Vậy mà không phải bao giờ anh cũng có đủ ánh sáng như thế. Một tuần, mười ngày, điện anh bị cúp ngang xương trong một đôi hôm, và sáng hôm sau thế nào người chủ cũng lò mò đến tìm cách mượn tiền. Anh đã nhượng bộ đôi lần và cuối cùng đành bỏ hẳn món xa xỉ được thắp điện để khỏi bị nhiều quấy rầy.

Bất giác anh ngược nhìn lên khoảng tối ở trên đầu mình. Ở đấy những cái dây điện vẫn còn song song chạy dài theo cây kèo gỗ và từ lâu lắm chỉ là một món kỷ niệm của những ngày còn no đủ. Cặp

mắt anh lại mệt mỏi nhìn xuống, riu riu khép hờ vào nhau. Tiếng chuột rúc rích, và ở đâu đó trên người có sự ngứa rất khó chịu như nhiều mũi kim châm vào da thịt. Anh Năm bỗng ngã chúi xuống và lăn người ra, mê thiếp như kẻ bất tỉnh.

Vũ Hạnh

(Bà con lối xóm)

VĂN số 184
Tuyển truyện
Hung-gia-lợi

Bửu Ý

Người con gái

*vì em là con gái
mang một cái (rất lạ)*

ở trong người

BÙI GIÁNG

 iữa cuộc sinh hóa triền
miên, tôi xin giữ lấy cho
tôi một hai chớp ảnh, hơi hám heo
may đã có lần đẩy đưa gót chân
hồng vào đời tôi đủ để làm thành
định mệnh một người.

Nhân một buổi đi chơi núi, tôi gặp một người con gái mắt to đen lấp ló sau bãi tranh xanh hoa trắng. Tôi vồ vập biên thư cho người bạn: “Nàng cầm trên tay một Khung Cửa Hẹp. Không ngờ Alissa viễn du đến tận góc hoang vu Đông phương này.” Rồi thôi, cuộc sống đều đặn kéo tôi về nơi huyên náo. Nhưng đã có điều gì trong không khí mách nhỏ tôi những lời không rõ. Tôi đã vâng theo lời mách bảo âm thầm mà ghi lại phút ấy, cái phút mong manh người con gái hiện thân giữa trùng điệp cây cối, nghiêm nhiên nàng là giai nhân trong đó.

Bước bỏ ra về của tôi có bề rối rắm, nổi ngùi ngùi làm chùng cả chân đi. Tôi tưởng chừng bao nhiêu sự vật ngoài vòng ý thức khó thể có

đời sống tự tại. Một ngày kia bất đồ đặt vào tầm mắt tôi giữa chốn đông người: đúng người con gái đó. Tôi giật mình ngờ ngợ. Nhưng cặp mắt to đen đã nhấp nháy. Tôi vẫn tự nhủ: “Không phải đâu.” Nhấp nháy là nhấp nháy ời. Tôi chợt hiểu ra những ngày đẹp sao băng, những cồn lá phiêu linh, những mùa xuân hấp tấp... O Temps, épargne-moi, épargne-nous, tu nous as assez marqués de ton empreinte. A elle tu fais don d’inadvertance et à moi d’âge, tu es doublement méchant. Je n’en peux que devenir sournois, ce que je ne me pardonnerai guère: cercle vicieux et intime. Faut-il donc désapprendre à aimer? Beauté asiatique, pour laquelle d’aucuns meurent délibérément, dissimule-toi, diminue-toi, sous

peine de périr sous leur innocence meurtrière. Ainsi brille seulement de cette flame invisible qui te préserverait en même temps de l'ire des dieux? (Hỡi thời gian, hãy tha cho tôi, hãy tha cho chúng tôi, người đã để lại dấu ấn quá đủ trên chúng tôi rồi. Người ban cho nàng sự vô tâm, còn với tôi là tuổi già; người thật tàn nhẫn gấp đôi. Tôi chỉ có thể trở nên xảo quyết, điều mà tôi khó lòng tha thứ cho chính mình: một vòng luẩn quẩn độc ác và thân mật. Vậy chúng ta có phải quên đi cách yêu thương không? Vẻ đẹp châu Á, thứ mà người ta cố tình chết vì nó, hãy che giấu bản thân, hãy thu nhỏ mình lại, kéo bạn sẽ chết dưới sự ngây thơ chết người của họ. Như vậy chỉ còn lại ngọn lửa vô hình ấy, thứ vừa có thể

bảo vệ bạn khỏi cơn thịnh nộ của các vị thần?)

Trên miền đất hứa của trăm luân này, những anh hoa phát tiết, thoát thai từ muôn vàn cưỡng bức, sao chưa kịp hưởng đời con gái đã với cười hắt vào phong nhụy, nguyền rủa làm đàn bà bất đắc dĩ.

Những ngoại nhân nào được điểm phúc sống một phút trên đất này, hãy túy lúy vong thân trong chiều hướng hòa điệu. Occident, oriente-toi! (Phương Tây, hãy tự tìm đường!) Một định hướng dành sẵn, chờ một tổng hợp lịch sử hình thành từ nhan sắc Đông phương.

Chúng ta đã từ nâng hứng trong tay một hòn đất khô, nhỏ lên đó giọt nước mắt, thấm vào đó giọt

mồ hôi, yếu lòng cho dải đất nhiều
chương khí chênh vênh. Giọt nước
vèo tan, khô gầy ở lại. Và khô gầy
tiếp tục nuôi nấng quê hương.

Người Con Gái Việt Nam Muôn
Thuở, hãy ử đời đời một ngọn cỏ ấy,
một nắm đất khô tro bên đường,
những nét đẹp đã đi vào càn khôn,
chất chứa nếp tinh thành kinh dị,
những hình ảnh làm thành ý nghĩa
của nhân sinh; hãy bảo trọng cái
còn lại của những gì còn lại và sống
với định phần kết đầy trái đắng.

Bửu Ý

đã phát hành số ra mắt

CHÍNH VĂN

tờ báo của những suy tư và xúc
động trẻ

NGUYỄN MẠNH CÔN chủ trương

Đón đọc:

CÁT VÀNG

tập truyện của **LỮ QUỲNH**

Một tác phẩm lên tiếng về đời
sống cùng những suy tư khôn
khổ của những kẻ đang bị cưỡng
bức để biến thành những con bài
trong một canh bạc máu.

Ý THỨC xuất bản

Nguyễn Xuân Hoàng

Những cửa sổ của Huế

Ngồi trên máy bay, người bạn đã từng sống ở Huế nói với ta, Huế bây giờ là mùa nắng cháy, mặt trời xuống rất gần, đêm đứng gió, nóng bốc khói từng lỗ chân lông. Huế mùa này như chiếc hỏa lò lớn thiêu tro tất cả. Ta hiểu vậy.

Nhưng thật tình mà nói ta ưa nhìn Huế chìm trong mưa hơn là ngắm Huế trôi trong nắng.

Tại sao?

Cũng không hiểu nữa. Có lẽ là vì trong ta còn rơi rớt lại chút ít cái lãng mạn ngu ngơ của thời tuổi nhỏ. Cũng có lẽ là Vì mưa dễ làm tâm hồn người ta chùng xuống đọng lại cái đáy kỷ niệm hơn là nắng dễ đẩy lòng người ta bay lửng lơ trên cao như những đốm lửa của một hiện tại phiến não. Cũng có lẽ là vì ta biết rằng nắng sẽ đến mà ao ước được nhìn thấy mưa chẳng?

Trên một chỗ ngồi êm, ngó xuống khung cửa kính ta thấy biển cả, núi đồi, nhà cửa. Quê hương ta ở đâu cũng vậy. Núi cao, sông dài, biển rộng.

Trời ngang mắt ta bằng những đám mây bông.

Ta chọn mê một chốc, phi trường Phú Bài đã đến. Nắng còn chói khi bước chân xuống thềm sân bay, nhưng Huế đã tối sầm khi ngồi trên xe ca.

Trời sụp thấp. Và đám mây bông đã cũ xỉ.

Chẳng sao. Thế lại càng tốt.

Ta ao ước mưa và ta đang nghe thấy được mùi khói đất lượn qua mặt mũi. Mưa. Ôi cơn mưa tuyệt vời nào sẽ tới!

Người bạn nói kỳ cục, làm sao có thể có được một giọt mưa trong mùa này.

Mặc kệ bạn ta, hơi đất ngái vẫn xông lên, cơn mưa dị kỳ đang rơi xuống.

Trên xe ca ta tưởng nghĩ thấy
được mùi vị Huế, cái mùi cách đây
lâu lắm ta đã bắt được qua những
bãi cát trắng chạy dọc đường từ
sân bay về trạm ga, cái mùi đặc
biệt Huế thoảng ra từ mái tóc gội
bồ kết em, từ giọng nói ngọt ngào
quyến rũ em, từ màu áo tím than
buồn bã em.

Trên xe ca, trong cơn gió nhẹ
thổi tới mặt, trong hạt mưa bay
động trên cánh tay đặt ở bờ cửa,
trong sự mệt mỏi của người bạn
đồng hành, ta tưởng nhìn thấy lại
khuôn mặt của một người quen,
nụ cười nhỏ, chiếc cổ cao, đôi mắt
màu nâu sáng..

Nhưng không, không phải là
cơn mưa phùn của mùa xuân Đà

Lạt để khơi lại cái quá khứ đã nhòa nhạt, không phải là ngọn gió mềm Nha Trang để thổi bay chút phần thông dĩ vãng đã phai màu. Chính là những giọt nước vỡ oà như cái bong bóng căng bị ép cực mạnh, chính là trận mưa tàn bạo bất thường, cơn gió thốc xoáy quái dị cuốn tung khuôn mặt ngày xưa của Huế. Chính là những căn nhà tân lập lụp xụp, kiến trúc vuông vức phẳng lì hình hộp san sát như những viên gạch để làm nơi buôn bán đổi chác mọi thứ dưới mọi hình thức với một căn cứ quân sự vừa được mọc lên đáp ứng cho nhu cầu chiến tranh mà Huế trở nên ngột thở. Chính cái màu xám xịt của đoàn xe dài đặc đầy nhóc những lính trận, đạn dược và súng ống; chính những chiếc thiết giáp nặng

nề nghiêng xiết mặt đường với bụi đất đỏбет chặt thành xe; chính cái áo tơi quá rộng chùm kín những đôi vai gầy nhỏ, chiếc nón sắt cứng nhắc ép xuống cái đầu mềm nhũn của người lính trẻ làm Huế trở nên người lạ mặt.

Huế mà ta đang nhìn thấy đây (chim trong sương mù của tấm vải thô đục đan bằng những giọt nước mưa to) xa xôi như một vùng đất chưa hề một lần đặt chân đến.

Huế mà bây giờ đây ta đang nhìn thấy (bay bay trong cơn gió lốc và mưa mưa một chút lạnh lùng) huyền ảo mong manh như một cái gì không có thực.

Huế tối tăm trong những bong bóng mưa vỡ tung khi chạm thành

cửa kính, mũi xe, mặt đường.

Huế chính là miền Đất Hứa hứa hẹn những ngày buồn thảm ao ước.

Và như thế Huế chào đón ta.

*

Ta xuống xe ở nhà ga tàu lửa – những nhà ga tàu lửa của hầu hết những thành phố còn sót lại miền Nam này đã trở thành những trạm đi và đến của đường hàng không – nhộp nhúa hơn, lặc lợ hơn và tội nghiệp hơn cái nhà ga mà ta đã nhìn thấy, đã chờ đợi, đã đưa đón, đã ra đi và đã biệt ly hồi đó.

Chiếc sắc trên tay, không còn thứ hành lý nào khác để chờ lãnh, ta đứng chờ vợ một mình ở sân ga.

Huế đó sao?

Trên sân ga này một buổi sáng ta đã đến, len qua cánh cửa người soát vé, chạy băng trên nóc những toa tàu, gặm khúc bánh mì khô trong khói than.

Trên sân ga này, trong một buổi sớm mai lạnh buốt ta đã nhìn thấy mắt em nhỏ lệ ngậm ngùi, nơi chúng ta đã chia tay nhau không một lời từ biệt và ta, chúng ta, ngẫm hiểu với nhau rằng như thế là tình yêu đã hết.

– Huế đó sao?

Hòn sỏi dưới chân ta cũng lạ mặt giống hệt như ta đang đứng trên bờ cát, những con sóng xô vào, rút nhanh, xóa tan hết cái vết chân ai vừa mới dẫm lên.

– Huế đó sao?

Người bạn đập tay lên vai ta.

– Về nhà tao đi!

– Ở đâu?

– Bao Vinh.

– Xa?

– Gần.

– Thì đi.

Nhưng Bao Vinh không gần. Người phu xe thả dốc khi đưa chúng tôi băng qua những con đường ổ gà – trận lụt bữa trước đã cuốn trôi tất cả – lên một chiếc cầu, nép tránh một chiếc xe hàng ọp ẹp, chúi nghiêng khi chúi xuống một lỗ trũng.

Bao Vinh xa không thể tưởng.

Chẳng hiểu là bạn ta có thấy được đường xa và cơn mưa buồn bã của ta không?

Bạn đã nói đến quê nhà của bạn, thời thơ ấu của bạn, con đường mà bạn đã băng qua để đến trường học lớn nhất miền Trung, chiếc cầu (mà chúng tôi đang đi ngang qua đây) là nơi mà mỗi buổi chiều dân chúng thần thơ trên đó hóng những ngọn gió mát từ mặt sông thổi lên.

Ta đã ngủ lại đêm ở nơi này. Bao Vinh ba giờ khuya nước sông lớn theo cơn mưa xoáy đứt neo trôi đi những thuyền buôn của mấy người Quảng. Và ta đứng trên bao lơn Bao Vinh nghe thấy Huế than

khóc, rên rỉ, trôi trên sông một đời buồn bã.

– Huế đó sao?

Sáng hôm sau khi Bao Vinh còn ngái ngủ ta đã dời bỏ nó để trở về thành phố. Dù sao ta vẫn ưa nhìn Huế tận mắt, tận mắt trong cái dáng vẻ nguyên vẹn không màu sắc và phấn son của nó, tận mắt theo cái nghĩa thành phố Huế là tất cả Huế, bởi vì ở đó – những con đường Trần Hưng Đạo, Phan Bội Châu... đầy người hay con đường Lê Lợi, Phạm Ngũ Lão, Trần Thúc Nhẫn... vắng vẻ đến dễ sợ – ta có thể thấy được cái mà ít ra Huế có thể phô bày. Thành phố Huế là khuôn mặt của Huế, những cái khác chỉ là tay chân. Cầu Trường Tiền và Sông

Hương là mạch máu và trái tim Huế. Những chiếc cầu khác, những nhánh sông khác chỉ là những mạch máu nhỏ tiếp dưỡng và bồi bổ cho mạch máu lớn.

Thành Nội là vầng trán của Huế, trên đó người ta có thể nhìn thấy những nếp nhăn cổ tích; con đường hẹp ngập đầy bóng mát và lá úa của những tàn cây lớn đứng tuổi trước những thành quách rêu phong là dấu vết của một thứ quá khứ vàng son không bao giờ long lạnh lại nữa.

Óc não Huế là khu Đại Học trẻ trung chẻ ra bằng những con đường đá xanh, rợp bóng cây của những cuộc dạo chơi tình cảm, đưa con muện màng của mỗi tình kỳ cữ

nhất là Chàng trai tơ Quốc Học và
nàng kiều nữ Đồng Khánh.

Ruột gan Huế là chợ Đông Ba
ngổn ngang xô bồ bên ngoài ngôi
nhà tối tân không được tận tình sử
dụng.

Và Vĩ dạ bên kia Đập Đá chính
là Tình Ái Huế.

Bỏ lại Bao Vinh một buổi sáng
ta nhớ gì?

Có phải là câu ca dao mà bạn ta
đã đọc (và ta nghe không rõ lắm)

Bao Vinh cao bọc (?) thăm bờ

*Ghe thuyền nằng đậu, mẹ nhờ
duyên con*

.

Bỏ lại Bao Vinh, sau một đêm gần như không ngủ, ta thấy Huế dần dần hiện ra trong lặng lẽ im lìm, bất động.

Còn quá sớm để đánh thức một dĩ vãng đang yên ngủ, nhưng hình như quá trễ để pha một cốc nước trà cho người già nua?

Phải không Huế?

*

Như vậy đó ta nhìn thấy Huế.

Suốt bốn ngày đầu Huế mưa dầm dề tầm tã.

Huế nhốt ta trong trường Quốc

Học. Cửa kính xỉn mờ, hành lang u ám, và tiếng trống vào lớp buồn xưa.

Ta đã đi qua những lớp học, không theo con đường hành lang mà đội mưa chạy tuôn trên sỏi, băng qua dãy nhà bên kia.

Huế trầm lặng, nghiêm trang như phòng thi ta đang đeo. Những khuôn mặt xanh, mắt lo âu, trán ưu tư. Huế kêu réo ký ức của những người trẻ tuổi.

Mưa rơi trên sân trường, mực đầy trang giấy trắng. Và niềm im lặng.

Ở đó ta bắt gặp lại Huế cô kính dĩ vãng. Cánh cửa gỗ nặng nề hé mở một chút quá khứ. Chính là

khuôn mặt dịu dàng em, đôi mắt tròn đen hơi ngơ ngác em, nụ cười buồn rầu và mái tóc mượt huyền em... xô đẩy cánh cửa cổ tích kia.

Ôi trận mưa da diết và kỳ diệu của Huế làm ướt tâm hồn ta!

*

Buổi chiều đầu tiên của một ngày có nắng sau trận mưa liên tu hồ tận, người bạn hỏi ta:

– Nóng chưa?

– Cái gì nóng?

– Thì trời đất nóng chứ còn gì! Cái thẳng!

– Nóng.

– Vậy thì đi với tao.

– Đi đâu?

Bạn ta không trả lời. Hắn dẫn ta ra trước Kỳ Đài (A! Chỗ này đây đã có trận đánh lớn, giành giệt nhau để cầm một ngọn cờ. Bao nhiêu người đã chết ở bãi cỏ xanh này. Bao nhiêu tuổi trẻ đã nằm gục vắt ngang khẩu đại bác cũ kỹ này? Một tấm vải. Một lá quốc kỳ. Và máu chảy xuống. Có phải là ta đang nghe lại tiếng đạn réo ngang mang tai, một trái lựu đạn vừa nổ, một hơi thở vừa thoi thóp? Có phải là ta đang nhìn thấy lại trong trí tưởng cái hình ảnh quằn quại của người lính trận. Có hay không điểm khác nhau giữa sự đau đớn thân xác của người chiến sĩ bên này và bên kia sông? A! Chỗ này đây..). Đây ta xuống một bờ dốc. Bước lên một

tấm ván gỗ. Leo qua một khoang
đò. Bọn ta cười cái cười kỳ cục.

Đêm trên sông Hương. Ta
tưởng thấy tất cả cái lóng lánh của
một trang sách, mê say của một
truyện kể... Nhưng chẳng có gì
hết. Đò san sát nhau tấp dọc bờ.
Người đan bà tháo dây, chống sào.
Đò lướt ra, không xa lắm, neo lại.

– Thế thôi?

– Thế thôi!

Đêm có mát thật nhưng ta buồn
cười. Suốt đêm ta buồn cười. Chẳng
là vì ta chờ đợi tiếng phách gõ của
những thuyền nhỏ bán quà trên
sông. Một đồng nghiệp ở Sài Gòn
nghe ta sắp ra Một Huế bên nói cậu
nên ngủ đò. Có gì hay không? Có.

Gì? Tiếng động trên sông Hương đêm. Ra sao? Hẳn nói đến tiếng phách gõ có những nhịp điệu đặc biệt là một thứ ngôn ngữ mà người ta có thể truyền cho nhau được trên sông. Chẳng hạn như chèo có một lối gõ khác với chèo. Bún bò có một nhịp động khác với hột vịt lộn. Và gái nữa... Nhưng bây giờ đây, nghĩ đến thứ âm thanh trong trí tưởng đó làm ta tức cười muốn chết. Ta đâu có đi tìm một chút gió mát trên sông Hương. Ta tìm nghe tiếng động của Huế ban đêm. Và tiếng động đó không có thực. Chỉ có tiếng người ời ời rao hàng và tiếng mái dầm ì òm trên nước.

Huế đó sao?

Trong bóng tối của trời đất, trong hơi thở của sông, ta tình cờ nghe được tiếng thở dài của Huế. Phải, Huế đã thở dài bằng cái thở dài của người sương phụ. Và trong cái tỉnh táo của đầu óc, trong sự lặng thinh của trái tim, ta nhìn thấy lại khuôn mặt dịu dàng em, sự chết nằm trên vành khăn tang trắng cuồn cuộn bạo lạnh lẽo, nhưng trong đôi mắt nai em chứa chan một đời sống êm đềm, nồng nàn.

*

Buổi sáng trước khi dời bỏ Huế, ta ra ngồi trên bậc thềm Lăng miếu trước trường Đồng Khánh. Vững nước của trận mưa bữa qua còn đọng trên mặt đất. Ngày thi đã qua

nhưng mùa hè vẫn còn. Chẳng làm thế nào để thấy được những con bướm trắng bay ra từ ngôi trường đó, rộn rịp nhớn nhोर trước mặt ta, khua guốc trên đường lộ, hót như chim, xuống đò qua sông mang theo chút ngây dại còn sót lại của đời ta!

*

Ôi. Huế rêu phong buồn bã, thành quách cuồng tín, mưa dầm, nắng cháy!

Ôi, Huế bạo động và trầm lặng như đêm!

Nguyễn Xuân Hoàng

QUỐC VĂN Lớp 6

của

THẾ UYÊN Nguyễn Kim Dũng

sách soạn theo sự phạm mới, đầy đủ giảng văn luận văn chính tả văn phạm và chú giải đủ loại, rất thuận tiện cho sự giảng dạy tại các nơi thiếu tài liệu tham khảo.

THÁI ĐỘ ấn hành đầu tháng 8

Dương Nghiễm Mậu

Kẻ sống đã chết

truyện dài (kỳ 4)²

Hữu ra khỏi nhà với người thanh niên, buổi sáng không có nắng, bầu trời đều một màu xanh lạnh ử khói hương. Không khí ẩm hơi nước và Hữu như nghe thấy tiếng lau sậy xào xạc ven bờ sông Hồng ngày ngược dòng nơi bến Việt Trì, trong khoang thuyền rộng, Phúc ngồi ngoài mui, đôi

² xem Văn từ số 180

mắt nhìn trù mẩn những hoa lau trắng, miệng hát nho nhỏ bài Bắc Sơn. Bắc Sơn, hai tiếng ấy bây giờ Hữu như còn nghe thấy vang vọng trên sông nước... Ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu tro, đau lòng bao năm sống làm than đây đó, ai về châu xưa nhờ hồi máu thấm cây rừng, còn vang khe núi tiếng quân oai hùng... quân dân du kích cách mạng một mùa thu ... Hữu lắng nghe trong trí nhớ tiếng hát của tiếng hát của Phúc, tiếng phụ họa của vang vọng từ những rừng cây, mặt sông rộng và chuyển công tác những hiểm nguy chờ đợi phía trước như một lời kéo phiêu lưu...

Những ngày đó đã trôi qua, bây giờ là bầu trời Hà nội và mùa thu e ấp. Người thanh niên nói:

– Tôi có một người anh bị chết khi đánh Hòa Bình, anh có biết Hòa Bình không?

– Vùng ấy tôi không đi qua, anh của anh cũng đi bộ đội?

– Không, anh tôi đi lính ba-ty-giăng.

Người thanh niên nhìn sang Hữu miệng hơi mỉm cười như một lời giải thích. Hai người bỏ đường Hàng Bông rẽ xuống phía nhà thương Phủ Doãn. Người thanh niên nói:

– Tôi mời anh đi ăn phở, dưới này có hàng phở gánh ngon lắm.

Hai người đi một quãng ngắn rồi ngừng lại nơi đầu ngõ Trầm Cầm, con ngõ hẹp, hai bờ lẽ lát

gạch, những bờ tường gạch cũ với những khoảng vôi vàng bong khỏi mặt tường, những khoảng nám đen của thời gian mưa nắng, trên lề một hàng phở gánh, một trong số ít ỏi những gánh phở nổi tiếng đối với những người sành miệng, mấy chiếc ghế nhỏ để rải rác quanh đó, mọi người còn lại đứng quanh, có những người đang bụng bát phở ăn, có người lóng ngóng đứng đợi, dưới đất có những chiếc bát không và những đôi đĩa bỏ lại chưa kịp thu dọn. Mọi người đều lặng lẽ, phần lớn qua mắt Hữu đó là những công chức ăn sáng trước khi tới sở làm, một vài đứa ở cầm bát trên tay chờ đợi mua phở mang về nhà. Người thanh niên đến bên người đàn ông đang thái thịt gọi hai bát phở chín, người thanh niên không

quên dặn cho hành tây và hành trần, đáng điệu, người thanh niên có vẻ gì quen thuộc, người bán phở thì vẻ mặt bình thản với công việc, con dao nhíp nhàng trên chiếc thớt tròn. Từ chiếc thùng bốc hơi, Hữu thấy mùi phở thơm lừng chừng như không còn mùi hôi của thịt bò. Người thanh niên cầm hai đôi đũa nhúng vào thùng nước tráng bánh cầm ra tay vẩy vẩy rồi ngồi xuống bờ hiên bỏ chân xuống đường. Hữu đến ngồi xuống bên.

– Ở ngoài khu chắc không có phở?

Hữu nhìn xuống mặt đường:

– Chúng tôi ít thì giờ để nghỉ ngơi.

Người thanh niên có vẻ ngượng ngùng với câu nói của Hữu. Người thanh niên nhìn Hữu:

– Tôi tiếc đã không đủ lớn để được đi như các anh. Bây giờ đã hết.

– Anh đừng lo, chắc chúng ta có những cơ hội và những công việc khác, mỗi thời kỳ có những trách nhiệm... Thiện chí và khả năng không lúc nào vô ích. Anh có nghĩ thế không?

Người thanh niên không trả lời. Hữu cảm thấy phần nào những mơ ước thần kín của người thanh niên, những mơ tưởng một khung cảnh một hành động như những thanh niên thời nhàn: muốn được sống

như những người can đảm với hoạt động hào hùng. Hữu thở dài.

Hai bát phở, người thanh niên trao cho Hữu một đôi đũa đã cầm sẵn trên tay, hai người ngồi im ăn với bát phở nóng hơi bốc lên nghi ngút, Hữu thấy ngon mắt với những khoanh hành tây trắng trong.

Đứng lên, cầm một cái tấm tre, hai người đi theo con đường nhỏ sang cửa nhà thờ trước khi tới bờ hồ. Hữu vừa đi vừa nói khi ngang qua nhà thủy tạ:

– Anh đã quyết định đi hay ở lại chưa?

– Tôi phải đi Nam, tôi không bỏ được thầy để tôi và những đứa em, bây giờ tới mới thấy sự can

đảm của những người có thể bỏ gia đình. Tôi không làm được điều này.

– Gia đình không biết anh hoạt động sao?

– Không, công việc của tôi cũng không có gì nguy hiểm.

– Anh có chân trong tổ chức học sinh?

– Vâng, chúng tôi viết báo tay, thả truyền đơn, trước đây có lúc chúng tôi được đề nghị ra khu học tập nhưng tôi không được đề cử, người trưởng toán nói tôi tài tử, tinh thần chưa cao. Chắc anh cũng đã từ thành ra ngoài sau này?

– Không, tôi đi theo gia đình từ ngày đầu kháng chiến.

– Sao anh có em ở trong thành?

– Ra ngoài, tôi đi bộ đội, gia đình bị trúng bom của Tây. Thầy để tôi mất, em tôi sống sót được một người bạn đưa vào thành nuôi nấng, thực ra cũng không phải em ruột tôi, đó là em nuôi, con của một người bạn thầy tôi, để tôi nói người bạn bị Tây bắt đưa đi đày đâu ngoài Côn Đảo, người vợ ở lại chỉ còn một người con gái sau bà ấy chết vì bệnh, thầy để tôi cũng chỉ được mình tôi nên mang về nuôi và khai sinh lại làm con, điều này gần như không ai được rõ ngay cả chính em tôi nữa. Về thành thì gia đình của bà Hoan không còn ở chỗ cũ, tôi tưởng không gặp lại được em tôi.

– Vậy có lẽ anh không biết gia đình bà Hoạch?

– Có lẽ gặp thì tôi sẽ nhận ra.

– Bà ấy nói có biết gia đình của anh khi ở Hà Nội, chừng như quen khi bà cầm cái họ có mẹ anh và bà Hoan. Tôi có hẹn trước với bà Hoạch.

– Anh không biết nhà bà Hoan?

– Không, tôi không biết.

Hai người thôi không nói nữa và cùng bước trên đường phố. Hữu nghĩ tới người em gái dù không phải là ruột thịt nhưng thực đã chia sẻ cùng với chàng suốt cả tuổi ấu thơ, sau gần mười năm Hữu không hình dung được người em gái đó như thế nào, và chàng nghĩ,

Lan Khanh chắc cũng không nhận ra, chàng thấy một cách biệt lớn lao giữa tuổi ba mươi của chàng với lớp tuổi nhỏ.

Bà Hoạch tiếp Hữu một cách ân cần, thực chàng không nhận được bà, bà nói tới những sợi dây liên hệ giữa bà và mẹ chàng nhưng thực sự chàng không biết chút gì. Chiếc áo dài bằng dạ màu nâu cũ, chiếc khăn vuông nhung đỏ trên đầu buộc xuống cằm, dáng bà Hoạch nhắc chàng tới hình ảnh người mẹ đã mất, đường ngói rẽ thẳng làm rõ những chân tóc bạc, môi cắn chỉ tươi tắn, tiếng nói ngọt nhanh nhẹn duyên dáng. Người thanh niên đã xin phép ra về. Hữu nói cảm ơn. Bà Hoạch gọi người ở lên dặn dò công việc rồi dẫn Hữu ra khỏi nhà.

– Bà Hoan đợi cậu mấy hôm nay, tôi chờ mà không thấy cậu đến.

– Thừa bà vì cháu có việc bận dưới Văn Điển.

– Tôi tưởng cậu trở ra ngoài khu, thế bao giờ thì bộ đội mình về Hà Nội nhỉ?

– Dạ thưa bà cũng còn hơn tháng nữa.

– Hơn tháng, lâu quá, chúng tôi trông hàng ngày. Bộ đội về, cụ Hồ về, thế mà có người còn đi Nam, tôi không hiểu họ nghĩ sao mà đi, một vài năm nữa rồi Hà Nội cũng như Sài Gòn chứ gì, tuyển cử rồi thống nhất, đi làm gì nữa, phải không cậu?

– Dạ vâng.

Đi một quãng hết con đường Hàng Bạc, bà Hoạch đứng lại nói với Hữu:

– Mình chờ xe điện, nhà bà Hoan ở mãi trên phố Nhà Thương khách kia, cũng hơi xa.

Phố đã đông người, ngay nơi góc đường Hữu thấy một người đàn bà nhà quê ngồi giữa một đôi gánh, chiếc thúng được lót lá sen xanh ở giữa là cối, người đàn bà chít chiếc khăn mỏ quạ mời bà Hoạch, bà nhìn rồi cúi xuống bốc một vốc lên tay chê cối già không mua, Hữu thấy mùi thơm nhẹ nhàng mộc mạc. Xe điện đã đến với hồi chuông giòn giã, những bước xuống vội vã. Hữu bước lên theo bà Hoạch, chuyển xe chạy nhanh với tiếng chuông liên

hồi, qua Hàng Đường, xe ngừng lại tránh chuyển tàu từ Bưởi lên khi tới trước cửa chợ Đồng Xuân, khi ngừng lại ở trạm đầu phố Hàng Giấy thì bà Hoạch kéo Hữu xuống đi bộ qua vườn hoa Hàng Đậu, rẽ vào con đường nhỏ rồi ngừng lại:

– Mình tới rồi.

Vừa nói bà Hoạch vừa bước vào ngôi nhà ngay bên phải, khoảng nhà ngoài hơi tối, bà Hoạch lên tiếng:

– Có khách quý đây.

Hữu đi theo bước vào mấy bước thì ngừng lại, một người đàn bà ngồi ở phía sau khoảng sân gạch nhỏ đứng lên, Hữu nhận ra bà Hoan:

– Tôi dẫn cậu Hữu lại đây.

Bà Hoan bước ra mừng rỡ:

– Trời ơi, cậu Hữu kìa.

– Thưa bà.

Trước mặt Hữu bà Hoan đã già đi nhiều, những nếp nhăn trên má, chiếc áo len ngắn mỏng mặc ngoài, gian nhà không đủ ánh sáng, ba người vào ngồi nơi phòng khách, bà Hoan nói lớn:

– Con ơi, xuống chào anh còn đi, anh Trác con này.

Hữu bỗng thấy xôn xao, tiếng Trác gọi chàng trở lại với gia đình. Trác là tên gọi trong nhà. Cha chàng lấy tên ấy từ lâu: ngọc bất trác bất thành khí. Đã bao năm nay

chàng mới nghe thấy tên gọi thân yêu trù mền ấy. Tiếng dạ vọng từ trên gác xuống, một người con gái đi xuống. Hữu kinh ngạc nhìn Thu. Phải chính Thu, Thu là Lan Khanh sao. Thu xuống tới chân thang cũng đứng lại nhìn Hữu, một tay vịn vào thành lan can cầu thang. Giọng Thu run lên:

– Anh...

Thu đi vội lại bên, đôi mắt cuống quýt, hai tay như thừa thãi trong chiếc áo lụa ngắn, trông Thu như xanh đi. Bà Hoan nói:

– Hai anh em đều lớn, gặp nhau ngoài đường chắc chẳng nhận ra, mười năm rồi còn gì. Anh Trác con đó, thế là hết mong nhé, anh thấy em Thu nó lớn không. À bác chưa

nói cho cháu biết, sau này bác đặt tên cho Lan Khanh là Thu.

Cả hai anh em Hữu không nói được gì với nhau trong nỗi bàng hoàng. Hữu nhìn thấy những giọt nước mắt lăn trên gò má Thu, Hữu nghĩ tới cha mẹ đã mất lòng se lại. Lan Khanh đã lớn với khuôn mặt hoàn toàn đối khác, không còn một Lan Khanh bụ bẫm những ngày trước, đứa bé ngày xưa nay đã là một cô gái dậy thì, mái tóc xanh mượt cặp lại gọn gàng phía sau, khoảng tối trong quầng mắt, Lan Khanh đầy đáng vẻ một sắc đẹp kín đáo. Hữu mỉm cười với những tình cờ. Ngày chàng vào thành hoạt động, những liên hệ với người bạn đồng đội đưa chàng tới gia đình của Bôi Anh, Bê Xanh,

Khuyên, Bôi Em và trong những bạn bè, Lan Khanh có mặt nơi đó. Hữu chắc bà Hoan chẳng thể hiểu được rằng: chàng và Lan Khanh đã gặp và quen nhau. Hữu nào có thể ngờ người ngày nào nay đã trở thành một người con gái với một tâm hồn lãng mạn.

Thu đứng im, lúc sau mới lấy lại được bình tĩnh ngồi vào ghế trong câu chuyện của mọi người. Câu chuyện hàn huyên giữa mọi người đầy ắp một dĩ vãng, một dĩ vãng sôi nổi với lửa đạn, ra đi, chết chóc và những đổi thay như cơn lốc kinh hoàng. Thu nhớ lại những lần gặp Hữu, buổi dạo chơi hôm nào, Thu nghe lòng mình chùng xuống bất hải, nàng cũng như thấy mình xa cách với Hữu, một xa cách ngượng

ngừng. Sao Hữu không là một người lạ nào? Nàng không biết phải nói gì với Hữu trong câu chuyện.

Không khí hàn huyên mỗi lúc một lắng xuống, qua khỏi những giây phút ồn ào, những kể lại của bà Hoạch, bà Hoan, Hữu ngồi im lắng nghe cùng với Thu. Lúc sau bà Hoạch ra về trả lại không khí quen thuộc nhẹ nhàng cho Hữu. Bà Hoan nói giọng cảm động:

– Thực bác không bao giờ nghĩ được rằng cháu sẽ trở về. Bà Hoan nói lại với Hữu mọi chuyện, những ngày sau khi Hữu vào bộ đội, ngày tai nạn đến, ngày bà cùng gia đình mang Lan Khanh theo trở vào thành và những ngày kiếm sống vất vả. Bà Hoan giữ Hữu ở lại nhà ăn cơm.

Bữa cơm trưa cùng gia đình bà Hoan đưa Hữu đến một không khí thân mật. Một người được nhắc nhở trông chờ trở về được nói đến nhiều nhất trong bữa cơm, đó là Linh, người con lớn trong gia đình.

(Còn tiếp)

Dương Nghiễm Mậu

ĐÃ PHÁT HÀNH:

MẮC CẠN

tập truyện của **TRẦN YÊN THẢO**

bìa CÙ NGUYỄN

TỪ THỨC xuất bản

thơ

Trần Tuấn Kiệt

Hoàng Lộc

Hoài Tuyết Trang

cơ sần

*ta chờ em ngờ ngợ bóng liêu trai
em hiện đến quay về không dấu
vết*

vuốt mái tóc yêu mê nghe đã
mệt

sao hồn em lạnh lạnh suốt mười
năm

hơi cỏ hoa hương thoảng dịu thì
thâm

ngươi đã nói những gì trong
phút ấy

ta chỉ biết khi cơn buồn nhẹ
phẩy

là em về sống lại phút thanh
niên

rồi ngàn năm sương bóng
thoảng mùi quên.

Trần Tuấn Kiệt

Vô tình khúc

*nghe đáng đời ta thẳng đặng tử
năm năm vỗ súng hát phiêu
bồng*

*ngàn đêm ngược mắt nhìn
trăng vỡ*

mù nổi u hoài mấy dặm sương?

em đã lâu nay thành dĩ vãng

nhớ em là nhớ kẻ vong tình

ta qua cũng lắm trời mây trắng

để cố mà khinh cái rẻ khinh

ngày đó tưởng xa là chết được

ai ngờ con sáo vẫn sang sông

ngày đó môi em là mật ngọt

ai có ngờ cay nát tấm lòng

chẳng lẽ giận đời đi uống rượu

mà say chưa chắc đã quên đời

và chưa chắc ấm sâu xa xứ

đỏ mặt hoàng hôn cũng hổ người

trăng khóc vô tình trên giấc
mộng

*là trắng vỡ lẽ mộng hôm qua
ta khóc vô tình trong cuộc sống
là vô cùng ta xót thương ta.*

Hoàng Lộc

lạc hướng lòng

*anh cũng như con bướm giữa
đường*

*suốt đời theo đuổi một làn
hương*

mà em có khác gì hương ấy

*theo gió vô tình chẳng xót
thương.*

Hoài Tuyệt Trang

trước đòi hỏi nồng nhiệt của hàng
ngàn bạn đọc chưa kịp mua đã hết

nhà xuất bản
NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG
tái bản lần thứ nhất



SỐNG CHỈ MỘT LẦN
truyện dài của *Mai Thảo*

2500 ấn bản mới, in đẹp hơn lần
trước đã phát hành trên toàn
quốc từ ngày 1 tháng 7 năm 1971

Đón đọc:

Tác phẩm mới của **NGUYỄN
THỊ HOÀNG**

TÌNH YÊU, ĐỊA NGỤC

– Nỗi hao hụt, đói khát của con người trong tình yêu khi đón nhận và cho đi không phải chỗ và phải cách.

– Thảm kịch thầm kín của tâm hồn đàn ông và đàn bà trong đời sống lứa đôi.

– Niềm cô đơn mệnh mông của con người tìm kiếm Tình Yêu chỉ thấy đường về Địa Ngục.

– Tôi với Tình Yêu là tìm vào Địa Ngục, nhưng con người có thể sống thiếu cõi địa-ngục-tình-yêu kia không?

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

xuất bản

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

* * *

*** Một độc giả ở Sài Gòn, hỏi:**

1) Có một số nhà xuất bản cho tái bản các tác phẩm tiền chiến mà bọn hậu sinh chúng tôi rất mừng vì có tài liệu tham khảo, song lúc trước tôi có chép tay một số thi phẩm như “Tiếng thu” của Lưu Trọng Lư, đem ra so lại với bản in do nhà Hoa Tiên xuất bản, tôi thấy hình như bản in lại của Hoa Tiên dường như không được chăm sóc kỹ nên thiếu sót nhiều, như bài “Lá mồng tơi” (có 12 câu?) ở đây chỉ in

có 8 câu. Xin hỏi như vậy sách tái bản bây giờ có đáng tin cậy để mua chăng?

2) Tạp chí “Đại Học” tới số mấy thì đình bản, vào năm nào? Muốn mua lại những số cũ có thể tìm ở đâu?

3) Tạp chí “Quê Hương” tới số mấy thì đình bản và mua ở đâu? Muốn mua những số cũ thì mua ở đâu?

(thư ngày 17 tháng 5 năm 1971)

– Trả lời:

1) Vì không có bản in thời tiền chiến để đối chiếu so sánh nên chúng tôi không thể có ý kiến về vấn đề bạn hỏi. Khi tái bản như thế, chắc nhà Hoa Tiên phải căn cứ

theo bản in thời trước, vậy đề nghị bạn biên thư hỏi nhà xuất bản đó thử coi.

2) Tạp chí “Đại Học” do Viện Đại học Huế thành lập, số đầu ấn hành tháng Hai 1958, số cuối là số 40, bộ VII, tập 4, tháng 8 năm 1964. Bạn thử biên thư hỏi: Viện Đại học Huế, số 1-B đường Hoàng Hoa Thám, Huế.

3) Tạp chí “Quê Hương” xuất bản tại Sài Gòn, số đầu ấn hành tháng 7 năm 1959, số cuối là số 46, năm 1963. Trên những sạp bán sách báo cũ, dọc các vỉa hè Sài Gòn, thỉnh thoảng có thấy bày bán nhiều số “Quê Hương” cũ, tìm mua chắc bạn phải tốn nhiều thì giờ và công khó.

*** Ông Nguyễn Văn Thọ, Bình Định, hỏi:**

Xin giới thiệu những tác phẩm bằng Hán văn do người Việt sáng tác dưới triều Nguyễn.

(thư ngày 12 tháng 4 năm 1971)

– Trả lời:

Thư tịch về tác phẩm chữ Hán do người Việt viết dưới triều Nguyễn, xin ông tham khảo:

1) CADIÈRE, L. and PELLISOT. Première Etude sur les sources de l'histoire d'Annam. In: Bulletin de l'Ecole française d'Extrême Orient, IV, 3, 1904.

Tài liệu này không được đầy đủ.

2) Huỳnh Khắc DUNG, Sử liệu Việt nam. Sài Gòn, Nha Văn hóa, 1959.

Tài liệu nói về Sử, theo ngày tháng năm xuất bản.

3) SMITH, R. B. Sino-Vietnamese sources for the Nguyên period: an introduction. In: Bulletin of the School of Oriental and African Studies. University of London, Vol. XXX, Part 3, 1967 (Reprint).

Tài liệu mới nhất, đầy đủ hơn cả (sách và văn khố).

Hai câu hỏi khác của ông, xin được trả lời trong một dịp khác, thuận tiện hơn. Mong ông thông cảm và lượng thứ.

*** Ông Bùi Đức Hòa, Vững Tàu;
và nhiều bạn đọc khác:**

Mong ông chép lại giùm nguyên
bài thơ “Đôi bờ” của Quang Dũng?

(thư ngày 22 tháng 5 năm 1971)

– Trả lời:

Bài thơ dưới đây được chép
theo trí nhớ. Nếu quý bạn có gặp
một vài chữ, câu, khác với những
bản chép khác, xin đừng thắc mắc.

ĐÔI BỜ

*Thương nhớ ơ hờ thương nhớ
ai*

Sống xa từng lớp lớp mưa dài

Mắt kia em có sầu cô quạnh

Khi chớm thu về một sớm mai

Rét mướt mùa sau chùng sắp
ngự

Kinh thành em có nhớ thương
ta

Giăng giăng mưa bụi quanh
phòng tuyến

Hiu hắt chiều sông lạnh đất tề

Khói thuốc xanh dòng khơi lối
xưa

Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ

Thoáng hiện em về trong đáy
cốc

Nói cười như chuyện một đêm
mơ

*Xa lắc rồi em người mỗi ngả
Bên này đất nước nhớ thương
nhau
Em đi áo mỏng buông hờn tủi
Là hết thôi rồi chuyện trước
sau.*

QUANG DŨNG

*** Ông Nguyễn Thanh Sơn,
Định Tường, hỏi:**

1) Việc trích dẫn thơ của một tác giả mà chép sai nguyên văn, có là điều vô lễ (đối với tác giả – dù còn sống hay đã chết) và có là điều đáng trách hay không?(...)

2) Xin cho biết mấy câu thơ sau là của Hồ Dzếnh hay của Thâm Tâm:

Rồi một ngày mai em lấy chồng,

Tôi về cưới vợ, thế là xong.

Vợ tôi không giống em là mấy,

Tôi cưới cho tôi đỡ lạnh lòng!

Nếu có thể, xin ông vui lòng cho chép lại trọn vẹn với tựa bài và cho biết rõ ràng xuất xứ của bài thơ đó.

3) Hồ Dzếnh ngoài tập thơ “Quê ngoại”, còn có tập thơ nào khác nữa không?

(thư ngày 14 tháng 6 năm 1971)

– Trả lời:

1) Việc trích dẫn thơ mà chép sai quả là điều đáng trách. Có điều mong ông hiểu giùm là có khi do tác giả bài viết chép sai, có khi do tài liệu tham khảo chép sai, và cũng có khi do lỗi tại nhà in đã in sai. Chúng tôi đã cố gắng nhiều nhưng cũng không tránh khỏi loại sai lầm này. Xin chân thành cảm ơn ông đã bỏ công chỉ dẫn và tự hậu chúng tôi sẽ xin cố gắng hơn nữa để việc trích dẫn thơ khỏi bị sai lầm.

2) Theo trí nhớ của chúng tôi thì bốn câu thơ trên là của Hồ Dzếnh, Chúng tôi đã có tra cứu nhưng chưa tìm ra xuất xứ. Ước mong bạn đọc nào biết, xin vui lòng chỉ dẫn giùm.

3) Ngoài “Quê ngoại”, Hồ Dzếnh

còn tập thơ “Hoa xuân đất Việt” xuất bản năm 1945. Trong bản in lại tại Sài Gòn gần đây, nhà xuất bản đã in chung một cuốn cùng tập “Quê ngoại”.

*** ông Trịnh Song Huy, Cần Thơ, hỏi:**

1) Giải thưởng Văn chương Goncourt do ai sáng lập, thuộc quốc gia nào? Từ trước đến nay những ai đã được lãnh giải và những người này thuộc quốc tịch nào?

2) Xin cho biết về tiền sử Krishnamurti và do nguyên nhân nào mà có người nói Krishnamurti là hiện thân của Chúa và Phật Thích ca?

3) Xin cho biết tiểu sử Lỗ Tấn. Chúng tôi nhận thấy từ trước đến

nay quý báo chưa hề dành một số báo nào nói riêng về Lỗ Tấn?

(thư ngày 29 tháng 6 năm 1971)

– Trả lời:

1) Giải Goncourt do hai anh em văn sĩ Goncourt sáng lập năm 1903 tại Pháp. Xin tìm xem, Nguyệt san “Gió Mới” số 6, tháng 9 năm 1962 (năm thứ 6, bộ 6) là số đặc biệt về các giải thưởng văn chương, trong có những điều bạn muốn biết.

2) Tìm trong tài liệu “Dictionnaire Universel des Auteurs” chúng tôi không thấy có Krishnamurti. Đề nghị bạn nên biên thư hỏi những vị đã dịch K., thư gửi về các nhà xuất bản đã in sách của K.

3) Đề nghị bạn xem lại bài của

Trần Thiện Đạo: “Lỗ Tấn và Á. Q Chính truyện” đăng trong Nguyệt san “Tân Văn” số 3, bộ I, tháng 7 năm 1968, tr-tr 36-73. Bạn có thể xem thêm bản dịch văn Lỗ Tấn của Giản Chi, do nhà Cảo Thơm xuất bản. Muốn mua số báo “Tân Văn” nói trên, bạn có thể gửi 40 đồng về Ty Trị Sự VĂN.

*** Tử Ka, Sài Gòn, hỏi:**

Độc trong truyện dài “Kẻ sống đã chết” của Dương Nghiễm Mậu hiện đang đăng tải trên Văn, gặp đoạn thơ viết cho mùa thu Hà Nội của Nguyễn Đình Thi nào đó? Mong ông cho biết trọn bài thơ trên và nếu có thể, xin nói rõ thêm về thân thế Nguyễn Đình Thi?

(thư ngày 1 tháng 7 năm 1971)

– Trả lời:

Bài thơ “Sáng năm xưa” của Nguyễn Đình Thi. Toàn bài có đăng trong Nguyệt san “Văn Học” số 131 (1-7-1971). Đề nghị bạn viết hỏi toà soạn tạp chí “Văn Học”, số 61 đường Lê Văn Duyệt, Sài Gòn, để hỏi về tiểu sử NĐT.

*** Nguyễn Văn Phương, Phan Rang, hỏi:**

1) Xin ông giải nghĩa giùm câu “L’Enfer est les autres” và xuất xứ của nó?

2) Xin ông cho biết sơ về tiểu sử của Sigmund Freud cùng các tác

phẩm nổi danh của ông?

(thư ngày 6 tháng 7 năm 1971)

– **Trả lời:**

1) *Địa ngục chính là kẻ khác*.
Xuất xứ: Huis-Clos, 1, 5, Jean-Paul Sartre. Xin xem bản Việt dịch “Kín Cửa” do Trần Thiện Đạo giới thiệu, dịch và chú giải, Giao Điểm xuất bản, Sài Gòn 1965.

2) Sigmund Freud là nhà tâm phân học trứ danh của Đức, sinh tại Freiberg (Moravie) ngày 6 tháng 5 năm 1856, chết tại London ngày 23 tháng 9 năm 1939. Toàn bộ tác phẩm của ông được thu thập trong 18 quyển, nhà xuất bản Imago Publishing Company, London, 1940-1952. Từ 1956, nhà Standard

Edition cũng đã khởi công in một toàn bộ tác phẩm khác của Freud.

3) Câu hỏi thứ ba của bạn có tính cách riêng tây nên chúng tôi xin được miễn nêu câu hỏi. Chúng tôi tâm thành ước mong được bạn chỉ dẫn cho biết những chỗ nào là “cay cú” để chúng tôi biết đường sửa chữa thì thật muôn vàn cảm tạ...

*** Ông Trần Kim Sắc, Vĩnh Bình, hỏi:**

Tôi được nghe người ta nói báo Văn có thành lập nhóm chỉ có người trong nhóm viết bài rồi đăng lên, còn ngoài ra những bài ở xa gửi đến đều bị tòa soạn Văn

từ chối không đăng một cách khéo léo là bài lai cáo hay nhiều lý do khác nữa. Không riêng gì báo Văn mà hầu hết các báo ở Sài Gòn đều thế. Nếu mà được Văn đăng bài của độc giả ở xa gửi đến thì cả là một vấn đề, phải năn nỉ, xin xỏ mới được đăng vào những khoảng giấy trống. Vì thế tôi không biết có sự thật hay không?

(thư ngày 2 tháng 7 năm 1971)

– Trả lời:

Trước hết, bài lai cáo là tên gọi chung những bài từ ngoài tòa soạn và ban biên tập, gửi về cho các báo. Như vậy “bài lai cáo” không thể là một lý do để từ chối những bài không nhận đăng.

Trên mặt báo này, đã hơn một lần, chúng tôi minh định là chúng tôi không bao giờ kết thành bè nhóm. Chúng tôi cũng đã luôn luôn bày tỏ ước muốn được đón nhận thêm nhiều cây bút mới, để có thể ấn hành hơn một số đặc biệt dành cho những cây bút trẻ trong mỗi tam cá nguyệt.

Có lẽ vì chúng tôi không chủ trương mị độc giả, lại có sự tuyển chọn các bài lai cáo một cách kỹ lưỡng, nên mới có dư luận như bạn nêu trong thư. Mong bạn, và tất cả những bạn trẻ khác, hãy tin là trong tình ái đôi giữa những người làm văn nghệ, không bao giờ có chuyện “năn nỉ, xin xỏ” để được “đăng bài vào những khoảng trống”. Người nào làm nổi việc đó,

người nào nhận nổi việc đó, không phải là người làm văn nghệ, không đáng cho chúng ta lý tới.

Nhân đây, chúng tôi cũng đề nghị bạn xem lại cùng mục này, VĂN số 180 (15-6-1971) để biết rõ hơn “về những bài lai cáo gởi cho Văn”.

Nhắn tin:

– Duy Phương, Phú Quốc.

Đúng là đoạn thứ ba trong bài “Những năm mờ” của Chế Lan Viên. Xin bạn cho biết tài liệu nói trong thư 2-7-71 là tài liệu nào để chúng tôi kiểm chứng lại. Có điều, xin bạn đừng suy luận để sửa thơ.

– Ông Bửu Nghi, Sài Gòn;
Trương Công Huân, Huế.

Trần Thị NgH là một cây bút thuộc phái nữ đích thực. Cô tự thấy mình chỉ là một cây viết mới; phần khác, do đức khiêm tốn của người cầm bút, cô thấy chưa thuận tiện để giải đáp những thắc mắc của quý ông. Mong được quý ông lượng thứ.

– Nguyễn Văn Thơ, Đức Trọng.

“Nàng là con gái trời cho đẹp,

Tuổi mới mười lăm đã đẹp rồi”.

đúng là thơ Nguyễn Bính. Chúng tôi đã dò tìm trong hầu hết các tác

phẩm của Nguyễn Bính mà không truy ra xuất xứ. Mong được bạn đọc nào biết, vui lòng chỉ dẫn giùm.

– Đoàn Châu Lâm, Tam Kỳ.

Chúng tôi đã cố tìm nhưng không tìm ra xuất xứ bài thơ “Vu vơ”.

– Thủy Tử, địa chỉ không rõ.

Những câu bạn hỏi trong thư không ngày tháng, thật ra chúng tôi chẳng biết trả lời sao cho thỏa đáng. Chỉ biết đề nghị bạn tìm đọc những tờ báo nào hợp với trình độ thẩm mỹ của bạn. Trong rừng báo chí hiện nay, chắc chắn bạn sẽ tìm

gặp được tờ báo thích hợp. Mong
bạn cảm phiền.

BĂNG NHẠC

DIỄM CA

Băng nhạc của
những đêm buồn

VĂN PHỤNG thực hiện

với tiêu chuẩn:

- NHẠC HAY
- ÂM THANH TỐT
- CA SĨ TRÚ DANH

đã có bán khắp nơi

tin văn văn

Đời vắng em rồi say với al

là tên một thi phẩm nổi tiếng của nhà thơ lão thành Vũ Hoàng Chương. Trung tuần tháng 7 vừa qua, nhà xuất bản Lửa Thiêng đã cho phát hành thi phẩm trên. Sách dày 144 trang, mẫu bìa của Duy Thanh, nhan đề các bài thơ trong tập là thủ bút của tác giả, được trình bày trang nhã.

Sách gồm hai phần chính: phần I, Tuổi học trò, 17 bài thơ sáng tác trước 1940; phần 2, Từ đó về sau, 19 bài trích trong các thi phẩm viết từ sau 1955.

Nhân dịp phát hành “Đời vắng em rồi say với ai” tác giả có bài thơ “Cảm đề”, chúng tôi mạo muội chép lại nơi đây để toàn thể bạn đọc đồng thưởng lãm:

Đời vắng em rồi say với ai?

Còn ai say được nữa đời trai!

*Nàng Men, vợ goá Lưu Linh
trước*

*Bước đã cuồng phong tắt đáy
chai.*

Tiên nữ Má hồng-nâu thuở nọ

Hài son ngọc bắc cũng dần phai.

Xuân đi, vòng sắp tròn Hoa-giáp

Liệu có hai lần song nở mai.

Sàigòn Tân Hợi tháng 6

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Triển lãm hội họa

Từ ngày 10 tháng 7 đến hết ngày 15 tháng 7 vừa qua, tại Trung tâm Văn hóa Hoa Kỳ, Huế, hai họa sĩ Tôn Thất Văn và Đinh Cường đã cho trưng bày mỗi người ba chục bức tranh sơn dầu.

Giới thiệu cuộc triển lãm, Bửu Ý viết:

“... Đây là lần đầu tiên Đinh Cường và Tôn Thất Văn họp mặt một cách nghệ thuật và công khai; nói cách khác dù gặp nhau trong thời niên thiếu, dù sống và đi cùng một định hướng, hai người, cũng như chúng ta, phải lắm phen rẽ riêng, phân thân làm con người

của hoàn cảnh mà phụ tình đối với nghệ thuật.

Phòng tranh này đây vừa là một dịp trần tình với nghệ thuật tri kỷ vừa tạo một dịp cộng thông giữa người trong tranh với người thưởng tranh...”

Phòng tranh của Tôn Thất Văn và Đinh Cường đã thu hoạch kết quả tốt, về nghệ thuật cũng như về tài chánh.

Đêm nhạc và thơ

Tại Hội quán Cây Tre, số 2-bis đường Đinh Tiên Hoàng Sài Gòn, vào hồi 20 giờ ngày 20 tháng 7 vừa qua, một đêm thơ nhạc đã được tổ chức.

Phần nhạc giới thiệu 10 tình khúc của Trần Quang Lộc trong tập nhạc “Hát trong dòng sông tuổi xưa”. Phần thơ do Vũ Hữu Định và thân hữu đọc “Những bài thơ tình”.

Đêm nhạc và thơ, thu hút được một số đông cử tọa, đã diễn ra trong bầu không khí thân hữu và cởi mở...

Nói chuyện văn chương

Nhà văn Vũ Hạnh đã nói về “Văn hóa và Mạo hóa” tại trụ sở Trung tâm Văn Bút Việt Nam, vào hồi 10 giờ sáng chủ nhật 25 tháng 7 vừa qua.

Buổi diễn thuyết, nằm trong khuôn khổ các buổi nói chuyện vào

chương do TTVBVN thường xuyên tổ chức, đã thu hút được một số thính giả đông đảo. Bạn đọc ở xa, muốn theo dõi nội dung bài nói chuyện, xin tìm coi tập san Bách Khoa...



GIỚI THIỆU
SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

* SIÊU CẨM, Lê Quân và Thương Thương, Tác giả xuất bản. Sách dày 128 trang, giá 200 đồng.

Thi phẩm gồm khoảng gần năm chục bài thơ.

* MỘT LẦN VỀ THĂM, Trần Bình Thái, Văn Hóa xuất bản. Sách dày 104 trang, giá 100 đồng.

Tập truyện gồm bảy đoạn thiên, của một tác giả trẻ, phản ánh những ưu tư khắc khoải của thời đại.

* ĐỜI VẮNG EM RỒI SAY VỚI AI, Vũ Hoàng Chương, Lửa Thiêng xuất bản. Sách dày 144 trang, giá 200 đồng.

Bìa Duy Thanh. Xin xem “Tin văn văn” cùng số này.

* TÔI BỊ VỢ KHI, Alberto Mora-Via, Trần Văn Điền dịch, Sống Mới xuất bản. Sách dày 200 trang 180 đồng.

Tiểu thuyết, không rõ dịch từ cuốn nào của A. Moravia. Nhật Tiến giới thiệu.

* VÀNG BAY, A Khuê, Tác giả xuất bản. Sách dày 44 trang, giá 100 đồng.

Thi phẩm gồm khoảng gần ba chục bài thơ. Bìa và phụ bản của Tòng. Một bài do Nguyễn Quang Tấn phổ nhạc.

* HÁT TRONG GIÒNG SÔNG TUỔI XƯA, Trần Quang Lộc, Khởi Động ấn hành. In rô-nê-ô, dày khoảng 30 trang, không ghi giá bán.

Tập gồm mười ca khúc. Bìa Lý Văn Chương. Phụ bản Quang.

* DÒNG SUỐI TƯƠNG TƯ, Yên Ngàn, Tác giả xuất bản tại Bá Linh, Đức quốc. Sách in rô-nê-ô dày khoảng 50 trang, không đề giá.

Thi phẩm đầu tay của Yên Ngàn gồm 11 bài thơ.

* MÊ KHÚC CHO CUỘC TÌNH BUỒN, Dạ Sầu Vĩnh Thụy, Động Đất xuất bản. Sách dày 20 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Thi phẩm gồm 16 bài thơ.

* DẤU CHIM TRÊN CÁT, Đặng Minh Trí, Tác giả xuất bản. Sách dày 80 trang, không đề giá.

Sách gồm 35 bài thơ, bìa do tác giả vẽ.

* GIẢI TRỪ KIẾN THỨC, J Krishnamurti, Nguyễn Minh Tâm và Trầm Nhiên dịch, An Tiêm xuất bản. Sách dày 208 trang, giá 180 đồng.

Bản dịch cuốn “Freedom from the Know”, dịch theo bản tiếng Pháp “Se libérer du connu” của Carlo Suarès.

* XÓM CHUÔNG NGỰA, Nguyễn Đức Sơn, An Tiêm xuất bản. Sách dày 128 trang, giá 120 đồng.

Sách gồm 5 truyện ngắn.



* Triều Thụy Du, Kbc 7148.

Quân thư dán 3 đồng tem phải gửi theo hệ thống quân bưu. Thư bạn gửi bưu cuộc dân chính làm chúng tôi bị phạt rồi đó. Mong quý bạn khác lưu ý giùm. Đa tạ.

* Lư Hoàng Công, Phan Thiết.

Ăn cơm còn có hạt vãi, chúng tôi đã cố sức cẩn thận nhưng cũng không thể tránh được hết lỗi về xuyết tự. Mong bạn đọc thông cảm và sửa lại giùm, Muôn vàn cảm tạ.

* T-D-Th, Thủ Đức.

Nữ sĩ Trùng Dương vẫn cộng tác với Văn. Lâu nay sở dĩ bạn không đọc vì có chưa có sáng tác nào đặc ý.

* Cao Thiện Nghĩa, Đà Lạt.

Bạn không viết ra câu chữ nho thì chúng tôi không thể dịch cho đúng. Chữ thâm âm, phải chăng là thẫm âm? Xin gửi về nguyên câu chữ nho mới đăng.

* Hương Trà Giang, Quảng Ngãi.

Vợ chính của Thái tử là Phi.

* Trúc Tuyền Tâm, Phong Thanh. Bốn câu thơ ông chép bị lạc vận. Chữ cũng không đúng (ví dụ hướng không phải là nhớ...) “Người nào đó” đã có lý. Lời bộc trực, mong ông cảm phiền.

* Nguyễn Đăng Gia Triều, Tam Kỳ.

Xin xem lại bài Giải đáp thắc mắc trong Văn số 174 (15-3-1971) có đăng trọn bài “Tổng biệt hành” của Thâm Tâm.

LƯU Ý BẠN ĐỌC:

Hiện nay các số báo VĂN cũ: 33, 40, 47 và 107 + 108 đã hết, Vây: xin quý bạn đừng đặt mua những số báo kể trên nữa.

Nhân đây, cũng xin lưu ý bạn đọc nhớ là thư hỏi mua báo cũ, nhớ kèm tem và địa chỉ rõ ràng để Ty Trị sự trả lời riêng. Mục “Hộp thư Bạn đọc” sẽ không trả lời những thư hỏi mua báo cũ. Muôn vãn cảm tạ.

NHẮN TIN RIÊNG

* Ông Chu Gia Thoại, Đài Loan
(?)

Xin ông cho người tới báo quản

lấy gói báo chúng tôi còn giữ đã từ lâu và nay đã quá hạn. Đa tạ. Lần 3

(Ty Trị sự Văn)

* Hoài Tuyết Trang, Qui Nhơn.

Vừa mới nhận được gói bảo đảm, đầy đủ cả.

Sẽ gửi gói bảo đảm khác về địa chỉ cũ. Nhớ đón mà lấy. Chúc lành. Tình thân.

* Bạn bè thân hữu khắp nơi:

Tôi đã về Vĩnh Bình, thư cho Lê Miên Tường, Đ. Đ. 3, TĐ 1/12, Sư đoàn 7. Kbc 4422. Rất mong tin, nhất là từ Huế.

(LMT cạy đăng)

* Mương Mán, Huế.

Sẽ đăng “Cát bụi ngàn khơi”.
Tình thân.

* Hoàng Lộc, Kbc 3177.

Sẽ đăng “Bất ngờ, gặp Quế Linh
ở Tân Định”. Cứ gửi tiếp. Thân.

* Lê Bá Lăng, Huế.

Sẽ đăng “Người đàn ông trong
phòng bệnh”. Tình thân.



BÀI LẠI CẢO
NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không
giữ lại cũng như không phát hoàn
bản thảo những bài lại cảo không

được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

* VĂN

Quý bạn: Trúc Lâu, Lê Hồng Thuyên. Đinh Lê. Duy Phương. Nguyễn Hà Châu. Bùi Năng Thụy. Thụy Lộc. Dạ Tâm (2). Nguyễn Văn Duận. Lê quang Tô Châu. Mékong. Phạm Hiếu Mẫn. Ngọc Cường. Trần Kiên Thảo. Hoàng Miên Vũ. Trần thị Hương Nguyên. Hoàng Hôn Huấn. Nguyễn Tiến Cung, Chung Lăng. Phạm Nga. Thái Hoài. N-T-L. N-T Long

* THƠ

Quý bạn: T-T-Ng. Kỳ Điện Nam.
 Khanh. Quyên Ca. Long Hoài Hương.
 Chu Phong. Lê Quang Khánh,
 Hương Trúc. Ngọc Thùy Khanh.
 Trần vũ Cung Thy (4). Nguyễn Tiếp
 Tục (2). T-B-H. Nguyễn vũ Thúy –
 thụy K. Linh Thơ. Đặng Huy Đăng.
 Phạm Thiên Thanh . Hoài Linh Vũ .
 Trần Nguyên Thủy. Lâm Cao Lê Ái
 Hạnh. Nguyễn Tấn Tề. Liên Sa (2)
 Phương Hà. Đặng Ninh Phương.
 Triều Thụy Du. Lộ Khanh. Lê thị
 Ngưng Phiên Vân Ly. Hoài Sang. Võ
 Sinh. Huy Chuân (2). Nguyễn thị
 Thu Nghi. Thiều Nhượng. Giang Hà
 Thủy. Nguyễn Thế Dượng. Hoàng
 Uyên. Dạ Tâm. Võ Văn Khyêm. Lê
 Tường Dũng. Nguyễn Ngọc Nghĩa.
 Việt Cường (2) Triều Vũ (2) Tánh

Diệu Anh. T-M Uyên Chi (2). Vũ
Thế Kỉ. Giáng Bình. Đào Duy Thy.
Hồ Du Tử. Quế Lộc. Phượng Khánh.
Dũng Anh. Nguyễn Văn Duận. Hàn
Tâm. Mi Hạ. Nguyễn phước Duy
Xuyên. Duyên Pha. Võ Nguyên Sử.
Nguyễn Văn Hồng. T-Th Thương
Trà Giang. Lê quang Tô Châu. Tạ
Trầm Tư. Trần Quang Thiếu (2).
Trần Tuấn Khoa. Ly Băng Tâm.
Anh Phan. Đinh Nhật. Cũ Sỹ. Thi-
hoài Thư Tuyết. Thục Hạnh. Chiêm
Bình Mai (2). Hàn Nhân. Song Tân.
H-T-T. Lê Đông Tùng. Trầm Du Tử
(2). Phạm Hồ. Duy Ninh. Huỳnh
Kim Hoa. Trần Chương. Chu Kha.
Sĩ Trung. Thanh Ngọc. Trầm Thy
Phượng. Chế Mường Côn. Diệp
Hồng Phương. Phạm Quang Đại.
Trầm Lăng. Đinh Công Bình. Đoàn
Nam. Hà Văn Lương. LVQH. Bùi

Tiến Ca . Ngô Sa Cơ. Hồ Văn Minh.
 Ân Anh. Lưu Trác Thiên . Dương
 Quang. Đỗ Thênh Thang. Phan
 Uyên Hoài. Hoa TDZ. Mạc Trần Hạ.
 Thi-nhân Dục Mỹ. Huỳnh Tú Mậu.
 Đà Giang Thanh. Tạ Xuân Từ. Luân
 Vũ. Thiên Thu. Quách Ngọc Điền.
 Ng-Ng Định. Nguyễn Đăng Hà.
 Mékong. Hàn Thạch Tâm. Phan
 Nhật Lệ. Tống Đình Nam. Nguyễn
 Dật Thuyết. Tạ Mỹ. Tạ Trầm Tư.
 Nguyễn Bắc Ninh. H-T Phụng
 Khánh. Long- kha Huỳnh Văn Ngô.
 Tryền Tố Lê. Ng-đăng Gia Triều.
 Văn M Thụy. Hoàng Quỳnh. Võ
 Hoàng Hưng.

Ban Tuyển-đọc Tác phẩm của
 VĂN đã đọc những bài lai cáo của
 quý bạn có tên trên đây và rất tiếc
 không thể chọn đăng. Xin chân

thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

NGUỒN đã phát hành:

TIẾNG NÓI GIỮA HƯ VÔ

thơ *NGUYỄN NHO NHUẬN*

* Di ngôn của một thiên tài mệnh yếu.

* Tiếng nói công buốt của một linh hồn cô đơn, một đời người bệnh hoạn, nhưng cũng bang bạc một trời yêu thương...

* Sách có in di ảnh và triện son của cố thi sĩ

* Ở xa muốn mua xin liên lạc:

Ô. Đĩnh Trầm Ca

14, Quốc lộ 1 – Vĩnh Điện – Quảng
Nam

Đang bán ngàn-thứ-ba

Gần hết



ĐỂ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

tiểu thuyết của **MAI THẢO**

* Thế giới ngọt ngạt, dồn nén của những người đàn bà tỉnh nhỏ, đẹp lòng lấy và vô ích, mà tình yêu là một nỗi loạn cùng đường, không lối thoát.

* Những đời người, qua những cái bé nhỏ ghê gớm và những cái dịu dàng khốc liệt.

* Hiện tượng tan vỡ kỳ lạ của những trận tình bị hủy diệt ngay từ khi vừa bốc cháy.

* Qua hơn 300 trang sách nồng nhiệt, lôi cuốn từ chương đầu tới chương cuối cùng.

Nguyễn Đình Vượng xuất bản

